



DI CẢO
NGỌC GIAO
ĐỂ LẠI
SAU HƠN NỬA
THẾ KỶ

NGỌC GIAO

Mùa Thu



vh

NXB Văn học

MƯA THU

Tác giả: **Ngọc Giao**

Thể loại: **Truyện ngắn, Văn học**

Nhà xuất bản: **Văn Học**

Đóng gói: *nguyenthanh-cuibap*

Text: Waka

SỰ NGHIỆP VIẾT CỦA NGỌC GIAO



(5 . 5 .1911 - 8 . 7 .1997)

Phong Lê

Sinh năm 1911 - thuộc thế hệ Nguyễn Tuân, Thạch Lam, Vũ Trọng Phụng, Nguyễn Huy Tưởng...; mất năm 1997 - thọ 86 tuổi, Ngọc Giao thuộc số người viết ít ỏi có hành trình xuyên suốt thế kỷ XX. Trước 1945, ở vị trí Thư ký tòa soạn *Tiểu thuyết thứ Bảy*, tờ báo có sức cạnh tranh nghiêng ngửa với *Phong hoá*, *Ngày nay* của Tự lực văn đoàn, ông có mối giao du rộng rãi với nhiều tên tuổi hàng đầu cùng thời - ngoài nhóm Tự lực, như Nguyễn Công Hoan, Lan Khai, Lê Văn Trương, Thanh Châu, Tam Lang, Tchya, Vũ Trọng Phụng, Vũ Bằng, Nguyễn Triệu Luật, Phan Trần Chúc, Lưu Trọng Lư, Leiba, Trần Huyền Trân, Nguyễn Hồng, Thâm Tâm, Nam Cao, Nguyễn Bính, Tô Hoài... Hơn thế, còn là một cây bút lực lưỡng trên cả hai lĩnh vực truyện ngắn và tiểu thuyết - với những tên sách có chỗ đứng

trong lòng công chúng như *Phấn hương*, *Cô gái làng Sơn Hạ*, *Đất*, *Quán gió*, *Câu sương*, *Nhà quê*..., Ngọc Giao xứng đáng có tên trong bộ lịch sử văn học Việt Nam trước 1945, như Vũ Ngọc Phan đã đưa ông vào bộ sách *Nhà văn hiện đại*. Thế nhưng nửa sau thế kỷ XX ông hoàn toàn bị quên lãng, và bỗng trở nên xa lạ với các thế hệ bạn đọc trẻ tuổi, dấu sức viết của ông vẫn còn rất dầy dào. Đối với người làm văn, người có một sự nghiệp văn chương thì một sự lãng quên như vậy có thể xem là một nỗi đau quá lớn. Thế mà ông vẫn phải sống và vẫn sống được. Và đi đâu may mắn là từ cuối thập niên 80, sau khởi động công cuộc Đổi mới, Ngọc Giao dần dần trở lại được nghiệp viết và sức bút, để trong ngót 10 năm cuối đời, khi vào tuổi 80, ông đã có thể trở lại sự hiện diện cùng độc giả. Và, vào dịp kỷ niệm 100 năm sinh, sau ngày mất 14 năm, là sự tái bản lần lượt những tên sách quan trọng ông viết trước và sau 1945 như các tiểu thuyết *Nhà quê*, *Xóm Rá*, *Câu sương*... và các tập truyện, ký như *Cô gái làng Sơn Hạ*, *Hà Nội cũ nằm đây*, *Phấn hương*, *Quan báo*... chọn trong số trên dưới 300 truyện ngắn ông đã viết.

Một ngắt quãng và vắng bóng khá dài, do những sự cố lớn diễn ra mà ông phải trải cùng với một số bạn bè cùng cảnh ngộ...

.....

Bây giờ nhìn lại mới có dịp thấy rõ, trước 1945, chỉ riêng ba tập truyện *Một đêm vui*, *Phấn hương*, *Cô gái làng Sơn Hạ* cũng đã đủ đưa Ngọc Giao vào đội ngũ những tác gia truyện ngắn thành danh như Thạch Lam với *Gió đầu mùa*, *Nắng trong vườn*; Nguyễn Tuân với *Vang bóng một thời*; Thanh Tịnh với *Quê mẹ*; Hồ Dzếnh với *Chân trời cũ*; Bùi Hiển với *Nằm vạ*; Tô Hoài với *O chuột*, *Nhà nghèo*... Một thời dài, Ngọc Giao được coi là cây bút lãng mạn - và đó cũng là một trong các lý do để ông bị “quên”; nhưng

sự thật thì trong ông có cả hai - hiện thực và lãng mạn, hoặc ông đứng vào nơi giáp ranh giữa hai bờ hiện thực và lãng mạn. Có nghĩa là thế giới truyện của ông cần được mở về cả hai phía. Phía *thực tại nhân tiên* mà ông không hề là người quay lưng trước những xót xa, lảm lỡ, thất vọng, thất bại (cùng với nhiều cái chết) của nhiều hạng người tuy không phải là dưới đáy, nhưng cũng đã phải nếm đủ mọi thiếu thốn cơm áo, và sự tan vỡ mọi ước vọng tuổi trẻ hoặc tuổi lập thân vào đời. Trong thế giới này, Ngọc Giao có sự quan tâm đặc biệt đối với những kiếp nghệ sĩ nghèo, những đào nương và kép hát đã hết cái thời vàng son và đang phải sống nốt những ngày tàn thiếu nảo, cô đơn như trong *Tết cô dâu*, *Phấn hương*, *Kim Dung*. Cũng thuộc thế giới này là những kẻ đam mê nghiệp văn chương, thèm được gọi là thi sĩ, văn sĩ, trong một cuộc dấn thân vụng dại mà phải nhận những quả lừa, hoặc siêu lừa đáng ghét bởi cái đám người vây quanh làm nên một cái chợ văn nhốn nháo cho đủ mọi thứ hàng họ ế ẩm như trong *Quan báo*, *Tôi là thi sĩ...* Mở rộng ra khỏi cái thế giới ấy, Ngọc Giao đã không quên chia sẻ sự cảm thông mà không hề có chút khinh rẻ hoặc miệt thị nào, đối với số phận cực nhục của các kỹ nữ và gái điếm như một số cây bút cùng thời; hoặc với những phận đời xám nhò, không có chút sinh thú gì như anh mõ làng, người ký ga, người đưa thư, cô gái muộn chềnh... mà nếu thiếu họ thì bức tranh toàn cảnh về xã hội thuộc địa sẽ thiếu đi những mảng màu đặc sắc.

Và phía thứ hai, đó là những *hoài niệm* về một quá khứ có quá nhiều ưu tư, nó là những “chân trời cũ” giống như Hồ Dzếnh, là “những ngày thơ ấu” giống như Nguyên Hồng, làm hiện lên một tuổi thơ cô đơn, buồn tủi, trong đó nổi lên hình ảnh một người mẹ ra đi quá sớm, trong bối cảnh những miền quê mà tuổi thơ ông đã trải. Theo tôi, đây là những trang viết rất hay, bởi nó rất phù hợp với tâm trạng của một thế hệ không thấy vui trong hiện tại nên tìm về quá khứ; nhưng mỗi lúc ngược dòng lại chỉ chạm

vào những xót xa hoặc những niềm đau của đời người. Một tuổi thơ nhiều non nớt và vụng dại. Một tuổi trưởng thành không lúc nào nguôi khuấy những lỗi lầm đối với các đấng sinh thành v.v... Lâu lắm rồi tôi mới được trở lại những trang hay và cảm động như thế về mẹ, về cha, về những người thân thuộc; bởi dường như nó bỗng nhiên quá hiếm trong văn học hôm nay.

Một ý hướng đạo lý cùng với sự chùng mực, và cẩn trọng trong văn phong để không gây nên những cú sốc, thái quá hoặc bất ngờ, vẫn là cái làm nên chất giọng Ngọc Giao. Viết rất nhiều về tình yêu, trong say đắm hoặc trong đau khổ của những cuộc tình dang dở, bi kịch, nhưng không lúc nào Ngọc Giao tìm đến các yếu tố “sex” như nhiều người cùng thời. Một văn phong nghiêng về hoài cảm, trữ tình - đó là cái làm ông xích lại gần với Hồ Dzếnh, Thanh Tịnh, Thạch Lam... Nhưng có lúc những nghịch cảnh gây nên cả khóc và cười mà ông không thể tránh lại gợi nhớ Nguyễn Công Hoan, Nam Cao...

Đạo lý - đó cũng là điều cần lưu ý nơi văn Ngọc Giao. Trong sự phô bày các tình huống phi đạo lý ở đời qua nhiều truyện ngắn và một số tiểu thuyết, người đọc có dịp nhận rõ một cố gắng gìn giữ đạo lý ở Ngọc Giao - con người, thậm chí dường như còn là bảo thủ mang nền nếp Nho phong trong các quan niệm về gia đình và tình yêu, trách nhiệm và nghĩa vụ...

.....

Đọc Ngọc Giao, dấu chỉ với bốn tập truyện mới in lại gần đây, cùng tiểu thuyết *Nhà quê*, *Xóm Rá*, *Câu sương* vừa được xuất bản, ta vẫn có thể yên tâm khi xếp ông vào đội ngũ những tác gia quen thuộc về Hà Nội, có vị trí xứng đáng bên Thạch Lam, Nguyễn Tuân, Tô Hoài, Nguyễn Huy Tưởng, Vũ Bằng, v.v... Bởi gần như hầu hết các truyện của ông (không

phải chỉ riêng mấy tập truyện này) đều gắn với các địa chỉ quen thuộc của Hà Nội, với thế giới nhân vật chính là con người của Hà Nội một thời, trong bối cảnh hình thành xã hội thuộc địa: những công chức loại thấp với cảnh sống đơn điệu, tẻ nhạt đến vô vị; những thanh niên thiếu ý chí và lý tưởng nên rơi vào hư hỏng hoặc trụy lạc; những điền chủ kiêm quan lại với lối sống nửa tỉnh nửa quê; những kiếp sống cần lao nhọc nhằn, vô vọng; những bi kịch gia đình với những ông chồng vô tích sự hoặc hư hỏng; những người vợ nhần nhục cam chịu để mong có một hạnh phúc ảo; những cuộc ngoại tình với những cách xử lý oái oăm không đem lại hạnh phúc cho bất cứ ai; những trớ trêu hoặc bạc bẽo của số phận; những gắng gỏi giữ nếp nhà trong bao hiểm họa; những ông Tây thuộc địa trắng tay trong canh bạc đời hoặc những cô đầm (lai) phải sa vào vòng lao lý; những buồn tủi, xót xa cho cảnh xê chiêu hoặc ế muộn... Đọc Ngọc Giao thấy ông không vực sâu vào những kiếp sống “dưới đáy” như Vũ Trọng Phụng, Nguyên Hồng; nhưng cũng không thấy ông thi vị hoá đời sống trưởng giả và gọi nên các ảo tưởng ngây thơ về cải cách xã hội như Hoàng Đạo, Khái Hưng. Đứng ở chỗ giao nhau, hoặc nơi giáp ranh giữa lãng mạn và hiện thực, thế giới truyện của Ngọc Giao dường như có phần được nói rộng ra cả hai phía trong một cảm quan có màu sắc u buồn về hiện thực mà ông không muốn tìm đến nguyên nhân, và không tin có những thay đổi; thế nhưng đâu đó vẫn ẩn chứa khát vọng về một cuộc sống trong sạch và lương thiện cho con người, cho loài người.

Cùng với Hà Nội cần có thêm sự bổ sung một vùng sống khác, đó là Kinh Bắc, quê sinh của Ngọc Giao. Gần như mọi hồi nhớ, hoài niệm về tuổi thơ ông đều dành cho miền đất Kinh Bắc. Ông sinh ra tại xã Nguyệt Đức, huyện Thuận Thành, rất gần với Nhã Nam, huyện Yên Thế, Bắc Giang, quê Đề Thám, gần ga xe lửa Lạc Đạo, nơi đã gợi cho ông viết hai truyện ký rất hay là *Ga xép* và *Lối tình*. Hai tác phẩm nói cái buồn hiu hắt

đến mỗi mòn trong kiếp sống của những con người nơi một cái ga xếp chợ
vợ giữa cánh đồng và lẫn chìm trong dăm bảy mái lều của những người
nhà quê sống như cây cỏ. Những miền quê này, đặc biệt những năm 1946,
1947, 1948 vô cùng dữ dội đã để lại trong tâm hồn nhạy cảm của ông biết
bao kỷ niệm và kinh nghiệm sống không thể nào quên, nó mãi in đậm trong
tâm trí ông. Để rồi liên tiếp các năm sau đó, ông cho ra đời một loạt tiểu
thuyết: *Con người* (1947), *Đất* (1949), *Quán gió* (1949), *Xã Bèo-người của
đất*(1951), *Mưa thu* (1953), và *Câu sươg* (1953), khiến tên tuổi ông có
chỗ đứng vững chắc trong trái tim bạn đọc.

Với Ngọc Giao, dường như Hà Nội là hiện tại của ông, còn Kinh Bắc là
quá khứ của ông - cả hai , cùng song hành và cùng hòa trộn vào nhau trong
hoài niệm, cho đến cuối đời, suốt đời - như trong hai câu thơ ông viết vào
mùa hè - 1991, ở tuổi chẵn 80:

Về cõi thiên hư, đành nhẽ lạy từ Kinh Bắc

Qua thời văn bút, này đây yên giấc Tây Hồ

Kinh Bắc là quê sinh của ông, Tây Hồ là quê ở. Phải sáu năm sau nữa
mới là lúc tính đến chuyện “lạy từ” và “yên giấc”. Sáu năm - ông còn cho
ra mắt 15 bút ký và 6 chân dung để góp vào gia tài ngót 300 truyện, ký
ngắn, tính cho đến lúc này.

.....

Một sự nghiệp tiểu thuyết cũng là đi đầu đáng nói gắn với tên Ngọc Giao.
Sau tiểu thuyết *Nhà quê* (1944) là các tiểu thuyết *Quán Gió* (1949), *Câu
sươg* (1953), *Đất* (1949), *Xã Bèo - người của đất* (1950 - mất bản thảo)
và phóng sự *Xóm Rá* (1957) mới khôi phục lại được bản thảo viết tay.

Vậy là trong sự nghiệp sáng tác của mình, tiểu thuyết chủ yếu được viết trong thời gian ông h ồi cư v ề Hà Nội. Đây là quãng đời ông phải xử lý nhiều tình huống rất khó khăn: từ Hà Nội đi kháng chiến; từ kháng chiến trở v ề Hà Nội; sự mưu sinh và nghề nghiệp, trong đó có nghiệp văn trong bối cảnh sự theo dõi, giám sát của chính quyền thực dân Pháp và bộ máy kiểm duyệt. Trong tư cách của “người trở v ề” - *dinh tê*, ông đã viết *Đất*, *Xã Bèo - người của đất*, *Quán Gió*, *Câu sương* với tâm thế của người phải đối diện với những biến đổi có mặt là éo le, không dễ thuận với thời cuộc...

Tiểu thuyết *Nhà quê* (1944) cùng thời với *Bướm trắng* của Nhất Linh, *Quê người* của Tô Hoài, *Sống mòn* của Nam Cao là một cái nhìn về nông thôn qua con mắt của mấy trí thức thành thị. Một nhà quê gần như không có gì thay đổi, trong tối tăm và hoang dã, dẫu có mối quan hệ với thành thị, bởi cái nhìn của Ngọc Giao căn bản vẫn là cái nhìn bi quan của một người không tin vào những thay đổi. Cái nhìn này sẽ càng được củng cố với *Đất* và *Xã Bèo - người của đất*, trong bối cảnh kháng chiến chống Pháp, qua số phận của người nông dân phải bỏ làng, bỏ đất đi tản cư; r ồi từ vùng tản cư, do quá khó, quá khổ trong làm ăn, nên lại phải trở v ề vùng địch chiếm để sống thân phận của những t ền nhân - mất hết tài sản, trở lại được với đất thì không còn trâu nên vợ chồng phải thay nhau kéo cày, đúng như thân phận trâu ngựa, còn kém cả giun dế, sâu bọ. Trong những tiểu thuyết viết về nông thôn Việt Nam, *Đất* của Ngọc Giao theo tôi là một khám phá sâu sắc về thân phận người nông dân thời hiện đại; một thân phận nông dân không chỉ đúng trong nửa đầu thế kỷ mà vẫn còn khá đúng cho suốt cả thế kỷ: gắn với đất mà phải rời bỏ đất; có đất mà phải sống dưới mức nghèo khổ; cực kỳ hi ền lành, tốt bụng, chỉ mong được sống yên ổn với những mơ ước đơn sơ, thế mà không lúc nào được yên vì trăm nghìn hiểm họa bủa vây, rình rập.

Quán Gió, Cầu sương, qua thân phận tha phương của mấy nhân vật thành thị, Ngọc Giao gửi gắm tâm sự của mình về một cuộc sống luôn phải đối diện với những nghịch cảnh trớ trêu. Viết trong bối cảnh Hà Nội tạm chiếm ông phải xóa nhòa các đường biên cụ thể của hiện thực, khiến cho cuộc kháng chiến chỉ còn là một cái phong mờ, trên đó là sự nối dài những cuộc tình và những phận người được vắt qua một con đập lớn là cách mạng và kháng chiến. Trong nền văn xuôi mới sau 1945, hai cuốn tiểu thuyết trên của Ngọc Giao cho ta cảm nhận một giao thoa, chứ không phải là sự cắt đứt của một tiến trình vẫn còn nhiều ràng buộc nhân quả trước và sau 1945.

Trong số các tác phẩm dài hơi viết sau 1945, cần dành một vị trí riêng cho *Xóm Rá*. Theo lời kể của Ngọc Giao thì đó là sự ghi nhận một hiện thực đặc biệt của Sài Gòn năm 1949 mà ông đã có dịp sống trong hai tháng; hiện thực đó ông đã chọn phương thức *phóng sự* để thể hiện (*Xóm Rá - phóng sự Sài Gòn*), và viết xong tác phẩm vào năm 1957, có nghĩa là trong bối cảnh Hà Nội đã được giải phóng sau ba năm. Nhưng tác phẩm đã không thể in; và ông đành phải gửi tặng cho một người bạn tin cậy là ông Lâm café để nhờ giữ hộ. Rồi còn phải chờ tiếp cho đến hôm nay *Xóm Rá* mới có thể ra đời.

Một di cảo Ngọc Giao để lại sau hơn nửa thế kỷ.

Một phóng sự về thực trạng nhà chứa và gái mại dâm - có thể xem đây là sự tiếp tục một đề tài đã quen thuộc trước 1945, với các phóng sự và tiểu thuyết của hai tên tuổi Trọng Lang và Vũ Trọng Phụng.

Đọc *Xóm Rá* thấy ở Ngọc Giao một bút pháp mới - bút pháp phóng sự, khảo tả chi tiết những đi đâu mắt thấy tai nghe - nơi một vùng đất được xem là cấm, là húy kỵ đối với việc bảo vệ đạo đức và an toàn sức khỏe cho xã

hội... Bởi đây là xã hội *buôn người* mà nạn nhân là phụ nữ. Và nếu phụ nữ do làm nghề này mà nhân phẩm bị hạ xuống đáy, thì *người buôn, người mua* lại càng là một đám thú vật, không còn mấy tính người. Một thế giới gồm hai loại người như thế - đó là *Xóm Rá*, mà ngay từ chương đầu, người đọc đã có thể nhận ra, qua một văn phong rất thời sự, rất “phóng sự”, sắc sảo và hài hước, đó quả là đi đầu có gây nên ngạc nhiên và thú vị đối với tôi - là người cho đến bây giờ vẫn chỉ mới quen với Ngọc Giao như là tác giả của *Phấn hương* và *Nhà quê*, của *Câu sương* và *Quán Gió*...

Một tiểu thuyết - phóng sự (hoặc phóng sự - tiểu thuyết) trong kết hợp và bổ sung giữa hai thể viết, trong tương ứng với chất liệu và chủ định của tác giả, ghi nhận cái mới, cái lạ trong văn Ngọc Giao vào những năm 50 - làm nên một gắn nối đầu và cuối thế kỷ XX - hai nửa thế kỷ Ngọc Giao đã sống trọn với bao cung bậc của trải nghiệm.

.....

Bây giờ vào dịp kỷ niệm chẵn 100 năm ngày sinh Ngọc Giao, khi một số truyện ngắn của ông đã được chọn in trong 4 tập; và khi ba tiểu thuyết *Nhà quê*, *Câu sương* và *Xóm Rá* vừa mới ấn hành, cùng các cuốn *Đất*, *Quán Gió*, *Mưa thu* (truyện vừa), *Đốt lò hương cũ* (ký), *Bến đò Rừng* (truyện ngắn) đang chờ in, không kể những tiểu thuyết khác như *Xã Bèo - người của đất*, *Con người*, *Cơn gió bắc* và tập ký *Chuyện thôn Kiều* đang được người thân khẩn trương tìm kiếm, chúng ta có thể nhận rõ một sự nghiệp viết dẫu có bị ngắt quãng hơn 30 năm nhưng vẫn tìm được sự gắn nối để có độ dài ngót 70 năm, với số lượng có thể nói là đồ sộ để đưa Ngọc Giao vào hàng ngũ những cây bút lực lưỡng trên văn đàn thế kỷ XX. Về phần tôi, là người sớm được đọc ông, cùng lúc với đọc Nguyễn Công Hoan, Nguyễn Tuân, Thạch Lam, Vũ Trọng Phụng..., phải cho đến bây giờ

tôi mới có thể yên tâm đặt tên cho bài viết của mình về ông là *Sự nghiệp viết của Ngọc Giao*, sau bài viết đầu tiên về ông vào giữa năm 1999 - cách đây 12 năm có tên *Ngọc Giao - người khởi bị lãng quên vào cuối thế kỷ*. Có nghĩa là, với ông - năm 1999 (cũng như với Vũ Bằng và Lan Khai sau đó), mới chỉ là “khởi bị quên”, trong khi nhiều tên tuổi khác như Tản Đà, Vũ Trọng Phụng, rồi một số thành viên của Tự lực văn đoàn và các kiện tướng trong phong trào Thơ mới đầu đã được nhận lại giá trị ngay sau khi khởi động của công cuộc Đổi mới.

Tây Hồ 15-4-2011

P.L

MÙA THU PHẦN THỨ NHẤT

Một hôm, đi qua cái bến đò Hồn nhộn nhạo, Thảo bảo vợ con ngồi nghỉ dưới gốc đề rỗ rón rén đến trước cửa nhà Linh, ghé mắt vào cánh liếp thấy cụ Đầu Xứ - thân phụ Linh - thần thái vẫn ung dung, đang với tay lên vách hạ bức liểu bõ lụa vân đằng do danh sĩ Trung Quốc Phùng Tử Tài thủ bút. Cơ chừng cụ Đầu Xứ chỉ đành lòng rời bỏ bến Hồn nếu còn có thể nhét vào lòng chiếc ô đen bức liểu ngàn vàng ấy. Thảo không dám vào lạy biệt, hoặc là xin đồng hành cùng bá phụ, là vì Thảo vốn kính sợ thân phụ bạn như một kẻ tôi đối với Chúa.

Cụ Đầu Xứ tính nghiêm, diện mạo hết một ông già trong một tấm tranh Tàu cổ. Thảo và Linh đã một dạo ham Hán tự, được cụ Đầu Xứ Bắc Ninh dạy cho ít nhieu. Nhưng rỗ hai kẻ đồ đệ chẳng thể học được mãi, đã tự bỏ bến Hồn vào Hà Nội, múa máy trên trường văn trận bút, đến nỗi cụ Đầu Xứ chỉ lắc đầu ngao ngán mà chẳng thềm nói. Từ đấy người con trai cả cuốn mình vào ánh lửa Đô thành.

Thảo cùng Linh cộng sự một tuần báo văn chương. Do thế, cụ Đầu Xứ có ý ghét con mà không bằng lòng cả Thảo. Thảo cứ phải trốn tránh vẻ mặt trang nghiêm, lạnh lẽo của ông già bến Hồn.

Trượng phu thiên lý trí mã cách,

Thái sơn nhất trịch khinh hồng mao.

Linh ngâm khế câu thơ cổ, đưa tay với chai rượu sủi tăm, rót vào chiếc bát đàn. Rượu giang hồ nhạt vị, anh nhắm sông với muối ớt.

Mưa trắng bạt ngàn núi đồi. Nước nhỏ theo mái quán xuống rãnh hiên lầy lội. Khói ở một mái nhà sau đồi cuốc tỏa nhẹ nhẹ trong làn mưa thu, ngả màu lam biếc. Linh cúi xuống, soi bóng mái tóc bồng vương men rượu, cảm cái say của ưu tư lắng vào cái lặng lẽ của chiều thu.

Mưa mãi mưa hoài,

mộng đời chưa kịp hái.

Mưa mãi mưa hoài,

lòng nhớ thương ai,

cảnh tượng sâu nơi quan tái.

Giọng anh bay thoảng nhẹ vào gió mưa, khiến Thảo mang mang nghĩ đến anh bạn thơ họ Lư, mà thi nghiệp chỉ còn có thể gửi vào “con nai vàng ngơ ngác”.

Rượu đã cạn. Linh ném chiếc bát men da lươn rạn chân chim vào góc chõng, anh ngược nhìn một dải mây xám đang chuyển theo làn mưa trên triền núi:

- Bây giờ, cái hàng ngũ văn nghệ chúng mình có rất nhiều loại người. Có những kẻ nửa đời chơi với, vụt nổi cơn điên hiệp sĩ rồi bẻ roi, ném bút nhất định từ bỏ hết lũ con tinh thần đã trưởng thành, để rồi tập sống lại, tập viết lại, tập nghĩ theo những lời những ý của giới lao động.

Có người trước đây chỉ làm thơ xót con chim mộng, tiếc cái oanh vàng, thế mà hôm sau đã trở nên thiên tài bất tử kiểu Aragon, để rồi xây dựng lại tất cả Lý, Đỗ, Thôi, Bạch, đề cao thi ca đại chúng.

Linh ngừng lại, nhìn hòn non bộ trước quán: từ một kẽ đá nứt vỡ, một khóm cỏ may đã len lách mọc lên phất phơ trước gió. Giọng anh trầm lạnh:

- Còn mình, lũ chúng mình, thì nay đây mai đó, tô râu trát phấn, đóng mãi cái vai Lỗ Túc đi đòi Kinh Châu từ Gia Cát Lượng. Hoặc ngồi biên soạn dăm ba vở kịch thơ. Uống rượu với mơ chua, mặn chát, điếm vào tí ớt chỉ thiên. Ờ, nói đến ớt chỉ thiên, mình lại nhớ đến câu thơ haikai của Nhật:

Một con chuồn chuồn

bỏ đi đôi cánh

thì là quả ớt.

Và một quả ớt,

thêm vào đôi cánh

lại hóa chuồn chuồn.

Đó là kiểu thơ Nhật quân phiệt. Hiện giờ người ta đang chửi quân phiệt, thế mà vô hình trung các thi sĩ áo vải đã hò nhau làm theo thơ Nhật cho đại chúng thưởng thức... hà... hà... hà...

Linh bỗng phá cười, chệnh choáng đứng lên rồi lại rơi phịch xuống chiếc ghế. Anh giờ tay vẫy hai người bạn đang rào bước ngoài mưa. Một trai đeo nỏ, một gái dắt đoản đao. Đó là Trần và Hạc, đôi vợ chồng son.

Thảo và Linh còn nhớ đã có lần anh nổi bất bình mắng nhiếc Trần bạc đức. Trần quắc mắt, bạnh quai hàm quát lại:

- Ta đã là con người mới, sống ở một thời đại mới. Mẹ cha, ruột thịt kẻ làm chi.

Nhớ lại chuyện cũ, bất giác Linh cạn bát rượu đầy.

Thảo với chiếc bát, hất cạn chè tươi, rót rượu vào bát để mời Trầ. Trầ gạt nhanh bát rượu, lắc đầu và nghiêm mặt:

- Tối kỵ. Tôi đã làm thơ bài rượu, có lẽ nào phạm giới. Ngày nay ta phải sống vì thiên hạ, lấy chí quật cường của dân tộc làm men, lấy gan tranh đấu của bách tính làm linh dược. Bọn chúng ta đã nửa kiếp chìm mình vào trong đáy chén, sao còn chưa chịu chui thoát cái vỏ trai kia trong khi chính những con sên, con ốc bé nhỏ đã tự đập phá cái vỏ đón hèn!

Thảo chỉ ng ỡ yên ngắm đôi mày mũi mác nhắc lên hạ xuống theo đôi mắt xếch vàng khè vì nước độc khi mờ khi quắc của người bạn.

Linh lặng lẽ nhìn vào mảnh gương vỡ gài trên tấm vách thùng nhà hàng để ngắm bóng cô Hạc đang lùa xùm xụp bát bánh đúc, riêu cua tanh loãng. Ăn xong, cô kéo vạt áo lau làn môi thâm héo, lại với nải chuối hột bóc ba bốn quả li ền.

Thấy Thảo, Linh chẳng hưởng ứng lời nói đanh thép mà Trầ thấy rất nhiệm màu mỗi khi cần đem ra thuyết giáo những thằng bạn văn nghệ không tin tưởng vào lớp người mới trong đó Trầ tự cho mình là kiện tướng, Trầ giận lắm nghiêng răng ken kết.

Thảo, Linh trả ti ền hàng đứng dậy. Dáng ngạo nghệ, Linh chân nam đá chân chiêu khoác tay Thảo bước ra ngoài trời mưa đổ. Linh ngửa mặt đón gió mưa lùa mái tóc b ồng, ngâm lớn:

Có con mèo trắng ôm thân mốc,

Thảm thiết gào trắng xé gió khuya.

Thảo mỉm cười, giữ cánh tay Linh vì anh vừa trượt chân suýt té nhào. Linh cười nhạt, cảm thấy nóng gáy vì cặp mắt xéch của người bạn đang dõi nhìn theo.

Đôi bạn đi vào mưa gió, Thảo tránh một hồ nước đỏ ngầu, ngậm ngùi bảo Linh:

- Thế là mình lại mất thêm một thằng bạn nữa. Ông có nhớ những ngày lũ chúng mình thường tụ nhau ở túp lều của Trần dựng bên ao bèo, ngô cứt Khâm Thiên để “thơ mày rượu tao”, ôm hũ rượu cười nghiêng ngửa. Nó làm thơ, mà lại là thơ nghe được.

Cửa nhỏ trông trời vướng chấn song,

Một khuôn thu hẹp mấy phương lòng,

Bốn tường vôi lở loang màu máu.

Mộng cũ thêm sâu chuyện núi sông.

Bây giờ thì nghệ thuật theo thời thượng. Lòng con người không còn sống cùng thơ văn nữa. Chỉ là những tiếng nói lờn vào một thứ vỏ, khuôn nhất định. Anh đừng cảm một làn mây, đừng say một dáng đào, đôi mắt. Con trâu kéo cày, con bò gặm cỏ, chị đi đốt nương. Thiết thực như củ khoai, hạt lúa.

Thốt nhiên Linh lớn tiếng cười, phá vẻ trang nghiêm trên mặt Thảo:

- Ấy thế mà mình đã đôi lần trái cựa. Một buổi hội văn nghệ chiến sĩ mình đã ngâm bài thơ *Vợ chồng người đốt than* của Tản Đà.

Mây vàng lãng đãng bên mình.

Sinh sinh, hóa hóa cái hình phù du...

Thật ra, người ta vẫn chưa nỡ coi những vần thơ khó hiểu và đầy mỹ cảm ấy là nghịch, ngụy. Là vì người ta vẫn thú nghe, như là những nhà lãnh đạo Hồng quân của nước Trung Hoa bây giờ đã thích nghe *Tỳ Bà Hành* trước khi hạ bệ anh hùng Tôn, Tưởng, để gắn phù hiệu đó vào xương sống gầy chú dân cày.

Mưa ngớt hạt. Đến bên sông. Dòng nước bắt ngu ồn tự cao nguyên đổ xuống, ánh một màu chàm lá độc. Chiếc đò đầy lán lướt theo chiều sóng xoáy, một nhọc ngoi ra giữa dòng sông. Một đò khác tiến sang. Hai chiếc đò gặp nhau giữa triền sông rộng. Thảo trở sang chiếc đò kia cho Linh nhìn, rồi nói:

- Một cặp vợ chồng nghệ sĩ! Trước kia họ ở sân khấu cải lương Sài Gòn. Bỗng thấy rằng phải bỏ nghề để làm một cái gì cho cách mạng. Thế là anh ta phất cờ đeo súng, hò reo trên thảo trường dân chủ. Gió mạnh cuốn đi xa, anh ta cầm bằng theo gió, để ngày nay vẫn cứ là một kếp kịch lưu vong. Chồng vợ tiêu hao xương thịt vào nước độc. Chắc là họ đi tìm đoàn để có chỗ làm trò và lấy chỗ mượn chiếu chẵn đắp điểm cho nhau - Linh ngao ngán nói tiếp - Lũ chúng mình cũng chỉ là thứ kếp làm trò, không hơn kém. Tôi làm thơ. Anh viết báo. Làm thơ viết báo như con trâu ốm theo cày chứ không phải con trâu kéo cày. Anh viết chơi, người ta cũng đọc chơi, rồi mai một... Ồ, biết làm sao trước được!

Chiếc đồ ghé vào bến, Linh ngoảnh lại. Hai vợ chồng nghệ sĩ lưu vong đang leo lên bờ dốc. Chồng nâng vợ ồm, vợ dìu chồng đau, lom khom khuất trong làn mưa thu. Linh khẽ thở dài, cảm thấm tâm tư nỗi đau ngoài thiên hạ.

Trời chiều sẫm đỏ. Mưa thu nhuộm xám bầu trời chiều. Dừng chân ở đầu đường lối xuống thung lũng, hai người đang ngờ ngác dò phương hướng, thốt nhiên có tiếng hú vọng trên nương. Hai gã bỗng từ một lùm cây nhảy xổ ra, như phùng lặc thảo đòi mồi, thì ra Bình Uy và Chu Quý.

Uy lôi chai rượu bố giấu kín ở bọc áo ra, giơ lên mà hét:

- Chúng ta biết nhà người đến nên đã xoay tiền đi mua vụng được để đón tiếp các người đây.

Và Quý cũng lôi gói đậu phụ, lạc rang trong hai túi bành tô lính tây.

- Yên chí chúng bay chết rắp trong trận oanh tạc Thái Nguyên rồi. Linh hèn các mi lại linh ứng hiện về đây đúng lúc có rượu ngon, đậu béo.

Bốn người rào bước vào trong bản. Uy lỗ mãng nói vang:

- Oanh Oanh của nhà người khóc nhiều lắm đấy.

Linh thấy se lòng, càng bước vội. Đến cổng nhà một thổ hào mà đoàn kịch lưu động tạm đóng ít lâu, bốn người bước qua một chiếc sân phủ đầy rêu.

Oanh đang ngẩn nhìn tắm cá bên ao. Có thể coi cô là đóa hải đường e lệ, là bông phù dung ngại gió, nếu ta đã xem cô diễn kịch trong những vai

mềm như liễu, mảnh như tơ. Có thể tả Oanh là con cáo đã khổ công tu luyện hóa thành mỹ nữ làm nghiêng ngả đàn ông nếu ta đã có giây phút rợn mình vì tiếng cười, sóng mắt của loại hồ tinh ấy. Lại có thể tả Oanh là con rắn cuộn tròn mình chờ đớp ngóc, là con mèo nhai nghiền chuột, nếu ta đã nhìn thấy cô trong một bữa ăn dọn ra vào lúc cô đang chau đôi mày vì đói ngấu. Nhưng cái tật gắt đói, ăn vật ấy thực không đáng kể khi người đàn bà đã có khối óc thông minh, lại có thiên tài sân khấu, nói hay, ngâm thơ giỏi, giọng trầm mà không chua gắt, nét mặt buồn mà rất đỗi kiêu kỳ. Họa sĩ hóa trang ở hậu trường, trong mỗi vai chỉ cần bảo cho Oanh một lần làm mẫu rồi lần sau họa sĩ cứ việc đứng khoanh tay để xem cô tự xoa phấn, kẻ mày, búi tóc, mặc xiêm y lấy. Màu sắc của trang phục, màu phấn son thậm hơn hay nhạt bớt cho ăn với vẻ mặt, vai diễn, và nhất là với sức sáng của ánh đèn dầu hay đèn đất ngoài sân khấu, đều do cô cân nhắc và quyết định. Cặp Oanh, Linh là linh hồn của đoàn kịch lưu động Bông Lau, bởi thế anh em mới nói: Trời sinh ra Linh để viết kịch cho Oanh đóng. Và cũng chỉ vì Oanh mà Linh trở nên một thi gia - kịch sĩ đầy tài năng, danh vang miền Bắc Việt. Sáng tác ra những vở kịch hay để rồi tự mình và người yêu chọn vai chính, cặp giai nhân tài tử ấy đã sống với nhau qua những tình tiết ly kỳ, qua những nghiệp duyên lắt léo.

Không những là một kịch sĩ có danh ở thời bình tại thủ đô văn học, Linh đã là một tiểu thuyết gia dẫu chưa chiếm được chỗ ngồi ưu tú trên văn đàn nhưng cũng đã được nhiều độc giả mến. Ngoài viết tiểu thuyết, Linh còn dịch thuật thơ văn Pháp vào thời kỳ phong trào văn học lãng mạn đang bùng nổ tại xứ sở này. Linh viết truyện cũng như làm thơ dễ dàng. Người sáng dạ, đọc thơ Linh chỉ vài lần đã nhớ. Vì thế, từ bài thơ làm chơi trên chiếu rượu đến những vở kịch thơ dài tới bốn nghìn câu, anh em đã nhập tâm để khi vắng Linh, họ ngâm lên hay trình diễn mà không cần vở.

Trong làng văn, anh em đùa ví Linh như thi hào Pháp Lamrtine, vì Linh có mái tóc bồng kiêu tóc văn nhân, lại thêm vầng trán sáng, đôi mắt lung linh, mũi dọc dừa, môi đỏ, răng đều, thân hình cân đối, cử chỉ phong lưu trang nhã. Học vấn và hình thức Linh đã đủ chiếm thiện cảm của người đời. Linh lại còn mang dòng máu một thế gia.

Loạn lạc nổi lên, Linh đã cùng dăm bạn dạt thẳng lên miền Bắc. Anh nhắn về Bến Hồ, xin cụ Đầu Xứ tự ý đưa gia quyến đến làng họ ngoại. Từ đó, Linh hoặc nhắn gửi lời thăm hoặc tiện theo đoàn kịch qua làng mới rẽ ngang vào xoa đầu mấy đứa con thơ ngơ ngác nhìn cha như nhìn khách lạ, và ăn bữa cơm nhạt nhẽo, cầm bàn tay lạnh của người vợ xanh xao, rồi lại lách mình qua tấm liếp ra đi.

Oanh, từ nãy, vẫn lặng ngời xem tắm cá mặt ao. Linh nhẹ gót, bịt mắt người tình. Oanh cảm nhận được hơi ấm quen thuộc thấm qua da thịt, khẽ thàn thì:

- Anh Linh, em đợi mãi.

Linh bỏ tay ra. Anh nắm vai Oanh, xoay đầu cô lại. Cô cắn môi nén tiếng nức, gượng cười qua màn lệ:

- Em đã tưởng đây là đất Đồng Đăng, để cho em hóa đá.

Linh ghé tai cô:

- Em hóa đá, anh chỉ ngâm một câu thơ là chảy ra thành nước!

Rồi Linh cúi hôn đôi mắt lệ.

Bình Uy đứng trong vườn chuối, thét gọi Linh vào. Thấy Linh, cả bọn văn nghệ kịch sĩ giang hồ tứ chiếng đang quây tròn quanh hai chai rượu bố và mâm bún, đậu phụ, bánh đa, đống thanh la lớn:

- Thằng Linh đã trở về, ngã ngay xuống chịu tội ba chén tổng phạt đây.

- Rồi bắt nó tấu “Hồ trường”.

- Không! “Dâng tình” trước đã.

Chu Quý, một thư sinh lúc nào cũng đầu bù, mặt tái, say dài cả tháng ngày, đã gục xuống đùi bạn còn lè nhè nói:

- Thằng Linh ngâm “củ” khác đi. Kẻo thần kinh ta đứt đến nơi rồi.

Ngọ vốn là một kịch sĩ mặt dài như mặt ngựa chỉ chuyên vai Lý Toét, hếch mũi lên mà quát:

- Ngâm “Kinh Kha” vậy. Ta đang nóng máu thêm làm hiệp sĩ đây. Nhất định phen này bơi qua sông để ám sát thằng chồn con bé hàng rượu đẹp.

Hoạt, có biệt tài đóng vai thi sĩ dở hơi trong vở kịch *Khai bút*, từ nãy ôm ghì chai rượu như đười ươi giữ ống, bèn cất cái giọng một tửu đồ tự trọng:

Có nàng tiên nữ má hồng

Giúp đôi cánh biếc dâng sâu lên khơi.

Ấy thế, ta chỉ cần nghe có hai câu ấy. Nghe rồi ta sẽ tạm biệt các người, đi tìm một chút khói phù dung. Ta tự nén hờn vùi xác đã lâu rồi. Ta

chết mất vì đời đích là đời nữa, nếu cứ bị làm một thứ anh hùng bất đắc dĩ, diệt cả tình, không cả khói, cả men. Ta chết mất, chúng bay ôi!

Hoạt rống lên như con lợn giẫy đau ộc tiết, làm cho Tích, trùm ban kịch lưu động, phải nhảy đến bịt chặt mồm Hoạt lại. Hoạt càng kêu, vì say quá. Tích buộc lòng dùng võ lực, nghĩa là dùng “giải tửu thang”: tống hai quả như trời giáng vào mặt Hoạt. Ặc lên mấy tiếng, Hoạt nằm phục vị, úp mặt xuống cạnh mâm lênh láng rượu, mắm tôm chanh, vỏ lạc.

Một loạt hô lên:

- Thế là một hung tinh tạm tắt rồi. Bây giờ thì Linh ôi, người khai khẩu ngay đi, kéo chúng ta chết mất vì đời mong người điên lên vì nước mắt cái Oanh cứ ngày đêm khóc ti tỉ, kể từ hôm người bỏ bầu đoàn đi biệt tích.

Từ nãy, Linh đã chịu hình phạt ba chén tống đầy, nhưng tửu lượng của anh thách hàng vò đại và anh vẫn hận rằng chưa có dịp say đến cái độ quên trời đất.

Bị lũ tửu quý đòi hỏi dữ, anh tự rót tràn đầy chén nữa, cất lên toan uống. Mắt anh chợt thấy Oanh mới gọi đầu, đang đứng hong mái tóc dài óng mượt ngoài vườn chuối, Linh tưởng như người thấy mùi hương nhu tiết ra từ mái tóc người tình, bèn cảm xúc:

Ta say hay vẫn tỉnh

Ai đứng ngoài thêm sương?

Ai đi quanh bốn chân tường?

Tóc ai rũ rượi, tình thương nào nùng?

Ở ngoài vườn, tiếng ai nắc lên khe khẽ.

Được có Linh trở về, đoàn kịch lại lên đường, ngược chiều sông máng lớn. Họ chia ra từng tốp ba người đi cách quãng nhau, và khẽ dặn nhau phải nhìn trời nghe động. Nhưng thực thì chẳng ai nghe ngóng cả. Họ đi trong nắng sớm hoe vàng điệp. Hoạt có sống lưng còng càng còng thêm vì chiếc ba lô nặng trĩu, lúc nào cũng hấp háy cặp mắt toét nhìn đường. Đi sau cùng là bộ ba Oanh, Linh, Thảo.

Ba người từ lúc ra khỏi bản Mường, chưa ai nói năng gì. Linh không buồn cũng chẳng vui, sự chuyển dịch thường xuyên này anh chỉ thấy là một sự cần cho cảm giác. Linh chỉ cần cảm giác ở trong bất cứ cuộc đổi thay nào. Bởi vì bộ đôi Oanh - Linh đã truy tìm cảm sang khán giả sân khấu một cách vô dụng màu nhiệm. Họ đem đời vào kịch và đem kịch gửi vào đời. Về yêu kiều, lời thôn thức của Oanh, dáng thư sinh hay vũ dũng, giọng ngâm như sương bay thác đổ của Linh, tất cả cái kỹ thuật, cái tài tình ấy đã khiến khán giả mê say.

Ba người chậm bước, bị tốp trên bỏ cách một thôi dài. Đường trường bụi gió, mỗi quán nước là một trạm dừng chân. Oanh luôn luôn đòi nghỉ, ném nón quăng ba lô, gieo mình xuống chõng, bóp chân tay, vắn mình nhăn nhó.

- Cô nàng của tôi càng nhăn càng thêm đẹp. Thì hãy xơi bát bún riêu nữa đi, nhá thêm vài quả chuối, vài tấm mía nữa đi cho lại sức.

Oanh ăn một chặp, nhưng vẫn thở dài kêu thiếu sinh tố. Đó là thịt gà hầm dầu vừng, trứng gà pha với đường tây mà Oanh yêu thích ngang với ái tình, trăng gió. Cũng đã có lúc, chạnh thương cái tính tằm thường nhi nữ, Linh đã phải bận lòng xoay bằng được mấy thứ đó cho Oanh mặc dầu ở

vào một hoàn cảnh mà miếng ăn ngon, manh áo ấm cũng có thể là tài liệu làm đầy thêm hồ sơ tiêu tư sản.

Thảo ít nói và nghĩ nhiều như bạn nên dọc đường anh không làm vui được cho Oanh. Đã tự nửa kiếp rồi, Thảo là một người chồng tự trọng không nỡ làm đau nghĩa vợ chồng cũng chẳng hề lỏng buông tình cha con. Ngót hai mươi năm rồi còn gì nữa, người đàn bà sầu mang tủi nhịn kia đã bao nhiêu lần khâu chần vá gổ, chưa được biết ngửa tay nhận một đồng bạc của chồng, lại một đàn con leo đẹo.

Dọc đường, Thảo cũng không thể quên lũ trẻ anh vừa gửi tạm ít ngày nay ở một xóm quanh chân đĩ, bên sông máng. Ba đứa trẻ còm nhom đen trùi trùi, quần áo rách rưới tả tơi. Người mẹ thương các con rét, đã phá áo cưới của mình may thành ba chiếc áo trấn thủ cho chúng mặc. Ba chiếc áo thêu kim tuyến nổi gắt màu huyết dụ giữa đĩ cây. Chúng bị lũ trẻ quê xúm lại, then không dám mặc nữa.

Bất giác Thảo bùi ngùi khẽ đọc câu thơ bạn:

Tuy vậy nguồn sinh vẫn sớm chiều,

Sáng bình trong khóe mắt thương yêu.

Chồng xây hình tượng trên lưng sách,

Sách dựng lưng tường đáng núi kiêu.

Thảo có cái giọng ngâm thơ sầu chất chứa hắt hiu như gió lửa bãi sậy, đờng lau. Oanh liền ngâm tiếp:

Nghĩa đời lẫn khói bếp không lên,

Vợ ngược con xuôi, túi hết tiền.

Chồng gục cả lòng bên bể mực,

Bôi ngòm mặt giấy tối như đêm.

Nắng dịu m ặt thu mu ộn đọng trong cặp mắt Oanh, ánh một vẻ chán chường, ma quái.

Nhưng vợ chồng kia chẳng thở than,

Vẫn cười coi nhẹ nỗi tâm toan.

Cần cù thiếp vẫn chăm son mực,

Để bút chày khơi mạch thế gian.

Oanh đi sát bên Linh, níu cánh tay Linh, khẽ nói:

- Người chăm son mực ấy là chị Linh hay chị Thảo chứ con bé đoảng vị, lẳng bắng, lẳng mạn này không dám nhận phần đâu nhé. Phải nói ngay, kéo các anh lại bề bai rằng em chỉ được cái bộ nũng nịu vùi quà bánh.

Oanh cất tiếng cười giòn tan. Tiếng cười bỗng tắt, tiếp tiếng Linh xuýt xoa đau. Cô vừa véo cánh tay anh, mặt cô tái nhợt đi vì ghen tức.

Anh đã chịu đựng nhiều rồi những cử chỉ hờn dỗi ấy. Thoạt đầu người ta đã ngấm ngấm, kín đáo giận nhau vì những lời nói giọng cười khiêu khích và cắn dứ như trẻ nít. Đến nỗi, anh luôn phải kiềm dặ gửi cô cho đoàn kịch để bứt tạm dăm bảy ngày li ền, lấy đó làm cách trừng phạt cái nết chua cay, mát mẻ của cô. Chuyển vừa rồi anh cũng đã phạt cô nửa tháng để tìm đến gia đình Thảo. Trong hai tuần chịu hình phạt đó, cô chỉ ngày ngày

ra ao ng ẫ xem tắm cá, âm th ầm khóc. Cũng đã có l ầ Linh d ầ cả nỗi bức
bội vào lời thơ trên sân khấu, trong vai một nguyên soái trẻ tuổi đa tình
đang bị lung lạc bởi nhan sắc một quận chúa bạo nghịch của nước T ầ.
Anh uất hận trở kiếm vào giữa mặt Oanh:

Có ngờ đâu ta đau đớn vô ngần,

Vì quận chúa, trời ơi, loài nghịch tặc!

Người lui ra, ngờ đâu ngày gặp mặt

Lại là ngày ân nghĩa đổi ra thù.

Huyền Cơ ơi, nhục nhã nghìn thu!

Người tránh đi, người ra ngay khỏi cửa

Huyền Cơ! Còn nhìn nhau làm chi nữa?

Linh trừng mắt, đập mạnh thanh kiếm g ỉ cùn xuống mặt bàn, làm nẩy
rơi b ầ rượu g ỗ và Linh dận mạnh gót ủng cao su rách xuống sàn g ỗ một
của cái sân khấu dựng cấp tốc chỉ ều nay ở chợ, làm cho bụi cát bốc cả lên
mặt quận chúa Oanh lúc đó đang quỳ khóc, gọi tình thương của người yêu
cũ. Nước mắt Oanh theo thường lệ của vai đào thảm rơi l ầ ch ầ, giọng Oanh
tuy n ầ ruột nhưng đã thốt ra tự hàm răng nhai nuốt nỗi căm hờn. Oanh
ngiênng mặt vào phía trong cho khán giả không trông rõ, để quắc mắt nhìn
Linh mà trả miếng:

Không, Huyền Cơ đã trở lại nước Tân,

Thiếp cúi xin công tử hãy bình tâm.

Nghe thiệp kẻ...

Đến đây Oanh gục đầu nức nở trong khi Linh phải làm điệu ngao ngán, xây lưng lại nhìn cảnh dương liễu phía trong sân khấu, tỏ ra lòng đang bối rối giữa tình, thù. Nhân giây phút ấy quận chúa Oanh, trong vẻ thảm thương, ử rữ đã lại nghiêng răng khế rít:

- À, anh Linh, anh thực tình làm phách với tôi, thực tình chửi rửa, mắng nhiếc tôi phải không? Quân Sở, Mã! Rồi anh sẽ biết.

Linh nguyên soái quay mình lại, tiến thẳng đến Oanh quận chúa, mắt như nẩy lửa, run tay giơ kiếm gỏ ướm vào cổ người yêu. Oanh quận chúa ngược lên chan hòa châu lệ, đưa bàn tay ngà ngọc đỡ gươm mà khóc.

Không không chàng ơi, hãy nghe thiệp kẻ...

Linh nguyên soái quát:

Không nghe lời giả dối,

Ta bắt ngươi hôm nay về chịu tội.

Máu nhà ngươi đem rửa nhục nước Tân.

Ta không ngờ ngày tháng ái ân,

Ta nhắm mắt trong tình thương nỗi nhớ,

Mà không biết đây chính là tặc nữ.

Vũng bùn như trong Vân các huy hoàng.

Một con trùng, mầm loạn của giang san,

Con rắn độc nằm bên ngôi cửa ngõ!

Rồi đó, bao nhiêu nỗi thảm tình thương của cặp anh hùng hiệp nữ ngàn thu cũ đã được diễn xuất bởi cặp giai nhân tài tử mà yêu đương đã đến độ cắt lòng nhau, xé thịt nhau, giết được nhau chỉ vì họ xót thương nhau quá, mê say nhau quá. Họ đã sống quá sức sống của vai trò, họ đã giận hờn như hai kẻ thù mất nước phải thù nhau đến tuốt gươm rửa máu. Và nguyên soái Linh lại thét:

Môi tình xưa ta quên rồi quên hết,

A, Huyền Cơ, phò mã úy tử cầu sinh

Hãy trông ta cắt đứt ân tình...

Cánh tay anh hạ thẳng mũi kiếm cùn xuống cái cổ thôn cuống huệ mà bấy nay anh đã làm nhiều thơ khen cái cổ mỹ miều, ngà ngọc ấy như là bất cứ một văn nhân thi sĩ nào cũng phải cổ khen một điểm nào đẹp nhất của người yêu.

Quận chúa Oanh chết rồi, thế là hết kịch. Tấm màn xanh rách vá như mảnh buồm thuyền nát vừa buông xuống, tức thì cô vùng đứng dậy, hân hân gạt mọi người chạy đến chỗ hóa trang, túm chặt ngực anh, tát liên hai cái.

Linh chỉ cười nhạt, trút vội giáp gươm, rửa vội mặt phấn rồi lại xuất hiện nguyên hình trong chiếc sơ mi cộc nhuộm củ gang vá vúi, tấm quần soóc vải vàng thùng đũng. Anh bước chân ra khỏi sàn giữa chợ, để mặc Oanh thay áo và các bạn đang sửa soạn diễn tiếp hài kịch *Lý Toét bắt đầu học chữ*, mà Ngô, Hoạ sắp làm cho khán giả chết cười.

Đôi tình nhân lại giận nhau. Linh lẳng lì đi tìm chỗ thoát sài ở gia đình các bạn, dẫu cách xa hàng chục dặm sông dò, đồi núi. Oanh lại nằm trùm chăn khóc hay ra bờ ao ngồi cả ngày xem tắm cá để âm thầm hối hận đã làm anh đau khổ, chỉ vì quá yêu anh. Đi cho đến ngày nào sài đã đánh tan vào hũ rượu bạn đời, Linh lại quay về, hôn mắt lệ người yêu, để rồi lại nhập đoàn kịch lưu động, đeo giáo cùn gươm gỏi, râu ria, mũ măng, một bầy nghệ sĩ lang thang lếch thếch, xuôi đông chán lại ngược xuôi. Hàng tháng, Linh được món tiền trợ cấp của cấp trên, họ chia sẻ nhau chút ít để mua diêm thuốc, mua rượu lậu mà uống kín. Phải uống kín. Họ mỗi ngày một thêm gầy yếu, nhưng vẫn cứ đi. Một đoàn xuống đồng, lên núi, mắt vàng da sạm, giày há không lấy gì vá vúi, áo rách chỉ nhất manh, họ đi suốt năm suốt tháng như một đoàn tu sĩ.

Cho đến hôm nay, họ xuôi nẻo Cầu Xim để về đất Thắng. Đất Thắng còn xa lắm, phải cách bốn lần dò và mười lăm dặm đường đồi trụi đá sắc nữa mới tới. Từ hạ sang thu, miền này ngút cháy dưới ánh mặt trời.

Tốp trên phải dừng chân ở quán nước bên hàng thông cổ thụ, đợi liên lạc cùng tốp hậu. Bình Uy, Chu Quý bao giờ cũng dẫn đầu, dụng ý bỏ xa các tốp sau để đánh chén vụng với nhau, không bị trùm Tích cảnh cáo và báo cáo.

Bọn Linh, Oanh, Thảo đến nơi, thấy anh em đang hò bún riêu, đậu phụ. Hoạt ngắm Oanh, nheo cặp mắt toét:

- Có chuyện gì mà mặt bà Oanh lại chảy ra thế. Quanh đây toàn rừng thông, mà gỗ thông hay bén lửa, coi chừng kéo hỏa diệm sơn trong bà bốc lửa ra đốt cháy rừng thì anh em chúng tôi chết oan.

Mọi người cười rộ. Oanh đưa mắt lườm, Hoạt đuổi thẳng chân ra bóp.

Đoàn kịch lưu động Bông Lau còn một bạn già chưa nhập ngũ. Đó là kép Trương. Ở cái thời phong trào yếu ớt của tân kịch đang cố lấn át tuồng cổ, chèo và cải lương, kép Trương đã là một kiện tướng bơi theo làn sóng mới, nghĩa là đã đội mũ lệch, múa ba toong, sắm vai cậu Tú Tân đi du học về, đào mỏ vợ... Múa may trên sân khấu mới, làm nổi vai trò canh tân kịch Việt; phù hợp một cách cụ thể với Nguyễn Văn Vĩnh tiên sinh giữa lúc tiên sinh dịch những vở kịch *Người biển lận*, *Bệnh tưởng*... của Molie ra quốc ngữ với mục đích truyền bá văn hóa Âu Tây, kép Trương quả đã đứng vào hàng tiên tuyến.

Sân khấu Nhà Hát Lớn đã là một chỗ tốt cho Trương thí nghiệm, tung hoành và nổi tiếng. Do thế Trương càng say mê kịch, say mê đến quên cả ngưỡng cửa học đường và giáo lý hà khắc của một gia đình tuồng cổ, trong đó những người anh em huyết mạch đang chúí kính ngày đêm vào núi sách. Bà mẹ già rất giận đưa con trác táng, nhưng hề thấy đưa con hư dẫn bộ mặt xanh xao hốc hác lên cửa sau về nằm đắp chăn ngủ bù những đêm trắng khói men, bà cụ rung rung nước mắt và lại run tay bưng bát thuốc bỏ lên kê vào miệng con bệnh thoi thóp thở: “Uống đi cho lại sức khỏe mà học hành kịp anh mày, kịp em mày; chúng nó sắp đổ đóc tở, phán sự đến nơi rồi đấy. Thua anh, thua em nhục lắm, thằng Trương ạ!”.

Lòng mẹ như bát thuốc đắng cay. Trương đã ngóc đầu lên, run tay đỡ bát, không uống sâm nhung quế phụ, mà uống vào tâm can nung nấu những giọt lệ mẹ già.

Trương cố lưu thân trên căn gác tối tòa nhà cổ phố Hàng Đường chừng một tháng. Căn gác tối ấy là cái kho chứa hàng tích trữ. Trương nằm co ro giữa những bao tải miến, măng, đường, mật, bột, xà phòng... để nghe tiếng chuột đuổi nhau với gián sạo sục khắp sàn gỗ mọt. Trương có cảm tưởng

chúng đuổi nhau, cắn nghiến nhau ở chính trong tủy xương mình đang bị hành hạ vì nha phiến. Trương đã bị phù dung đánh gục mất r ồi! Nghiến răng, gài chặt cửa, người con hư cố hoàn lương, ôm bụng chịu cho cơn ma túy vật từ giường xuống mặt sàn, từ mặt sàn đánh thốc lên núi cao đường, miến, có hôm những bao tải ấy ném tung con bệnh xuống dưới sàn. Mặt gã thanh niên sưng tím, toát dương lạnh r ồi lại nóng như than đỏ, thân thể r ả rời tê liệt. Dưới nhà, mùi thuốc bắc thơm ngon vẫn ngày đêm ngào ngạt cả mấy gian nhà tối như hũ nút, trong đó, ở góc tường này, ở góc tường kia, le lói cặp kính của mấy anh em Trương đang soi từng câu chữ trong sách mà học xa xỉ. Và tiếng ch ầy nện ruột cối đá xanh mòn thình thịch như nện vào những khớp xương rức buốt của bệnh nhân trên gác. Bà cụ già ruốc gà, ruốc lợn cho con ăn cơm Tám, r ồi tráng miệng bằng miếng cao nhà nấu lấy.

Trương vẫn nghiến răng chịu nhục hình. Đã hơn một tháng r ồi, hơn một tháng con bệnh nửa sống nửa chết kia tưởng chừng mặt trời đã n ỏ, mặt trăng đã rụng.

Một tài tử kịch bạn Trương, thiên hạ quen gọi là Bửu Chới. Tối ấy Bửu Chới đến, huýt năm tiếng sáo hiệu riêng của “đảng”, r ồi chĩa súng cao su bắn lên lá huyết thư: “*Đang sửa soạn tập vở kịch vĩ đại của Trương Huyền, nhan đề “Kim Sinh”. Đã dành vai chính cho người. Mau vượt ngục mà đến ngay hội quán nhận vở liền, kéo nh ỡ - B.C.*”.

Ấy thế r ồi, giữa Thăng Long thành năm 1929, một đêm mưa gió rét đã xảy ra một vụ đào ngục phi thường. Kép kịch Trương đã thu d ần tàn lực tụt ống máng xuống dưới hè, quàng chân lên c ỗ chạy đi tìm các bạn sân khấu.

Sớm sau theo thường lệ, bà cụ dậy cuối canh gà h ần thuốc, lập cập bung lên đánh thức con. Nhưng chỉ còn một đồng chăn lạnh lẽo, bà cụ âm

thần khóc, bụng thuốc xuống đở vào siêu, hy vọng chờ tối con về hâm lại. Người con không về nữa, thuốc bốc men chua, bếp tàn than lạnh.

Trương lại tẩm khói men vào bộ hài cốt đang bị đảo lộng trong hơn một tháng trời bị hành hình. Trương lại hóa thiêu thân, bay lên lửa đèn kịch thuật. Tên Trương, và tên vở kịch được kết thành ánh sáng đèn ngũ sắc chẳng suốt dọc cầu Hoàn Kiếm, suốt chiều cao Nhà hát Lớn, chân dung Trương được phôi trên những tấm hoạt họa to như tấm phản ngự trên vai lũ trẻ vác đi các phố, dán kín khắp các mặt tường từ đại lộ đến phố buôn, đến hang cùng ngõ cụt. Và người ta còn dán ngay trước cửa hàng măng miến của người mẹ già mắt đang ứa lệ xót xa con.

Cứ thế con thiêu thân nghệ thuật ấy đã hỏa táng tuổi trẻ vào vạc dầu men khói. Rồi thì tiệc vui có ai say được mãi, đưa con hoang lại một mẻ thu tàn lực ôm ống máng leo lên căn gác tối, gục mái tóc bù vào tay mẹ, tự giam mình. Bà mẹ lại lập cập bụng thuốc lên con uống, rồi một hôm bà cầm tay con khẽ bàn về chuyện gia thất. Trương ngoan ngoãn vâng lời, và lạ thay, ngay sau đấy Trương vụt trở nên một người chồng, một người cha tốt.

Cuộc chạy loạn thúc đẩy gia đình Trương dạt lên miền Bắc, hết đông lại đến tây, tiêu hao dần tiền bạc, Trương xoay sở mãi vẫn chưa định xong một phương kế sinh nhai.

Trương vừa bỏ một làng vùng núi, dắt díu nhau đến ở nhờ ngôi nhà nát giáp mặt đường to và nổi kè bãi chợ. Bàn bạc với vợ ba ngày, nghĩ ngợi ba ngày, Trương dựng quán. Cũng chè đỗ đen, chè bà cốt, bún riêu. Thế còn xoàng lắm, Trương nhất quyết di cư cả cái hương vị quà đô thị chưa ai làm nổi, đó là bún dấm ốc cay chua. Cửa hàng Trương đã khánh thành nhằm vào ngày phiên chợ chính. Trương xoa tay xoa chân tâm niệm sẽ bán hết

bay, làm thêm không kịp cung cấp cho khách ăn sành sỏi. Lũ trẻ bị bố mẹ xua cả ra ngoài bãi, nhân tiện tránh phi cơ. Và trình trọng Trương ng ỡ chờ ngóng khách đến mở hàng.

Mặt trời đã chiếu đỉnh đầu, quán Trương chưa thấy một ai ghé. Trương vẫn đi ền tĩnh nhìn ra ngã ba đường, th ần nghĩ: “Mở hàng vào giờ hoàng đạo, địa điểm tốt thế này, lại có món bún ốc, bún thang đặc sản thủ đô, sạch sẽ như hàng cơm tây Hà Nội, có lý nào không đông khách?”.

Trương ng ỡ tính toán kỹ càng, tay cầm cái phất trần như đuôi ngựa bằng giấy phe phẩy rũ ru ỡ nhặng cứ nhất định bám đây liền chề đường, rá bún tuy vợ Trương đã cẩn thận phủ kín bằng mảnh vải trắng nõn.

Chợ đã vắng người, hành khách có cái mẽ dân thành thị chẳng thấy ngược xuôi chi hết. Dân quê họp chợ chỉ ào ạt vào buổi sớm, lại về ngay vì họ sợ tàu bay.

Trương bắt đầu nóng ruột.

Người vợ từ sớm vẫn lúi húi ở bếp sau giữ lửa cho n ỡ nước dùng được nóng, và chờ lệnh làm bát thang đặc biệt bung ra cho khách xơi, tin rằng họ sẽ khen tấm tắc món quà trưởng giả có một không hai ở cái đất núi rừng loạn lạc này. Chờ đợi mãi, lửa tắt dần và than cũng vạc theo, người đàn bà thò đầu ra hàng chấn song nửa tép, ngơ ngác nói: “Thế nào, ba nó?”.

Người chồng lặng im một lúc lâu mới tặc lưỡi mà rằng: “Hàng mới, bao giờ chả thế. Cứ yên tâm. Lát nữa, biết đâu sẽ chẳng có một bọn ngược lên, xuôi xuống vào quét cho một chặp là nhẵn. Món ăn đặc biệt của nhà mình, đã nếm qua r ỡ là phải bả!”.

Trương gật gù nói cứng để an ủi vợ. Song thực tình, Trương đã tự thấy lòng nao núng lắm. Lũ trẻ bị d òn ra chợ, ra bãi, đã thấy bụng kiến bò, r ù nhau về. Đứa lớn lấm lét nhìn bố, r ùi rón rén mở tấm vải che, nhòm rõ bún còn nguyên. Đứa nhỏ lúi vào bếp, nhẩn nhó bấm chỉ vào tay mẹ. Thương con, người vợ lừ mắt r ùi khẽ múc cho mỗi đứa một bát chè bà cốt còn đầy ắp n ùi đất lớn. Chúng ăn xong, vội chùi sạch mép lại ra ngoài quán, chia làm hai tốp, đứng rình đón khách ở ngã ba. Nắng chi ùu đã diu. Đ ùi xa tím ngắt, che khuất bóng thôn trang đây đó. Thốt nhiên hai đứa trẻ cuống quýt chạy về r ùi cả lư ùi: “Có một bọn nhi ùu người lắm. Họ sắp đến nơi bố ạ”.

Người bố mừng thầm, ph ùy mạnh ru ùi. Người đàn bà sau bếp vội d ùm đ ùi vào đóng tro tàn, ph ùng má th ùi cho lên l ùa.

Bọn khách đường xa l ù lượt g ùng g ùnh tới nơi. Trương h ùng giọng: “Xin mời các ông các bà vào xơi nước, xơi thang nóng, bún ốc chua cay đặc biệt Thủ đ ù”.

Bọn l ù hành l ùng l ùng đ ù g ùnh, đặt con xuống ghế, nhìn quanh quán, nhìn chủ quán, ng ùm bó đ ùa mun đen b ùt bạc, những bát triết yêu vẽ cô tiên, những bát mẫu vẽ bát tiên quá hải:

- Ông hàng bán cho chúng tôi mỗi người một bát bánh đ ùc, riêu nào! Chợ chi ùu r ùi, bán hạ giá cho đ ùng bào nghèo nhờ đ ùy!

Trương cố ngọt ngào:

- Không bán riêu, bánh đ ùc. Chỉ có thang th ùi ạ.

Khách vùng đứng dậy, lại g ùnh g ùng, c ùng b ù nhau đi. Vợ Trương chán ngán: “Thế nào ba nó?”. Trương gục c ùm vào đ ùi g ùi thờ ơ đ ùp: “Ế

là thường, cứ yên tâm. Đã lâu rồi, con nó ăn kham khổ, thôi hôm nay tháo khoán, cho chúng nó ăn sướng miệng”.

Người vợ buồn rầu: “Nhưng chờ tối hãy ăn. May ra có khách vào chẳng. Thế là tiền đâu bất lợi, không có số buôn, chán gớm!”.

Trương thấy quận đau lòng. Anh nhức mắt nhìn bóng núi, rồi thờ thẩn rít mũi thuốc Lào sông sọc, gật gù ngâm:

Bây giờ nhà cửa ta đâu?

Xanh xanh khói biếc, ngàn dâu mịt mù...

Lời thơ vừa tắt thì lũ trẻ lại hốt hải chạy về khẩn báo:

- Có một tốp đông, sắp đến nơi rồi, bố ạ.

Vợ Trương vội bước ra khỏi quán, neho mắt nhìn về phía con đường đã trụi lụi quanh co. Trong bụi đường vẫn bốc, quả nhiên có một đoàn người đang hăm hở đi tới.

- Thấy nó ra coi, đám này có lẽ là khách tỉnh. Đàn ông áo tây, quần soóc. Có đàn bà nữa, áo dài xanh.

Vợ Trương ré nhanh chân vào bếp, lại phồng mồm thổi lửa. Lũ trẻ xun xoe. Đứa lớn kê lại chiếc ghế dài cho vững chãi. Đứa bé xách điếu cày ra. Đứa nhỏ thì phụng phịu, lo khách sộp vào ăn hết, anh em sẽ hết phần. Thấy vợ con tíu tít Trương không thể nén lòng mừng, cũng xỏ guốc bước ra hiên, giơ một tay lên ngang trán, neho con mắt kèm nhèm ngó nẻo đường vương bụi đỏ. Bỗng mặt Trương biến sắc. Anh vừa cố phóng nhãn thì nhận diện kẻ đầu đàn sắp tới thì thốt kêu một tiếng:

- Chết tôi rồi!

Người vợ kinh hoảng bỏ bếp chạy ngay ra, nhìn vẻ mặt hốt hoảng của chồng:

- Sao? Hả cậu?

Không kịp đáp, Trương luống cuống nhảy bổ vào nhà, lập cập văng cả guốc. Vợ Trương kinh ngạc, vào theo:

- Cái gì hả cậu? Làm sao mà cứ như cướp ngày vào khảo của thế kia?

Người chồng lùi vào căn buồng xép liền sau bếp, kéo nhanh mảnh phen che khuôn cửa sổ, thu hình trong bóng tối, nói chớ ra:

- Lũ ông mãnh ketch cớm lại kéo đại đội qua đây. Chúng mà biết cửa hàng mình thì chúng vào phá cho kỳ hết. Mọi người ngoài ấy, các quan ôn có qua thì cũng cứ gặt qua loa, chớ mời mọc mà khổ đấy. Có hỏi tôi thì bảo tôi lên Đình Nẻo chơi với bác Thảo đã ba bốn hôm rồi.

Vợ Trương “sào” một tiếng:

- Tưởng gì, có thế mà cũng cuống quýt lên, làm như gặp cướp.

Trương cúi kính, quát vọng ra, nhưng rất khẽ:

- Chứ không à. Lũ ông mãnh còn hơn cướp, hơn thần dịch. Chúng nó mà tóm được mặt tôi là cứ hết làm ăn.

Người đàn bà chỉ bật cười, cho là chồng bức bối sinh nghĩ quẩn, chứ lấy nhau đã ba bốn đời con, còn lạ gì chồng có nét hiếu hữu, sẽ áo nhường cơm cho bạn, đang ủ rũ mà hồ thấy bạn là lại khệ nệ bụng hết hũ lớn hũ

bé, hò con quạt nước, dặn vợ giết gà, tưởng như không có bạn thì... chết mất.

Đoàn lũ khách đã hăm hở tới. Tiếng lè nhè của Bình Uy:

- Từ quán đây r ấ. Quán dựng trên bãi cước, nhìn ra khắp ngã đường, đẹp quá. Chủ quán hẳn là tay địa lý danh sư, nếu không là nghệ sĩ. Vào đây nghỉ đã, bớ ba quân!

Chu Quý đứng lại, quay về phía hậu tập giờ hai tay lên làm hiệu, như mỗi khi tì ền đạo c ần ra lệnh nghỉ. Bình Uy bỗng thét lên:

- Ủa, tưởng quán ai, té ra quán Trương trưởng huynh và Trương hi ền tâu.

R ấ khom lưng, vòng tay xá:

- Lũ chúng em xin bái kiến. Chẳg hay huynh trưởng chúng em đâu?

Người đàn bà đơn đả theo thói quen tiếp bạn ch ồng:

- Xin rước các bác vào xơi nước. Cậu cháu... cậu cháu...

Lũ trẻ toan tiếp lời mẹ, nhưng sực nhớ lời cha dặn, lại ú ớ và ngơ ngác nhìn các bác.

Mấy tốp sau vừa tới, đều mừng rỡ.

- Bác Trương ở đây à? Hai bác dọn hàng đã lâu chưa? Bác trai đâu ạ?

Họ hỏi d ần dập, vui vẻ như anh em một nhà gặp nhau ở nơi đất lạ khiến người đàn bà cảm động, suýt quên lời ch ồng dặn, đáp ngượng

ngừng:

- Thừa các bác, cậu cháu... nghe đâu... lên gần Nhã Nam thăm bác Thảo, chưa về

Hoạt vỗ đùi la:

- Trời hại chúng ta! Ông anh cả mà ở nhà thì cứ là đại yến. Trời hại Hoạt này rồi!

Bình Uy, Chu Quý và cả bọn cùng kêu, duy có Linh, Thảo chỉ mỉm cười, trong khi Oanh đang vừa bóp chân vừa ngửi mùi thơm là lạ ở bếp bay ra gió. Bình Uy cười như một con gà trống lên cơn suyễn:

- Ông anh đi vắng thì bà chị cứ cho chúng đệ đánh chén, lúc này bà chị là chủ quán, chúng đệ xin giữ bốn phần khách ăn hàng, nghĩa là sẽ xin chu tất.

Vợ Trương khẽ đáp:

- Được trông thấy các bác ở nơi phương xa đất lạ này là quý, chứ cái ăn cái uống kể gì đâu.

Kép Tích bỗng đứng lên, ranh mãnh nháy anh em, đi quanh nhà một lượt như con mèo đánh hơi, nghe ngóng, rồi trở về ngồi xuống ghế, ghé tai Linh bảo nhỏ:

- Ngờ lắm nhé! Tôi tin rằng lão Trương lẩn tránh lũ chúng mình đấy thôi. Có lẽ lão trốn ở trong buồng.

Linh đi đến đăm:

- Bạn già chúng ta nghe chừng mệt mỏi lắm rồi. Khi xưa sung sướng, giờ đây lều tranh vách đất tả tơi, vợ con nặng gánh nên buộc lòng tạm bỏ cuộc đời lãng tử, tôi biết rằng anh ấy rất đau lòng.

Hoạt đoán được câu chuyện của hai người về Trương, cũng nói xen vào sau làn khói thuốc lòa:

- Tuy vậy, tôi có một điệu kè “điệu hồ ly sơn”. Xưa, Trương Tử Phòng dùng tiếng địch làm tan rã lòng quân Sở. Bây giờ, anh Linh cứ hò “Phú Yên” lên, đó là một bài Trương vẫn hò và vẫn khóc vì xúc cảm, ắt là anh bạn già dù gan bằng sắt cũng phải mềm và sẽ bò ra như con dế bị trẻ con đổ đầy nước vào hang đất.

Tích mỉm cười, vỗ đùi Hoạt:

- Điệu kè chi điệu kè! Nhưng mà ác quá, sao chẳng để bạn già tạm nghỉ với gia đình trong cơn lốc mịt mù này.

Hoạt cười ha hả và thấp giọng:

- Nào đã đến lúc làm Trương Lương, Phạm Lãi, xa cát bụi được đâu. Đời còn có ta, còn phải dùng ta. Nào, thi hành độc kế mau đi, rồi ta sẽ khao quân bằng chầu rượu lớn suốt đêm nay cho hả lòng thêm khát. Hoạt cần nói trước rằng, nếu quả Trương ẩn náu đâu đây, sẽ phải chui ra tức khắc. Hoạt xin cược cả cái đầu này đó.

Linh không phản đối trò chơi thú vị kia, bèn hăm giọng ngậm chèn tươi, rồi gõ đũa vào thành chõng mà hát. Hát rằng:

Mẹ già ở tấm lều tranh,

Đói no con chẳng biết, rách lành con không hay...

Mẹ ơi, ra đi công vụ nặng nề,

Nửa thương thể tử, nửa sầu từ thân...

Giọng Linh trầm trầm, lê thê, quện vào bóng đồ nường chiếu, não nuột như tiếng vượn khóc trắng, rừng phong lá rụng, sông mưa sóng vỗ... Các bạn đầu cúi đầu im lặng. Lũ trẻ ngây ngô nhìn những mớ tóc bù, kinh sợ. Vợ Trương, đã thấm sâu muộn nhiều vì thơ phú của chồng, cũng lặng lẽ nhìn xuống đất.

Trong khi đó, kẻ nghệ sĩ già quả đã trúng kế Hoạt, đang gục đầu vào chồng gối chần rách nát sau tấm vách mà lệ chan hòa. Giọng Linh càng vi vút như ngàn thông lộng gió, rót nguồn thương nỗi thấm vào tâm can uất nghẹn của người bạn già lúc nào cũng âm thầm đau xót mẹ già hiện giờ đang mắc trong khói lửa đô thành xa ngút.

Bởi vậy cho nên con vợ tui nó mới biểu tui rằng:

Yêng ơi, yêng ở làm chi đó,

Cho vua quan sưu thuế nặng nề?

Gánh vác sơn lại giang sơn, đầu a... con, đầu con, đầu vợ, đầu nặng đầu nhẹ, đưa thơ đưa bé, đưa bẽ đưa bồng, đưa lên một đưa lên ba, đưa lên năm đưa lên bảy, teo biểu mảy quảy, mảy không quảy, để phần tao quảy, quảy... quảy... về đất Phú Sơn nặng nề..

Có tiếng nấc ở đâu đây, Hoạt lại ranh mãnh nháy anh em, nhưng vẫn giữ bộ mặt đăm chiêu của một thứ quân sư đang hành kế dụ địch ra khỏi ải.

Gió chiều ớn lạnh từ đ ồi cao đổ xuống, cuốn vào mênh mông cái giọng hát muôn thu hờn oán của người dân đất Chàm:

Kìa dãy núi bốn bề,

Nhàn mai chóng trở.

Ta về xứ ta, biết bao là về tới... tới quê nhà...

Hết hòn Trảo, ta qua hòn Vảy,

Hết hòn Vảy lại tới hòn Hành.

Tắc dạ cam đành, dắt con cùng vợ,

Biết khi nao hết cái nợ dương trần!

Cái nợ lân lân, tay bông tay bẽ, tay vịn chân trèo,

ta về xứ ta...

Biết bao mới về tới... tới quê nhà!

Lời hò vừa dứt, mọi người đầu ngẩng cả lên. Chao ôi, anh bạn nghệ sĩ nén s ầu nén khổ, trốn đời trốn bạn kia đã xuất hiện lù lù, đứng trơ trơ chết đứng, mắt còn hoen ướn.

Hoạt, Ngọ, Bình Uy, Chu Quý nhảy ch ồm lên, bá lấy cổ Trương mà thét:

- Quả nhiên tướng Sở chết nhùn vì tiếng địch của chúng ta. Mau, mau, cho uống rượu!

Trương bắt tay các bạn, thở dài:

- Trăm đường không tránh khỏi... ma! Ta cũng không biết trận ác phong nào lại cuốn lũ quỷ âm chúng mày đến ám ảnh báo chướng, không cho người ta an phận nữa.

Vợ Trương mừng thầm vì thấy chồng được vui với bạn. Đã lâu rồi, Trương buồn bã, chẳng cười chẳng nói năng chi, chỉ chép miệng lắc đầu nhìn lũ trẻ gầy còm, yếu đuối. Trương thôi cả rượu, sợ cả cái sâu men, một mình mình uống, một mình mình say. Người vợ hiền nhìn mái tóc chồng bạc sớm, kề bên những mái đầu xanh thơ dại, chỉ còn biết ngoảnh vội đi nén lòng thương mà thôi. Mỗi khi ở chợ về, người vợ lại vui vẻ đưa chồng một túm cà phê bọc hình củ ấu như túm mầm tôm. Trương cảm động, trịnh trọng mở va li lấy cốc, phin và đường ra bày trước mặt, rồi loay hoay làm cái công việc của con người đã quen chơi với cái chất “độc dược” kích thích thần kinh tạng phủ này để trắng đêm trần trọc hay mộng mị. “*Sông hồ lân lửa thôn dâu. Giọt rồng xuân điểm ngày thâu chìm chìm*”. Trương bó gối đắm chiêu nhìn giọt nước đen nhờ nhờ rỏ xuống lòng cốc rạn, náo nùng ngâm câu thơ đó, nhưng đến lúc nhấp môi nếm thử, thì cảm hứng và cảm giác bị ngay cái chất nước nhờ nhờ như nước gạo rang kia đánh mất luôn. Trương căn dặn vợ đừng chiều mình mà mua cà phê nữa, để lại đành lòng uống nước chè tươi đặc. Thế mà người vợ vẫn cố xoay xỏa mua bằng được một món quà quý hiếm khác, gửi vào tay chồng, âu yếm bảo: “Thứ này tất là cậu bằng lòng nhé”. Trương dụi mắt, mừng như bắt được vàng: hai điều “Phi líp” nằm trắng nõn trên trang sách nát. Thế là Trương lại trịnh trọng vào phòng kín gài cửa, trịnh trọng đánh diêm châm thuốc hút, đuổi hết bọn trẻ ra đường chơi. Khói vào hết tâm can tỳ phế, không lọt được một tý ra ngoài. Nhưng rồi Trương bảo vợ không nên chiều mình như thế nữa, bởi vì hai điều thuốc lá quý hiếm kia trị giá bằng bữa gạo, hay lạng

thịt phần con. Người đàn bà càng nảo ruột thương chồng. Song Trương chỉ gương cười, an ủi vợ: “Quá nửa đời, mình hưởng thụ chán rồi. Bây giờ tại trời, vận nước, phải chia cái khổ cùng thiên hạ”.

Từ nãy vợ Trương đã thu hàng, đóng liếp. Và hai mâm rượu, thịt, bún, được bày ra. Oanh giúp chủ nhân một tay, nếm thức ăn từ dưới bếp lên vành son tô giờ đã nhọt. Họ theo tuổi tác chia nhau mâm trên, mâm dưới. Rượu được ba tuần, Hoạt, Ngọ, Bình Uy thấy hơi sức, bắt đầu lên tiếng, bàn về nghệ thuật, cái lý nhân sinh. Chu Quý thì cứ lừ lừ, tuồng như đang nghĩ đến ngầm một chuyện gì quan trọng về sân khấu. Thốt nhiên, Quý vỗ đùi Hoạt nói thản:

- Ta sức nhớ ra rồi. Đây là Ngã tư Ngô Xá, vậy ở mé thôn kia, ta quen lão Chánh. Chốc nữa vào bắt liên lạc với lão, thế nào lão cũng đãi ta như thượng khách, nghĩa là sẽ thết ta cái chắt “vân du du...”.

Mắt Hoạt vụt sáng lên khi nghĩ đến ngọn lửa đèn dì ảo.

Linh và Thảo ngồi cạnh Trương, từ nãy chưa hé miệng. Ngắm nhìn mái nát tường xiêu, con trẻ một đàn riu rít, Linh động lòng thương bạn và buồn nghĩ tới cảnh nhà neoh nhóc ở bên kia bến sông Hồ. Bất giác, men nồng đáng đốt, Linh đặt chén rượu xuống thành mâm. Trương nắm bàn tay Linh, Thảo, nổi ghen ngào xúc cảm thốt gửi vào lời thơ tâm sự u sầu:

Quê người lạnh thấu buồng gan,

Đăm đăm đôi mắt một phương trời sâu,

Bây giờ nhà cũ ta đâu,

Mẹ già phơ phất mái đầu như sương.

Trương cúi xuống. Một lát, anh nâng cốc rượu đầy Linh vừa rót tiếp, cầm trên tay, nhìn các bạn rồi uống một hơi. Linh, Thảo biết rằng Trương đã uống cả nước mắt mình vừa rơi hòa với rượu.

Đêm ấy, những kẻ lưu đày thức thâu canh gối đầu lên bụng nhau, gác đùi lên ngực nhau ngủ vùi trong men bốc.

Mờ sáng, Trương đã dậy, khoác tấm chăn dạ lên vai, ôm điều cày và nhìn hoa đèn nở trên đầu bậc cạn khô đầu. Chung quanh, bọn kịch sĩ nằm ngổn ngang như quang cảnh một trạm tản cư, chỗ này ngáy, chỗ kia nói sảng. Trương ngao ngán ngẫm nghĩ đến cuộc phiêu lưu không hạn định của những con người trai tráng, có kẻ đành ném sách bỏ học đường, có kẻ trút vỏ vỏ ngoài một công chức phong lưu, một công tử đàng điếm, một thương gia cự phách để gửi mình vào hoàn cảnh mới, dắt díu nhau đi lang thang lếch thếch, vui với miếng cơm manh áo ngoài thiên hạ.

Trương lặng lẽ nhìn đàn con đang rúc vào đùi, cánh tay “các bác” mà ngủ ly bì, và nhìn xuống bếp, vợ Trương đang đun bếp làm hàng, lửa phần phật run theo gió lùa từ ngoài bãi cỏ qua chân vách thủng. Trương khẽ vọng xuống, bảo vợ làm ít hàng đi, kéo lại ế nữa thì hết vốn, hôm qua ngày phiên còn chẳng ma nào vào quán nữa là hôm nay không có phiên chợ nào họp ở quanh miền.

Sương giá tan vào nắng ấm. Mọi người trong đoàn kịch đầu đã tỉnh giấc. Họ rửa mặt, uống nước, điếm lại người để lên đường. Còn thiếu Bình Uy, Chu Quý và Hoạt.

Ngọ thừa biết ba con quý ấy đêm qua ngủ trong làng, say khời tại nhà một cường hào thất thế hay một ông chủ tịch theo thời nào đó. Không sao, họ cứ khởi hành. Sự thiếu mặt một vài kẻ bút bỏ đoàn đã trở nên một việc

rất thường r ấ. Cái phường kịch chuyên đi lưu diễn tuy có nghiêm, nhưng người ta vẫn dễ tha thứ cho nhau sau một canh rượu chè tháo khoán. Tích, trưởng phường, vỗ nhẹ vai Trương bảo:

- Đại ca nghĩ thế nào? Cùng trẩy cho vui chứ! Hay là vương bận thế nhi?

Trương cúi đầu, một lát r ấ mới đáp:

- Các người cứ lên đường. Chuyến này thì nhất định là ta xin nghỉ. Đi mãi r ấ rách cả giày, toí cả áo. Dừng lại một tý với đàn con, cho chúng có người cha mà gọi khi có máy bay nhào tới. Các người khá quên ta đi nhá, đứng có hủ h ần gọi vía kẻ tìm an ổn trong gia đình. Thôi, đi đi cho rảnh, để ta thử ng ấ nhập định trên nệm cỏ xem sao.

Tích không nài. Phường kịch bái biệt vợ ch ồng Trương, bước ra ngoài nắng sớm. Ngọ liếc mắt qua khoang cửa sổ, thấy Trương vẫn ng ấ xếp bằng trên ổ rơm, đầu gục xuống. Ngọ ghé vào song tre nói nhỏ:

- Tối nay diễn ở đình Mai Thượng, cách đây ngót mười cây đẫy nhá! Nếu gió có xuôi về, nhận thấy hơi hướm và lời thơ của anh em thì khá chống gậy đến tìm nhau uống rượu.

R ấ mọi người lên đường. Một quãng, Ngọ cười lớn bảo Linh, Oanh, Thảo:

- Dặn lại một câu thế là lão Trương chết điếng r ấ. Đỡ lão gan lì được đẫy, và đoan với các bác rằng chỉ vào khoảng mặt trời lặn chiều nay là lão Trương sẽ tìm đến ôm lấy chúng mình. Con thiêu thân ấy còn một cánh thì vẫn còn lao vào lửa cho tròn duyên nghiệp.

Ngọ thích chí cất tiếng cười vang. Linh, Thảo lặng lẽ nhìn mặt đường xẻ đứt sâu thăm thẳm, để cùng vụt nhớ đến gia đình cách biệt, đàn con đang nơm nớp sợ phong ba như bầy gà con sảy cánh mẹ khi bóng diều hâu in xuống nền sân nắng. Tiếng cười của anh bạn trai thơ vô tư lự đang hài lòng về cái trò nghịch ác khiến Linh, Thảo quặn se lòng.

Đến ngã ba đường, mọi người đã thấy Chu Quý, Bình Uy, Hoạt ngời đời. Ba kẻ cùng có vẻ lơ mơ, ma lực phù dung còn chưa rời xương tủy họ. Một mỗi, họ đứng lên nhập bọn, lê mạnh gót làm bụi đường bay lên trong nắng dịu.

Đúng Ngọ, đoàn kịch đến làng Mai Thượng. Nhờ tài ngoại giao khôn khéo của anh trùm Tích, nhân viên hành chính làng này giết lợn đãi đoàn nghệ sĩ sẵn mang cái uy tín là được Trung ương phái đi phục vụ nhân dân.

Rượu thịt no say, đoàn kịch ra đình phân công dựng sân khấu, viết quảng cáo, vẽ tranh dán khắp chợ, khắp làng quanh miền đó. Đèn đất, đèn măng sông sáng rực ba gian đình rộng trên ngọn đồi cao, chung quanh cây cổ thụ um tùm, ruộng nương bát ngát.

Tối ấy, diễn vở kịch thơ giá trị của Linh, nhan đề “*Bên kia quan ải*”. Nhân vật, chỉ có bốn người. Cốt truyện: một người cha bất đắc chí buồn thương non sông đất nước bị giày xéo, đã một thời bôn ba hải ngoại, rồi cuộc, chí không thành danh không đạt, lại trở về ngôi vườn cũ, mở trường dạy lũ đầu xanh, bên ngoài tuy êm a dăm chữ thánh hiền, nhưng bên trong hun đúc cả một trời giông tố. Người con trai cũng thuộc hạng thiếu niên bi phần, thường bỏ gia đình hết Bắc lại vô Kinh đô Huế, ngao du khắp chốn, bị ông thân tướng lăm là phóng đảng, mê say chốn lầu hoa, song thực tình thì chàng ta đi kết nạp anh tài, mưu đại sự. Đến nỗi bị cha ghét bỏ, vợ con than khóc, chàng thanh niên đành lặng lẽ với cảnh cô đơn trong bóng tối

gia đình, ôm kinh sách, nghe sấm sét ở bên ngoài sông núi. Bỗng giáp đêm trừ tịch, một kẻ giang hồ già từ hải ngoại về đất cũ nói lời khích lệ, hun sôi bầu tâm huyết gã thư sinh. Chàng ta bèn trốn bỏ vợ trẻ cha già, cùng ông già cách mạng vượt biên thùy giữa tiếng pháo giao thừa vang đất nước...

Trong phòng hóa trang, Hoạt đang ngõ cho họa sĩ Can dán râu, bôi phấn, biến thành một ông đồ già thường than tiếc cánh chim bằng vương lối, tủi bình sinh không vượt quá mái nhà xiêu. Ngộ sấm vai lão khách viễn phương, bụi đường dài trắng gót hải hồ, sẽ vỗ vai kẻ thư sinh uất hận mà cảm khái:

Rằng ta lưu lạc giang hồ

Chèo khua biển gió bốn bờ là đâu.

Nghiến răng bẻ gãy xe trâu,

Một tay xóa hết lòng đau mọi nhà.

Bao giờ ta lại với ta,

Nước trong gạo trắng lụa là cùng chung.

Dang tay khóa kín chữ đông,

Cái vui bốn cõi một lòng cùng chung.

Và Linh, ngõ ở góc phòng, tựa đầu vào cột đình gầy mọt, mặc cho họa sĩ Chù tô dặm đôi mày, kẻ dài đuôi mắt, để chốc nữa ra sân khấu, sẽ ngậm ngùi:

Mái tóc buông xuôi dòng khói lạnh,

Bóng người ly phụ thoáng đêm xuân.

Minh châu đôi hạt gài bên gôi,

Đợi đến bao giờ gởi cố nhân.

Trong khi ấy thì Oanh đã biến thành một gái Chợ Dầu - Đình Bảng, tóc đuôi gà, mặt như tranh tố nữ, yếm thắm cánh sen, áo nâu tơ thất vạt, váy lụa sa ti len. Oanh sẽ là con dâu ông già bất đắc chí, âm thầm một nắng hai sương, đốt trầm hương cho bố chồng đọc sách, ru con ngủ cạnh nia tằm, khung cửi, và đem giọt lệ nữ nhi cần giữ cánh chim âu xa tắp nẻo chân trời sương gió.

Khán giả đã chiếm hết ghế ngỗ và chỗ đứng, ở trong đình, ở ngoài đình. Có những kẻ trượng phu râu hùm hàm én đã ngỗ gây ngất nuốt thán giọt lệ trước tài biểu diễn và giọng ngâm thơ của bốn tài tử bậc thầy: Hoạt, Ngọ, Linh, Oanh. Nhất là Oanh, Oanh đã khóc nhiều trong vai người dâu hiền vợ nghĩa để làm sa giọt lệ anh hùng, và làm rơi súng trường, gươm bén của những con người tim bọc thép.

Nhưng cũng đã có một nghệ sĩ già từ lúc mở màn, đứng lẫn trong khán giả, đã nhiều lần lau mắt kính. Đó là kếp Trương. Quả như lời Ngọ, Trương đã tự trói chân mình vào lũ trẻ, an phận một anh dọn quán, bán hàng thế mà lũ quý đi đã khá xa rồi, Trương còn đứng đây, rồi buổi tối, rón rén ra hiên, ngó theo hút một lúc lâu, rồi quay vào, lòng buồn não chán chường đến mực Trương tưởng như sống lại cái tình trạng cai thuốc phiện hồi mười lăm năm về trước. Người nghệ sĩ già mệt mỏi, rã rời, vật xuống ổ rơm, băng khuâng nghĩ đến các bạn đang băng đũa, vượt bãi, leo cầu, ca hát dọc đường và cười vang lũ quán. Để quên đi, Trương gượng ngỗ lên, dắt lũ con lên ngọn đũa gần đấy. Đưa thì quét lá, đưa thì bẻ củi, còn

Trương leo lên cành cây lấy ổ trứng kiến để chốc nữa đem về xào, đánh chén, vì Trương thường nghe thổ dân miền này vẫn coi món trứng kiến xào là món ăn đặc biệt. Nhưng đứng trên đồi cao, nhìn về các nẻo đường xa, Trương càng thêm nhớ cuộc sống hồn nhiên của bạn. Trương dẫn lũ con về quán, càng thấy thêm chán nản trước cảnh người vợ đang ngời lim dim ngủ gật, tay vẫn phe phẩy xua ruồi trên rá bún, liễn chè còn nguyên vẹn. Và dĩ nhiên, chiêu ấy, cả nhà họ ăn bún thang, chè mật trừ cơm trắng. Trương ôm vò rượu, đắm đắm nhìn ra ngoài đường vắng. Rượu gần cạn đáy, Trương nghiêng vò cạn hết, dốc cả vào tâm tư đang gửi theo các bạn.

Trăng thượng tuần gài ngang đỉnh núi hoen nhòa trong hơi thu giá lạnh, càng khêu cái sầu cô tịch của Trương.

- Tối nay, giờ này, chúng nó đang sửa soạn diễn. Chắc chúng diễn kịch thơ, vì chuyện này có Oanh, Linh. Đã lâu, mình chưa được nghe thằng Linh nó ngâm lại hồ trường. Hừ, thèm quá, thèm đến chết mất thôi...

Trương gật gù, nói với lòng mình như vậy, và chặc lưỡi:

- Thèm như gái chữa con so thèm chua chát. Sống thế này, sống làm sao được. Mình đến phải vượt ngục phen nữa mất, ừ, chỉ một phen nữa thôi nhá, cốt đứng rình một xó tối, nghe xong mấy câu thơ của thằng Linh, thằng Hoạt là mình lại lui về, thế là đỡ thèm rồi, không làm sao cả, không hại gì ai cả!

Trương quả quyết đứng lên, với tay lên giá tre mở va li lấy chiếc áo tây da tím, khăn phủ la mặc vội, và lấy vội chiếc ba toong treo trên vách, nhảy xuống đất, xỏ guốc, bước nhanh ra cửa. Lũ trẻ và người vợ ngơ ngác nhìn cái thái độ khủng khiếp và bất thường đó của Trương, không dám níu kéo mà chỉ dám kêu lên:

- Cậu nó lại đi nữa đấy à?

- Cậu đi đâu đấy! Chúng con ở đây sợ trộm lắm. Cậu đừng đi.

Trương bước ra ngoài đường rồi mới ngoái lại ôn tồn:

- Mợ và các con cứ gài chặt cổng mà ngủ. Mai nghỉ hàng, hay làm ít bán cho vui tùy ý. Tôi có việc cần lắm lắm. Thế nào mai sớm cũng về

Trương băng mình vào ánh trăng lạnh nhuộm sương thu. Gió xuôi chiều, đẩy Trương đi như cánh buồm căng lộng gió. Trương hăm hở bước, nhìn thẳng về Mai Thượng. Như ý định, Trương đứng lẫn vào đám đông đàn bà, con trẻ mà xem các bạn diễn, và Trương cũng định tâm sẽ vào một nhà quen nào ngủ đỗi, lánh mặt anh em, mai sớm về ngay quán cho yên lòng vợ con và đàn trẻ nhỏ. Nhưng màn chót sắp buông, Trương không thể yên lòng vì yêu bạn, say nghề rồi thì ma đưa quỷ dắt làm sao, Trương bước lên cửa sau sân khấu, vén lá chiếu che lờ lờ hiện ra trước cái nhìn và nụ cười tinh ranh của Ngọ.

- A, kia lão hiên huynh. Trận gió nào lại cuốn bạn già đến chốn này. Tưởng bạn già đã đành tâm yên phận!

Trương cười ngượng nghịu:

- *Ma đưa lối quỷ dẫn đường, đoạn trường tìm lối kịch trường mà đi.* Đã toan nằm ấm chỗ, lại nhớ các chú, phải tung chăn, rút xích lao thân già vào gió bụi, theo nghệ thuật. Thì ra mình vẫn cứ ngửa ngáy, ngủ không an, nằm không ổn, thế mãi thôi!

Bỗng Trương ngừng lời, nhìn ra sân khấu, lắng nghe câu thơ ruột của ông Hoạt, lúc đó vọng ra ngoài sông núi, mà cũng là vọng vào mặt Trương

cạnh cánh gà:

Ngày mai ắt có con thuyền lại,

Lửa một khoang đây sưởi bốn phương.

Màn từ từ hạ, Hoạt vào, ôm choàng lấy Trương mà thét:

- Biết ngay mà! Cái con bệnh trầm trọng này chỉ còn món thuốc ấy là trúng bệnh. Có là vượt ngàn sông núi cũng cứ phải theo, cho đến thác.

Linh và Oanh rửa xong mặt phấn ở góc đình, cũng chạy đến nắm tay Trương, cười lớn. Mọi người kéo cả về nhà ông Tổng. Chủ nhân đã sai nấu sẵn nồi cháo, chỗ xôi. Đoàn kịch xúm lại ăn, rồi chia chiếu ngủ. Đêm trời trở lạnh. Họ lại chia nhau những màn che, phong vẽ, cánh gà bằng vải thô dầy, thay chăn mà đắp.

Trong khi ấy thì Linh và Oanh dắt nhau ra ngồi ở cầu ao xây gạch, ngắm mảnh trăng non chênh bóng lúc này đang cài trên lùm cây xõa tóc, nom tựa vành chiếc lược bạc.

Oanh lại thẫn thì bàn đến chuyện chia ly. Cô cần tiền lộ phí rời Việt Bắc, xuôi về miền ruộng Thái Bình để sống cùng cha mẹ. Câu chuyện ấy đã từ lâu khiến anh lo lắng, để rồi càng tự thấy mình bất lực. Chung quanh một lũ bạn nghèo, anh thấy khổ tâm trước một tình trạng thực nan giải: để Oanh thân gái dặm trường lặn lội về quê một mình, hay anh phải đi cùng cô, không nhìn lại anh em nghệ sĩ và một gia đình trong đó cha mẹ già và vợ con một bầu đang neoh nhóc bên kia bến đò Hồ vang tiếng súng.

Anh cảm thấy chưa thể dứt tình giữa lúc này, cũng chưa nỡ xa nghệ thuật và bạn hữu. Người con hư hỏng ấy đã tự viện cớ bỏ nhà theo bạn

kịch chỉ vì nghệ thuật chứ không phải vì tình. Sự thực thì anh yêu Oanh, có lẽ còn lớn hơn cả nghệ thuật, hơn bạn hữu, hơn tất cả.

MÙA THU PHẦN THỨ HAI

I

Năm Ất Dậu 1945, vào cỡ lạnh.

Cụ Đầu Xứ ng ồi như vậy từ lúc tỉnh sương. Ấm trà ủ dưới vạt áo bông dài đã nguội, màu nước trà trong chiếc chén men xanh lúc này ngả vàng. Cái thứ trà ngày loạn ly này uống vào lại càng thêm nhớ hương xưa khói cũ. Đã nhiều lúc cụ Đầu Xứ nghĩ lẫn mẩn không biết trời có còn cho sống để một ngày nào đó lại được cùng mấy người bạn già nâng chén nước “Vũ Di”, ngâm ngợi mấy lời thơ trong nắng sớm. Nhưng làm gì còn có nữa, thời buổi khói lửa này!

Cơn gió lạnh từ lòng sông rộng dâng lên, làm rung cánh liếp dựa vào tấm vách rệu rã vì mưa nắng. Ở sân sau, lũ cháu nhỏ đang ng ồi xúm vào nhau gọt gổ, khoét tre làm súng ống bày trận giả. Cụ trông cháu mà đau ruột. Bố chúng đã ba năm nay nghe chừng đi đâu xa lắm, chả có tin tức gì. Người con dâu vừa ng ồi bằm bèo vừa coi lũ trẻ, vì ngay đấy là rìa sông sâu.

Đôi lợn đói phá chuồng. Người đàn bà bằm vôi mớ bèo, đứng lên vào bếp. Lũ trẻ buộc xong sợi cao su vào dống tre con rồng ruột, giờ súng lên trời thử bắn. Súng không nổ, chỉ có m ồm chúng kêu, làm con chim ngói trên cành xoan sợ cất cánh bay đi mất. Hoa xoan trắng rụng xuống bề nước mưa ở giữa những luống cải và húng Láng.

Gió ngoài sông lùa qua phen thưa vách nát. Cụ Đầu Xứ khẽ rùng đôi vai gầy. Cụ nghĩ đến chiếc hỏa lò than đỏ. Giá như mọi khi thì những ngày trời trở rét thế này, cụ cho người nhà ra bờ sông đón thuyền mua cá, rồi sai cần thiếp đi thỉnh mấy bạn già ở làng xa đến nhấm rượu cùng với gỏi cá, bàn chuyện thơ văn, thế sự bên lò than ấm. Thế mà bây giờ cụ đành ngậm ngùi ngày ngày ngửi nghe tiếng sóng con sông Hồ.

Giữa dòng sông, một chiếc thuyền bị bắn đắm từ ngày nọ vẫn còn nằm phoir nửa mình trên mặt nước. Cụ chạnh lòng nghĩ đến đời mình, ở lúc cỗi cằn này, có khác gì con thuyền nát bị sa lầy, vô dụng phó cho nước vỗ. Cụ nhớ lại những ngày trai tráng thuở Đông Kinh Nghĩa thực, nhớ tới những nắm xương tàn nơi hoang đảo.

Xuân này không áo đẹp,

Nhưng khói tỏa sông Hồ

Đất nước phoir sương máu,

Tay anh hùng điểm tô.

Trên nẻo giang thôn mờ mưa bụi, tiếng gà gáy ngọ theo hơi gió hòa lời thơ ngân khẽ của ông già bên lũ cháu.

Năm nay, tết nhà cụ lão nho là cái tết buồn tẻ nhất trên bến Hồ vắng tanh. Tuy nhiên người con dâu cũng thừa bằng được với mẹ chồng cho phép gói vài chục bánh chưng nhân dừa mỡ, vài chục bánh gio mà chị biết tính bố chồng tết mọi năm vẫn khen ngon. Nhưng bữa cơm sáng ngày mùng một năm nay cụ chỉ uống rượu suông, nếu có cần đưa thì chỉ để gấp cho lũ cháu ngửi ghêch đầu lên đùi ông nội mà làm nũng.

Chén rượu có lúc nằm trên tay cụ một hồi lâu không nhúc nhích. Đôi mắt mờ dưới cặp kính nhìn ra ngoài con sông cạn chìm giữa đôi bờ dâu, sắn, điểm thưa thớt vài bụi tre vàng. Cụ nghĩ tới người con trai từ ngày Hà Nội khói lửa đã theo đoàn người áo vải lấy gian lao làm nghĩa của đầu xanh. Cụ chỉ có mỗi một người con trai đó. Nhưng xa thì nhớ mà gần thì cha con ít khi ngồi cùng một bữa mâm cơm thường ngày. Trước đó cụ nghĩ rằng Linh chỉ là một kẻ bê tha hư hỏng, lấy khói men tửu sắc làm lẽ sống mà thôi. Năm thì mười họa, Linh mới tạm rời Hà Nội, trở lại căn nhà lá bên Hồ Linh từ con đò ngang bước chân lên đất. Dăm ba bà già, cô gái và lũ trẻ thập thò đầy phố bên sông. Họ nhìn anh mặt xanh xao hơn mà thì thầm bàn tán:

- Cậu giáo Linh ở tỉnh về Chắc là ngày lễ.

- Cậu ấy có dạy học nữa đâu mà giáo diếc. Nghe nói dạo này cậu ta làm nghề diễn kịch, làm báo viết sách gì ấy mà!

- Lắm nghề thế chắc kiếm được nhiều tiền đấy nhỉ?

- Chẳng biết có kiếm được nhiều không, chứ mợ ấy lúc nào cũng tằn tảo khổ cực mà cứ kêu túng thiếu. Bà cụ chỉ thở dài, không ra khỏi cửa. Ông cụ lang độ này nghề thuốc ế ẩm làm sao, chẳng thấy ai mời đi chữa bệnh.

Tiếng bàn tán còn xì xào sau lưng Linh mãi cho tới lúc anh ngượng nghịu bước chân qua ngưỡng cửa khẽ lạy chào cụ Đầu Xứ lúc đó lạnh lẽo nhìn qua mặt con rồi lại cúi vào trang sách. Lũ trẻ trông thấy bố cũng như trông thấy người lạ mặt mặc tây vào xem mạch lấy thuốc của ông nội chúng. Đến nỗi người mẹ, má đỏ hồng, mắt long lanh ướt vì mừng tủi, phải mắng yêu con:

- Bố ở tỉnh về đây mà. Con không yêu bố ư, hư đến thế thì thôi! Thơm bố rồi bố cho quà tỉnh, chóng!

Lũ trẻ vẫn rụt rè nép sau cánh liếp. Hảo kéo con vào. Linh cúi hôn các con. Mặt anh cũng đỏ lên như Hảo. Anh có cảm tưởng những vầng trán thơ ngây trên đó chưa in bóng hình tục lụy, những cặp má mịn mát như cánh bạch hồng trong đó dòng máu thiên lương còn nguyên hương tươi thắm, vậy mà cặp môi anh bấy nay hằn tội lỗi vừa đặt xuống.

Anh ghé ngó xuống góc giường, đáp qua loa mấy câu cụ hỏi về chuyện Hà Nội, chuyện chính trị, chuyện thế giới, hỏi cho có chuyện, thực thì cụ cũng chẳng thiết tha gì lắm nữa với việc đời. Trong khi ấy bà mẹ nhìn con xanh gầy đi mà đứt ruột, rón rén đứng dậy ra sân lau nước mắt. Lũ trẻ ngó xúm cả sau lưng ông, mắt đen nháy tròn xoe nhìn bố để ngóng quà, nhưng trong chiếc cặp da cũ nát ném trên giường kia chỉ có chiếc sơ mi rách vá, chiếc quần đùi, còn thì toàn bản thảo kịch, thơ.

Linh cố lưu lại với gia đình được hai ngày. Hai ngày ấy anh không nói với ai, chỉ ra sau nhà ngó hàng giờ lâu bên bờ sông thả cần câu cá, nhưng mắt anh chẳng buồn nhìn phao chìm hay nổi trên dòng nước đục không gợn chút sóng.

Anh lại cắp chiếc cặp da cũ kỹ vội xuống con đò ngang trở sang sông. Chiếc sào đầy lứt mũi thuyền nan, người ra đi không quay lại nhìn người vợ trẻ còn đứng trong ngưỡng cửa gượng cười với lũ con thơ: “Bố dặn phải học cho ngoan, chủ nhật sau bố lại về, lần này thì bố sẽ mua quà thật.” Lũ trẻ lại tròn mắt nhìn mẹ, để lạ sao mẹ khóc; và chúng quay cổ nhìn bà để lạ sao bà khóc, trong lúc ông nội chúng chỉ khẽ thở dài và run tay lật nhanh trang sách mực tàu giấy bản đặt trên đùi.

*Bảng lảng thân tàn ai có hay,
Giương thuyền ngủ bụi đã lâu ngày,
Chiến bào thom máu phori trắng tuyết,
Vó ngựa chồn sương ngóng cát bay...*

Trên nẻo giang thôn mờ bụi nước, cụ Đầu Xứ gửi uất sầu vào chén rượu hoàng hôn.

Bốn tháng liền, cụ vắng nhà. Tối chiều nay, vừa đi chữa cho mấy con bệnh về, cụ ngẩng với bảy cháu ngoan trước đĩa lạc rang, chai rượu thuốc.

Có tiếng ồn ào ở ngoài đường. Lũ trẻ chạy ra rồi chạy vào, ngã vào lòng ông, nói:

- Ông ơi, người ta đang chạy. Họ bảo nguy lắm ông ơi!

Cụ Đầu Xứ vẫn ngẩng yên, mặt không biến sắc. Bà cụ và người con dâu run lập cập. Bà khẽ thì thầm:

- Sao lại thế hả ông, sao lại động ngay được đến vùng này. Đi đâu được hả ông? Tôi lo lắm.

Cụ Đầu Xứ chau mày, suy nghĩ. Ở ngoài kia tiếng người nhốn nháo, tiếng chân chạy rậm rịch ở gần ở xa, trong xóm và ngoài bến.

Bà cụ và người con dâu cuống quýt hết chạy ra đường, lại chạy vào nhà. Cụ Đầu Xứ lật mạnh trang sách đặt trên đùi, chậm rãi:

- Bà và con cứ an tâm. Đừng bắt chước người ta, chưa có gì đã rồi lên.

Cụ rót đầy chén rượu. Nhìn vào trong chén, cụ tưởng như máu sôi chấy rượu men nường. Phút giây, tận đáy ly rượu tràn đầy, dựng lên bao nhiêu bóng hình ký ức: m ò hoang, tù ngục, cảnh tình nếm mật nằm gai của người quốc sĩ bốn mươi năm về trước, giờ đây thực không còn là gì nữa trong tuổi già suy bại trước bão đời.

Cạn một hơi, cụ lại ngậm ngùi nghĩ đến câu chuyện đêm qua ở nhà cụ Chánh Ki ều. Người con trai lớn cụ Chánh cho biết, nghe nói Linh vừa chết bệnh ở mi ền sơn cước. Thảo nào, ít đêm nay cụ cứ thấy ruột gan sôi nóng, và đêm qua, vào khoảng canh ba, cụ mơ thấy con trai đứng ở chân giường cụ, mặt giàn giụa nước mắt.

Hảo bung cây đèn dầu lạc đặt bên mâm cơm, ánh lửa đèn nhuộm vàng chòm râu cước.

Cụ cúi xuống, lật trang bìa cuốn sách phủ đầy bụi. Đây là bản thảo một vở kịch thơ dài của Linh. Xưa nay vẫn biết con mình làm thơ ca, nhưng cụ Đầu Xứ chưa hề biết cái anh “đăng tử” ấy đã gửi gắm những gì trên giấy. Tối hôm nay, tâm tư nặng nề đau huyết mạch, cụ rút trong ngăn sách cũ lấy ra tập sách đầy đã úa màu bụi bậm thời gian. Cụ lật trang đầu. Mái tóc trắng như bông nghiêng bên ánh lửa đèn, bỗng bàn tay run để rơi cuốn sách xuống đùi.

Một lát, cụ ngâm khe khẽ:

Hỡi ai múa kiếm trên lưng ngựa,

Giờ đã nằm yên dưới suối vàng.

- Chao ôi, oan nghiệt gửi vào lời thơ mệnh đoán. Thằng Linh nếu có chết yếu cũng là thiên mệnh đó thôi. Ai đời lại khai bút một văn phẩm dài bằng câu thơ gở độc này!

Cụ ng ồi lặng lẽ nhìn vào ngọn lửa leo lét trước ngọn gió lùa qua phen liếp mấy lần muốn tắt. Chén rượu rung trên tay yếu gợn lên hình ảnh người con viễn xứ, vô tình cụ để rơi xuống mâm đ ồng. Chiếc chén vỡ tan.

Nhưng mấy hôm sau, cụ Đầu Xứ đã được yên lòng vì cái tin Linh chết nơi miền ngược chỉ là một tin hư huyền. Thế r ồi tiếng súng thêm gần, thêm gần mãi, vọng qua sóng nước, vọng cả vào chén rượu bữa thường ướt hoen trang giấy bản.

Một sớm, lũ trẻ vừa thò đầu ra cửa đã thụt vào. Chúng xanh mắt nhìn nhau, nói nhỏ:

- Người ta đi đâu mà nhiều gươm súng thế?

- Rõ ràng có tiếng anh Xương, anh Sửu.

- Các anh ấy là học trò ông nội. Chắc các anh ấy đến báo tin để ông nội tản cư. Chứ ở đây nghe súng mà hết vía.

Lũ trẻ đang thì thào thì bọn trai tráng ngoài đường, theo lời hô, dừng bước lại. Dân phố bến đò Hồ kinh hoàng hé liếp, kẹt cửa ngó ra, lại tụt ngay vào như đàn chuột lủi vào hang tối. Có tiếng quát to:

- Trói thằng Lý Kỷ vào gốc bàng kia! Thượng lệnh truy ền xử tử thằng phản động, đã không chịu tham gia công tác lại còn nỏ miệng nói những câu lạc hậu. Mổ bụng, phơi đầu quân phản động, quân thoái hóa, để...^[1]

II

Linh, Thảo, Oanh vẫn cùng đoàn kịch Bông Lau diễn ở thôn Mai Thượng. Dân chúng rất hoan nghênh, và thượng cấp chỉ huy văn hóa từ khu xa về kiểm điểm rất hài lòng về nghệ thuật, nhưng không hoàn toàn đồng ý về phương diện sáng tác của Linh, bảo rằng những kịch phẩm ấy tuy rất lôi cuốn khán giả song bất lợi cho mục đích tuyên truyền. Linh không cãi, chỉ mỉm cười. Thái độ của anh rất rõ ràng, và thái độ ấy đã tách xa anh với bạn đồng hành đồng ngũ song chẳng hề chung quan niệm và chí hướng. Anh ngoảnh mặt đi, hoặc cúi làm thơ, hoặc lặng lẽ nhìn trời mỗi khi người ta cãi cọ về chính trị. Quá lắm thì anh đứng dậy, ra chỗ vắng ngồi, hay đi chơi đâu dăm bữa, rồi trở về với anh em khi bầu không khí luận chiến đã nguội lạnh như vẻ mặt chán chường của Ngọ, Hoạt, Quý, Uy lúc không còn tiền mua rượu thịt.

Tiết trời rét dữ. Cứ về cứ mưa dầm gió bắc là Oanh ốm yếu luôn. Cái thai đã làm cho cơ thể của cô quá nặng nề.

Đoàn kịch vẫn luôn chuyển như vành xe gỉ trên đường bụi.

Cô lúc này tự thấy mình là một phần tử sắp rơi vào vòng sa thải, vì ốm đau và to bụng, không thể ra sân khấu đóng đôi với Linh được nữa. Ông bầu Tích tỏ ra khó chịu, và anh em có lần say, sẵn sàng trách Linh tác quái. Tác quái có nghĩa là làm hỏng hình hài một nữ tài tử của đoàn, phạm nội quy mà đoàn viên cần phải tránh.

Linh không chịu được những lời đùa bỡn có tính cách lên án đó, nên đã bàn với Thảo đành xa các bạn. Thảo đồng tình. Ngày hôm sau, Thảo rủ Oanh và Linh về nhà mình tạm nghỉ, chờ Oanh sinh đẻ, trong thời gian ấy anh sẽ có thể sáng tác thêm chăng.

Ba người bạn rời Mai Thượng vào một buổi tinh sương, giữa lúc các kịch sĩ đang nằm rúc vào nhau ngủ mệt trên giường, dưới đất, lấy phong cảnh, cánh gà làm chăn gối đắp điểm cho nhau sau một đêm bơi râu, vẽ mặt làm vương hầu, tráng sĩ, hiển vui cho bọn khán giả quê mùa.

Gió sớm lùa qua hơi sương băng giá vèo vèo quất vào da mặt. Ba người đã xa thôn Mai Thượng, lặng lẽ và chậm chạp cúi đầu đi bên bờ sông máng, nước sánh chất độc cao nguyên rót xuôi về đồng ruộng. Cô xuýt xoa so đôi vai gầy guộc, áo đơn không đủ ấm, nín chặt cánh tay Linh. Thảo đi lên trước, cản đỡ gió cho cô.

Màng sương đọng trên các khóm lá cúc tần trắng tựa những mảnh sa vương vất đó đây. Gió thổi dạt những bông lau tím phớt nghiêng nghiêng chụm vào nhau, ẻo lả như thân gái dậm trường đang dạt vào nẻo bến đời bất định.

Gần trưa, ba người tới Khương Sơn Hạ. Vợ Thảo vẫn như thường lệ, ngồi trong quán bán hàng. Đàn con Thảo mừng thấy bố, vui gặp bác, hò reo ra đỡ ba lô, đứa nắm tay áo cô Oanh khoe mẹ đất hàng vừa mua đôi vịt, đứa nắm tay Linh khoe nhà có rượu ngon chờ đón bác.

Vợ Thảo hân hoan đón bạn vào hàng, hỏi thăm Oanh về ngày sinh. Oanh ứa nước mắt nhìn ra đũa cước bốn mùa lá nốn màu ngọc thạch, đáp:

- Chỉ vào cuối tháng sau em ở cũ. Đời lang bạt mãi thế này, thực chưa biết ngả vào đâu.

- Anh chị tạm nghỉ với chúng tôi. Một cái quán chông chênh này cũng đủ che mưa nắng - Thảo cười rồi nói tiếp - Được cái bếp không bao giờ tắt

lửa, bún riêu và chè đậu đen những khi không bán hết, chủ quán được ăn trù bữa như cảnh vợ chồng bác Trương ở Ngã tư Ngô Xá.

Linh giọng chân thành:

- Oanh sẽ chịu khó giúp chị làm hàng, phải cố mà quên cuộc đời quận chúa, giai nhân sân khấu...

Vợ Thảo nhìn hai bàn tay Oanh nồn nà, những chiếc móng thon dài nhuộm màu hoa lựu, cô cười khanh khách cắt lời Linh:

- Thôi ạ, tay tôi đã quen với cày cua, củi sắc thế mà cũng nát ra. Bàn tay nữ nghệ sĩ đẹp thế kia thì nhất định là ngon lắm, cua nó tha hồ bắt nạt. Chị cứ an tâm tĩnh dưỡng, đến ngày sinh nở đã có tôi. Bạn đàn bà với nhau phải có bốn phận dắt díu nhau khi vượt cạn. Còn các ông thì vượt sông vượt biển cũng mặc các ông. Đến cá ông voi cũng chán không muốn nuốt các ông vào bụng nữa.

Thảo cười:

- Thế mà chúng tôi phải sợ cày cua đấy. Gái thời loạn các bà anh hùng hơn chúng tôi nhiều.

Vợ Thảo cười tiếp ý chồng:

- Chả anh hùng mà cứ mỗi ngày lại xé xác hàng năm bảy trăm cua. Các ông thử mó vào xem, các ông sẽ biết.

Đứa trẻ lớn xen vào lời mẹ:

- Mẹ cháu lại có cái tài giết vịt. Tiết canh vịt mà mẹ cháu đánh cho bố cháu nhắm tuyệt lắm. Mẹ thử trổ tài cho bác Linh xem.

Đứa bé ngắt lời anh:

- Thế mới gọi là anh hùng chứ!

- Con sẽ vào trại nhà ông Chánh trong làng trèo lên cây ngắt khế. Tội thì trong bếp có sẵn rưỡi. Chỉ còn thiếu húng Láng thôi.

Thảo cười to:

- Các con tôi thảo luận về công tác tiết canh vịt, riêu cua dữ quá. Yêu cầu biểu quyết và thông qua, nghĩa là các chú đi đun nước ngay đi, để chiều nay đãi tiệc.

Đàn con mừng vì sắp được no cơm thịt sau khi bố đi vắng lâu ngày trở về nếu như không có “các bác” qua đường ghé nghỉ để thay quần áo bụi bặm, ra sông máng tắm và nằm khểnh ngâm nga thì phú với bố chúng độ dăm ngày, thì mấy mẹ con chỉ được ăn chè bún ế, cơm gạo đỏ với trám xanh muối mặn.

Thấm thoát Oanh và Linh trú ngụ ở gia đình Thảo đã gần một tháng. Ngày ngày cô ra hàng ngửi cùng vợ Thảo, lúc đông khách vào ăn thì tiếp hộ. Lúc rỗi, cô lại vá víu quần áo cho Linh hoặc phá các áo cũ khâu thành những chiếc áo xinh xắn cho đứa con sắp ra đời.

Sống trong gia đình Thảo, cô mới biết đồng tiền kiếm được thực khó khăn. Vợ Thảo ngày nào cũng vậy, đầu đầu như cái máy, dậy từ gà gáy lần thứ nhất để xé cua, cời gạch, rưỡi thì giã, lọc, rưỡi thì nướng quả dọc chua, gạn mẻ, xào mầu mỡ. Xong nãi riêu ngon ngọt lại lo đến nãi chè đỗ, lẹ kẹo, que đóm nổ, hũ chè tươi. Người đàn bà ấy từ thuở còn con gái đã quen mùi phú quý đến khi lấy chồng đã quen buôn nghìn bán vạn, gánh vác việc nhà chồng, quần quật cả ngày, làm nhanh, sạch sẽ, ngăn nắp,

không hề dám gắt chững mắng con. Và khi hàng ế cũng như lúc hàng đắt, người đàn bà ấy không hề xao nhãng mâm cơm đãi bạn, cần có rượu ngon, món nhắm, chẳng đợi chững phải bảo.

Oanh xưa nay vốn quen mùi hương phấn thời bình ở các tỉnh thành, cô chỉ mỉm một nụ cười, rướn đôi mày liễu, đưa một ngón tay ra hiệu là đã có kẻ dâng tiển cho cô sai phá. Mới ngoài hai mươi tuổi, cô đã lang bạt từ Cao Môn đến Sài Gòn, lục tỉnh, bước qua năm bảy dịp cầu tình duyên. Dịp trước gãy dịp sau lại nổi, cô coi là thường sự cần cố cái nhan sắc lộng lẫy của mình cho cái sông đời đen đỏ, chẳng quan trọng gì hơn việc gởi tạm một bộ áo, chiếc đờng hồ cho nhà Vạn Bảo. “Ái tình chỉ là một cuộc giết thời giờ”, cô đã quen cười lớn, nói thẳng vào mặt những kẻ sắp muốn tự tử vì cô. Nhưng rồi người con gái dày dạn ấy đã hiểu ý nghĩa tình yêu kể từ khi gặp Linh trên kịch trường mà tài trí, phong độ của anh đã chế ngự và buộc chặt cánh con chim én đang đưa ấy. Con chim trời đã cam chịu qua mấy năm nay nằm hót những tiếng buồn rầu, tha thiết trong tay áo rộng của người tình nghệ sĩ. Bởi thế mà Linh nghiện rằng lìa bỏ gia đình, coi thân thế nhẹ như cánh lá bay theo tình, theo gió. Và chính vì thế mà cô cũng đành bỏ mẹ già và đưa con tám tuổi ở Thái Bình quê cũ, say đắm theo Linh và đoàn kịch kéo nhau lên phía Bắc trước ngày Hà Nội khói lửa. Yêu nhau vì nghệ thuật, bây giờ lại vì nghệ thuật mà đôi lứa ấy khổ vì nhau. Anh cam đành, không than thở. Nhưng cô, từ khi thai nghén đâm ra hay đau ốm, thành ra bản tính, luôn luôn day dứt bạn tình, tuy vợ chững Thảo đã cố dần hòa, an ủi.

Ít ngày nay sống bên vợ Thảo, Oanh đã được cảm hóa dần dần. Trước đây cô còn ngại rét, vẫn trùm chăn kín trong khi vợ Thảo đã lẹp kẹp guốc mòn ra giềng khơi mức nước, đãi gạo, giã cua. Rồi lại suốt ngày vợ Thảo ngỗ công lưng phẩy ruỗ, chào khách, châm đóm và bùng điếu, chiều từ

anh chàng công tác qua đường đến bác lái thuốc Lào, lái lợn, để ngửa tay nhặt năm hào, một đồng tiền bát nước chè, bát bún.

Oanh không đành ngủ sớm dậy trưa, cũng cố tung chăn dậy cùng vợ Thảo nhóm bếp xé cua, cời gạch cua, vừa làm vừa sưởi ấm. Mỗi lần ngón tay nuốt nà của cô bị càng cua cắn nghiến, cô lại xuýt xoa rồi cười khanh khách, trong khi ấy thì nước mắt cô đã ứa ra. Vợ Thảo nắm tay Oanh, gỡ bẻ càng cua, xoa xuýt thổi, bảo cô lên nhà nằm nghỉ, kéo sắp đến ngày ở cũ, nên tỉnh dưỡng. Cô khóc nức lên, chưa xót đáp:

- Cua cắn thịt không đau. Em chỉ đau lòng vì yêu thương anh chị, nhất là thương chị, đã từ bao lâu rồi, bàn tay chị nứt mả ra vì cua cắn, gai đâm, vậy mà lúc nào chị cũng vui vẻ lo cho chồng con, bạn bè ấm no.

Vợ Thảo khẽ thở dài. Khuôn mặt người đàn bà đảm đang, tần tảo sớm già trước tuổi ấy bỗng như se lại bên ánh lửa.

Mọi khi ngày phiên chợ, vợ Thảo phải nhờ Linh trông hộ cửa hàng, nếu ông chồng không mắc bận ngao du, để cấp thùng đi chợ cách xa vài cây số. Oanh tình nguyện xin đi chợ mua các thứ về làm hàng và làm cơm bữa. Vợ Thảo không nghe, bảo:

- Bà to bụng và yếu ớt đi sao nổi năm bảy cây số cả đi lẫn về. Đường lại xẻ nhiều, hố sâu nước vũng như ao, nhớ sẩy chân thì khốn. Thôi để mặc tôi.

Nhưng cô cứ đòi đi, đỡ đần cho bạn. Thảo liền đề nghị:

- Nếu thế thì anh Linh đi phò tá. Lũ trẻ cho đi hộ vệ, để lúc về chúng nó thay phiên nhau xách bị.

Anh đang soạn vở kịch thơ lịch sử, đành phải xếp bản thảo, bỏ bút, mặc áo đội mũ đi chợ với cô. Cô chụp nón, xách bị, nhắm lại những món cần mua mà vợ Thảo căn dặn. Đi được ba bước, Oanh vội quay lại hỏi:

- Mật, cua, kẹo bột, kẹo lam, cá, cà chua... r ồi gì nữa, đến chợ thì có lẽ em quên hết.

R ồi đập yêu vào cánh tay Linh:

- Tại có anh Linh đi cạnh làm em lú lẫn.

Vợ Thảo cả cười:

- Còn món bầu dục đem về ch ần cho các ông ấy đánh chén. Nhớ mua chuối tiêu và dặn cô hàng bún mai xếp bớt đi, vì không phải ngày phiên chợ.

Oanh lim dim mắt, nhắm lại, r ồi lại ngập ngừng:

- Khó nhớ quá. Nhi ều món thế. Anh Linh nhớ hộ em, hay biên vào sổ tay kia.

Vợ ch ồng Thảo cùng cười. Thảo nói:

- Ấy thế mà học vở kịch thì chỉ thoáng một đêm là bà ấy thuộc vanh vách hàng mấy trăm câu thơ của ông ấy. Thuộc đến nỗi ra sân khấu bà ấy lại nhắc th ần cho chính tác giả và các vai khác nữa.

Oanh cười, hai hàng răng đầu như ngọc loáng trong nắng ấm phơn phớt ửng trên làn môi nh ảy mọng tuy cô không tô son điểm phấn như những ngày đi làm kịch:

- Thế mới gọi là khôn nhà đại chợ, phải không anh chị?

Linh chế giễu:

- Cô ấy chẳng đại đâu. Chốc nữa đến chợ, thấy mùi chả chó lại sà ngay vào làm năm bảy gắp. Quận chúa Huyền Cơ của tôi chỉ thích chả chó chấm mắm tôm chanh thôi ạ.

Vợ Thảo cãi hộ Oanh:

- Nếu không biết thưởng thức hương vị chả chó thì biết sao được cái hay của thơ anh để thuộc lòng tất cả các tác phẩm anh đã viết.

Cô cười:

- Đúng thế. Mà có phần hương vị chả chó còn ngon hơn thơ anh đấy. Yêu thơ anh tôi cứ gầy vơ mãi đi, chứ yêu hương vị chả chó rồi tôi sẽ béo.

- Vậy thì hoan hô chả chó.

Linh vẫy lũ trẻ con:

- Nào, xuống chợ mau, các cháu. Đường xa ngày ngắn, tán mãi, đến nơi thì vẫn hết chợ rồi!

Oanh, Linh và bọn trẻ đi được lúc lâu, Thảo quay vào đọc tập bản thảo của Linh. Thơ Linh dạo này đã nhiễm màu đại chúng, nhưng đôi khi cái nước sơn phong kiến tư sản cũ vẫn lộ ra qua những sắc thái dị kỳ rung lên bằng nhạc điệu.

Thảo cao hứng cất giọng ngâm. Vừa lúc đó, Thảo nghe có tiếng một cụ già nói ngoài hàng:

- Hai bác dọn quán ở đây à? May quá, mỗi chân vào quán nghỉ, gặp ngay người quen định gặp. Già không vào quán thì lại mất công tìm hỏi ở trong làng. Bác trai đâu?

Vợ Thảo thấy một cụ già khăn nhiễu tam giang quăn rối, đeo kính trắng, mặt vuông, mắt sáng tai to, thân thể cao lớn, mặc áo bông dài, quần lụa nhuộm màu cánh kiến, chân đi giày tàu, tay cầm ô lục soạn. Cụ đi đến nhiên vén áo ngó xuống ghế, liếc mắt vào gian trong, ánh mắt loáng như đường gương bén. Tuy chưa gặp, nhưng vợ Thảo linh cảm ngay rằng khách lạ chính là cụ Đầu Xứ Bắc Ninh, và linh cảm nữa rằng cụ lặn lội đường trường đến đây để tìm Linh.

- Bẩm cụ, cụ ở bên Hồ lên?

Khách lạ ngạc nhiên:

- Sao bác cũng nhận được tôi ở bên Hồ?

Vợ Thảo đứng dậy chấp tay thưa:

- Bẩm cụ, con thường được nghe bố cháu nói nhiều về cụ. Nay trông cụ phảng phất giống anh Linh con, nên con phỏng đoán.

Rồi quay vào phía trong:

- Minh ra tiếp cụ Tú ở Hồ lên chơi đấy.

Từ nãy, Thảo đang bối rối vì cũng linh cảm như vợ rằng chuyện cụ Đầu Xứ lên đây chỉ là để trừng trị tội Linh. Anh còn đang luống cuống thì nghe vợ gọi. Thảo không tránh được phải bước ra cúi đầu chào, rồi mời cụ vào gian trong ẩm tối, trơ trọi hai chiếc giường ọp ẹp. Cụ Đầu Xứ nhìn

quanh, ng ỡ xuống, Thảo loay hoay nhặt nhanh mấy chiếc chén mà lũ trẻ vớt mọi nơi, đặt vào chiếc khay gỗ cũ, vờ đem ra ngoài hàng rửa. Nhân dịp đó, Thảo ghé tai vợ thì thầm:

- Minh ba chân bốn cẳng chạy ngay xuống chợ, báo động cho Linh và Oanh biết. Bảo họ đi vòng về phía đ ể sau, trên đ ể thông có ngôi đền thờ đồ nát, cứ việc chui vào đấy, r ể chờ tối, ta sẽ sai con mang chần chiếu, cơm nước ra tiếp tế. Tôi xem chừng cụ đồ mắt nhiều sát khí nhưng cố nén. Nếu để cụ bắt được Linh thì Linh sẽ bị đòn, Oanh cũng không thoát được. Minh gửi hàng cô bé ở quán bên sang trông giúp, đi ngay đi!

Thảo bưng khay nước chè tươi và đèn điều vào kính cẩn mời, r ể chấp tay đứng hầu, như trước kia anh vẫn chấp tay nghe cụ đồ giảng sách ở gian nhà lá bên sông H ồ.

- Bẩm, cụ bà con và chị Linh cùng các cháu vẫn bình yên?

Cụ nhìn ngọn lửa bắc đèn bắt từ từ vào que đóm gỗ thông, chậm rãi:

- Chúng tôi không yên được tại H ồ, đã chuyển cả sang vùng Phương Thảo, cách đấy ngót hai mươi cây số. Mẹ thằng Linh độ này ốm đau luôn, tôi dầu bốc thuốc chữa hàng ngày, nhưng xem ra ít hy vọng lắm. Còn vợ thằng Linh đang hậu sản mòn, ngày đêm lặng lẽ mong ch ồng. Bầy trẻ thì không bố, thành một lũ chó con hoang. Cảnh nhà không ra làm sao cả - Cụ Đầu Xứ trầm ngâm, nhìn một con muỗi ngày vừa đốt mình vào đĩa dầu bắc lụi - Vì thế mà tôi phải lê thân già đi tìm thằng Linh vấn cái tội thất giáo và lưu đ ăng. Tôi đoán chắc rằng nó ở đây với bác. Xin cho tôi được gặp.

Thảo cố giữ nét mặt thản nhiên, cung kính:

- Bẩm, chúng con đã từng khuyên nhủ anh Linh trở về hầu các cụ và trông nom các cháu. Nhưng trời phú bẩm cho cái máu giang hồ phóng khoáng nên anh con cứ say mê những chuyện sự nghiệp...

Cụ cười chua chát:

- Nó say mê gì sự nghiệp. Tôi biết nó, tôi hiểu nó. Nó chỉ nặng lòng với một con đàn bà, một mối tình cầu trệ, cho nên tôi cần gặp chúng nó, để nhắc chúng nó nhớ lại chữ sách đã học từ ngày còn nhỏ: “Phụ mẫu tại dương bất khả viễn du...” . Mà viễn du ở phương nào, vì mục đích gì cao cả?

Bỗng cụ cười rộ lên mấy tiếng, giọng mỉa mai:

- Thằng con tôi nó viễn du ở trong khốe mắt con đàn bà trốn chúa lộn chồ. Thực là nhục nhã cho một kẻ đã dùng nhàn cái chí nam nhi hồ thỉ giữa thời này. Tôi đâu phải người chưa từng biết sống dọc ngang, mà nó dám xảo trá dối gạt tôi - Giọng cụ trở nên gay gắt - Ông bảo chúng nó ra đây cho tôi hỏi chuyện.

Cặp mắt cụ long lanh sau cặp kính, khiến Thảo ghê sợ lo lắng cho Linh và Oanh. Anh vẫn phải buộc lòng nói dối, dẫu rằng lương tâm anh không yên ổn đối với gia đình Linh, trong đó mẹ già hấp hối, vợ trẻ ốm đau, đàn con không bố như bây chớ con hoang lạc.

- Tôi biết rằng chúng nó ở đây. Bác cho tôi thấy mặt thằng nghịch tử và con yêu nữ ấy.

Thảo bị dấn vào trường hợp không biết xử thế nào cho ổn. Cụ Đầu Xứ mà Thảo từ xưa vẫn tôn trọng vào bậc sư phụ và bá phụ đã vì gia đạo bất nghiêm mà vượt đường trường sương gió tới đây không lẽ Thảo nỡ đánh

lừa cụ để cụ hậm hực ra về? Còn nghĩa bạn với Linh, lòng thương với Oanh, Thảo thấy không đành cho hai kẻ tài tử giai nhân ấy chịu đau đớn vì lời nhục mạ và roi vọt.

- Thế nào, bác giấu chúng nó ở đâu? Bác hãy thương mẹ nó đang trọng bệnh, hãy thương vợ nó đang ốm đau mòn mỏi, lũ con nó đang bơ vơ, neho nhóc mà xử sự cho ra người quân tử. Tôi tin rằng bác không thể thương nó, thương con đi hơn nghĩ đến tình nghĩa của gia đình tôi.

Thảo đã suy nghĩ kỹ, và cương quyết đáp:

- Bẩm cụ, vài ngày trước đây, anh Linh và cô Oanh có thường tới đây với chúng con. Nhưng thực tình sáng qua, anh Linh đã đi tiễn cô Oanh tìm đường xuôi về Thái. Cô ta về với gia đình, anh Linh sau đó cũng sẽ nghe lời chúng con khuyên nhủ mà sẽ về cùng các cháu. Cuộc tiễn đưa kia chỉ mười cây số, rồi thế nào anh Linh cũng về nhà hầu hai cụ, và tin cụ bà bất an, anh Linh đã biết rồi.

Cụ Đầu Xứ trầm ngâm, hơi đầu que đóm vào bắc lửa rít một hơi điều trúc. Tiếng nước sông sọc nấc trong ruột dóng tre rừng tựa hồ tiếng cuộc gào non nước giữa đêm sâu.

Cụ chẳng nói năng chi nữa, một lát khẽ thở dài.

Thảo se lòng vì đã phải dối lừa một lão trượng từ bao dặm xa xôi đến tìm con, trong khi ấy ở phía chân trời xa kia đàn cháu nhỏ đang trông ngóng bóng ông về với người cha lưu đang mặt xanh má hóp đeo khăn gói theo sau gót, từ nay sẽ ở yên nhà với chúng.

Vợ Thảo tất tưởi về, nháy mắt ra hiệu cho chồng biết rằng Linh đã y theo mưu kế, rồi vào bếp nhặt rau mỡ cá, làm cơm đãi khách.

Cụ Tú mệt mỏi, ngả lưng nằm xuống nghỉ, với tay lên mặt hòm rút một cuốn sách, thờ ơ nói:

- Nếu tôi về ngay, e gặp tối giữa đường. Phải hai bác cho nghỉ chân một đêm nay, mai lấy sức lên đường về sớm vậy.

Vợ chồng Thảo kẻ lấy gối, người giữ chân đắp lên mình cụ, chấp tay thưa:

- Chúng con thường ngày vẫn bận khoản nhắc đến hai cụ và các cháu, không biết có được an lành ở đất cũ chẳng, thì hôm nay cụ từ xa đến, con được cái may mắn rót rượu hân. Xin cụ lưu lại đây vài bữa, quanh miền này có nhiều di tích lịch sử, con sẽ xin hướng dẫn...

Cụ Đầu Xứ mỉm cười:

- Ba mươi năm xưa tôi đã lên đây nhiều lần với vài ba ông bạn. Những ông bạn ấy đều đã bỏ mình trên máy chém rồi. Thế mà tôi vẫn cứ sống, bụi trần trắng quá ba phần râu tóc. Đời mình đã bỏ đi rồi, sót lại thằng con, thì nó lại là một cái rác rơm vô dụng, ngông nghênh dẫm vùi thơ sáo mếp, vùi mình vào nhan sắc kẻ phụ nhân. Ngao ngán quá!

Thảo thưa:

- Con nghĩ rằng anh Linh con không đến nỗi hư hỏng thế. Giá khi nào rảnh rồi, cụ bớt thì giờ đọc thi phẩm của Linh, và nếu có dịp dự kiến một buổi kịch do Linh soạn vở và đạo diễn, cụ sẽ hiểu con người tài hoa ấy hơn chút nữa.

Cụ Đầu Xứ im lặng một lúc rồi mới đáp

- Tôi đã hiểu thằng Linh từ lâu rồi. Nó là một người thừa, vô dụng.

Định kiến khắc khe của cụ khiến Thảo phần uất thay cho bạn. Anh thầm nghĩ: “Khảng khái, cố chấp, khư khư ôm sĩ khí ở trong lòng, mặc kệ cả những điều cần xét đoán cho mình bạch, không trách cố nhân, lấy danh nghĩa văn thân, đã theo nhau chết uổng và ngã dúi trên bao nhiêu vết xe nghiêng đổ.”

Vợ Thảo bưng vào mâm rượu, đặt xuống giường. Thảo không dám ngồi cùng chiếu, bê chiếc ghế ngồi phía dưới, rót rượu hầu.

Linh và Oanh vẫn ẩn nấp trong ngôi đền cổ mà dân chúng miền này bảo đó là di tích của lão cách mạng Đề Thám trong thời kỳ chống Pháp. Và họ nói nữa rằng cụ Hoàng Hoa Thám sau một ngày giáp chiến đã rút vào ngôi đền hẻo lánh này an nghỉ. Mái đền tối thấp, rui kèo nát mọt, trơ ba pho tượng nhện chằng tơ. Chung quanh đền, rừng thông tiết ra mùi ngái hắc. Hoa thông khô quắt rơi lộp bộp xuống mái đền, sần cỏ. Dưới sân, mấy cây si có lẽ mọc từ tiền sử ngã cành buông rễ xuống vũng ao sánh vắng xanh.

Tối mịt mù. Oanh ôm lấy Linh sợ hãi. Cô tủi đời, nước mắt, tiếng khóc vọng vào cái đầu hiu sâu thẳm của cây đền.

- Em có ngờ đâu yêu anh mà khổ nhục thế này. Thôi thì cứ để em về dưới xuôi. Anh về với gia đình cho xong.

Anh đau lòng, ôm lấy cô mà an ủi. Bỗng có ánh đèn le lói từ dưới quán đang đi tới. Oanh hoảng hốt:

- Anh thử nhìn coi. Em sợ lắm!

Linh nhìn xói vào bóng tối. Năm sáu bóng người. Họ lảng lảng mà đi. Ánh đèn chớp chớp rồi tắt lụi. Linh nhận thấy họ đều mang khí giới. Oanh càng ghì chặt cánh tay Linh, thở rộ lên. Linh cũng hẫ hẫ, lắng nghe những nhịp chân bước vội. Sắp đến đến, họ rẽ quặt ra phía sau bức tường đỏ, lên đường rồi mất hút.

Oanh rùng mình, rên khẽ:

- Đã khổ chưa, anh ơi! Thật là thấm thía. Đời tôi, đời tôi chưa bao giờ nhục đến thế này.

Linh khó chịu:

- Đừng phàn nàn nữa. Hãy nhẫn nhục cùng chia nỗi khổ để cùng thương xót nhau hơn.

- Tôi không thể nào chịu đựng hơn được nữa. Chắc ông cụ lên tìm tôi để nhục mạ, rồi bắt anh về xích lại, chứ gì!

Anh cau mày khẽ bóp bàn tay Oanh lạnh giá trong gió lùa từ đường thông xuống, từ dưới ao lên. Mấy con đom đóm bật gió ngàn, gạch nhăng vào đêm tối nét sáng xanh dị ảo. Từ bụi hoa dại um tùm, con rắn nhỏ mồi mình hoa nhài ra đón tàn lửa đom đóm rồi nó lại chui vào bụi kín, trườn qua khe cửa một. Oanh không còn hờn vía, đập tắt vội que diêm vừa lóe trên tay Linh soi theo rắn. Im lặng như tờ. Oanh định thẩn, ngẩng gục đầu vào vai Linh xoa xuyết:

- Rét quá, và đói lắm. Ngồi cả đêm thế này thì chịu làm sao nổi.

- Anh tin rằng Thảo sẽ ra tiếp tế, không khi nào vợ chồng anh ấy để chúng mình chết đói rét ở đây - bỗng anh ngừng lại, bấm Oanh nhìn về con

đường nhỏ, thì thầm - Em nhìn xem. Có người đi đến, chắc là Thảo...

- Sao anh ấy không mang đèn đóm, ăn mò xó tối à?

Linh tắc lưỡi:

- Anh ấy không mang đèn đóm, có lẽ sợ ông cụ nghi ngờ chẳng.

Oanh thở dài ngao ngán. Những tiếng chân nặng nề đã đến gần, lần tiếng ho sù sụ. Ba bốn bóng người rên hừ hừ, đi qua mặt Oanh và Linh, xuống dưới dãy ba gian nhà xiêu vẹo bên gốc si cổ thụ. Họ thổi mồi lửa rơm, nhóm củi khô vun sẵn ở góc nhà kín gió. Một lát lửa sáng lên, soi rõ mấy cái đầu bù mặt võ, họ run lập cập trong những manh tải rách quần bọc những bộ xương xám xịt. Linh ghé tai Oanh:

- Bọn hành khất ở chợ về đây là nơi trú ngụ thường đêm của chúng.

- Coi bộ họ hung dữ lắm. Nếu họ biết mình nấp ở đây...biết đâu họ không giở trò hung bạo vì anh còn chiếc áo bành tô chưa quá rách, mà em thì...

- Mình đa nghi quá! Họ chỉ là những bộ xương ma, làm gì được chúng mình.

- Anh tưởng! Người ta vẫn bảo trai Yên Thế...

Linh tắc lưỡi:

- Chi bằng mình đừng nấu hình, im tiếng mãi. Chúng ta ra nhập với bọn họ, sưởi ấm với họ, thử sống một đêm với anh em hành khất xem sao.

Oanh nắm áo Linh:

- Chịu thôi, em hết vía!

Linh đứng dậy tiến xuống chỗ bọn người tóc rũ, xương khô. Oanh sợ sệt bước sau Linh. Ánh lửa hắt lên mảng tường rêu phủ, chiếu vào những tròng mắt trũng sâu, những bàn tay còng queo hơn trên củi cháy. Bóng họ rung rinh ở mặt tường, gọi cho Linh nghĩ đến một hoạt cảnh ma rừng quỷ núi. Linh dặng háng. Bọn hành khất có kẻ khẽ ngẩng lên lờ lờ nhìn Linh, có kẻ vẫn gục đầu xuống đầu gối, mắt nhắm và bất động như xác chết ng ẩi trơ ra đó từ bao giờ.

Linh lên tiếng:

- Các ông đêm nào cũng ngủ ở miếu này?

Hai người ng ẩi bên lửa không hé miệng. Một lát, có tiếng ph ầu phào ở trong đồng chiếu góc tường:

- Chả ngủ miếu, ngủ đình, còn biết ngủ ở đâu. Ông đến đuổi chúng tôi ư?

Linh kéo Oanh ng ẩi xuống, cũng hơn tay vào lửa:

- Không, chúng tôi cũng lỡ độ đường, phải vào miếu này ng ẩi chờ sáng. Đang đói rét, thấy có lửa, chúng tôi đến xin được sưởi nhờ cho đỡ cóng. Các ông cứ yên tâm...

Bộ xương chết ng ẩi từ lúc nãy, giờ mới hé đôi môi thâm nhợt nh ầy rớt dãi:

- Chả yên tâm thì sao nữa. Ăn mày khố rách còn sợ ai bóc lột, còn sợ ai đuổi đánh. Người ta đã đuổi đánh chán r ẩi. Chỉ còn thoi thóp thở, chờ

xuống âm phủ nữa mà thôi.

Hắn mở đôi mắt trắng dã như lợn luộc nhìn dữ dội vào mặt Linh, Oanh. Hai bàn tay xương xẩu lóng cóng vì lạnh trao sát xuống ngọn lửa. Miệng hắn méo lệch đi:

- Chúng tôi ở làng Vàng tỉnh Bắc. Bị di cư lên miền này, vì súng đuổi sau lưng. Hồi đầu còn có áo quần, nǎi niêu mà bán. Sau dần nhẵn nhụi, đi ở không ai muốn, rồi thì sốt rét, dở sống chết để đi ăn mày, nhặt lá bới xương các chợ.

Hắn im bật, mắt lại nhắm như mù và môi lại mím, trở như một cành cây mục ải. Trong đồng chiếu có tiếng nhai xương gau gấu. Người đàn bà ở xó tối vút hiện ra tựa ma chơi, phào đến một mùi hôi tanh gớm ghiếc. Mặt chị ta đỏ loét, một mắt lòi cả con ngươi, mở chiếc bị lòi ra gói bánh đúc lẫn với mấy con cá chết. Chị hơ cá lên lửa nướng. Mùi thịt chín bốc thơm. Bộ xương khô vừa phẫn uất với Linh kia hé mắt và hé môi nhìn con cá đang được vàng mình trên lửa. Hắn lầu nhầu:

- Củi lửa của ta, dễ đốt lên cho chị làm điếc mũi thằng này chắc?

Rồi hắn giật phăng con cá nóng, bỏ vào mồm nhai, nuốt chửng. Chị kia kêu the thé, rửa mấy câu độc địa, vợ gói bánh đúc, tập tễnh lần nhanh vào bóng tối. Chợt có ánh đèn từ đường ẳm rọi xuống. Ánh đèn lắt lư, tới gần thêm. Tiếng guốc trượt trên bậc gạch trơn bánh lá và vỏ chuối. Linh nhận rõ tiếng Thảo la:

- Suýt hỏng ăn. Cô cậu tha hồ đói nhé. Có thể mới biết thế nào là cái nhục cơ hàn.

Thảo xách liền cơm to và bát món ăn lờng trong chiếc quang mây nhỏ, đứng sững trước cảnh tượng lạ lùng của bầy quỷ đói, khẽ kêu:

- Trời ơi, một tấm tranh sơn dầu linh hoạt và bi đát. Tiếc rằng anh bạn họa sĩ Trần Văn Cẩn không được vẽ.

Oanh không nói, chỉ gượng cười. Thảo tiếp:

- Biết cô cậu đói, nhưng không có dịp đánh tháo ra đây. Mà vợ mình thì lại nhát không dám đi tiếp tế. Ông cụ uống rất nhiều, vừa đi nghỉ. Mai sớm ông cụ lại về.

Linh cúi đầu, tiếp thêm lá khô vào lửa, khẽ thở dài. Thảo cười, giấu nỗi đau lòng thương bạn:

- Thôi, chén đi kéo chết thì nguy.

Linh mở liền cơm, bảo những người hành khất:

- Sẵn cơm nóng sốt đây, xin chia đều mỗi người chút ít để nhớ đêm đốt lửa ma này.

Bọn hành khất nhìn cả vào liền cơm đầy bốc khói, mấy bát cá thịt thơm ngon, lại nhìn ba người một cách lạ lùng, bỡ ngỡ, để tưởng rằng mình bị lừa.

Linh nhắc lại, họ mới dám ngả bát ra cho Oanh xới cơm và sẻ món ăn. Họ ăn rất nhanh, sung sướng như khi còn ở làng khoác áo quan viên đi đánh chén cỗ bàn hiếu hỷ. Linh và Oanh đang đói ngấu, ăn cũng thấy ngon miệng không kém lũ ăn mày thực thụ.

Thảo xếp bát đĩa vào trong liền bảo:

- Tôi vờ mang chăn chiếu ra cho ông bà ngủ một đêm thơ mộng ở miếu hoang này. Ngỡ rét cho đến sáng thì chết mất.

Linh gạt ngay đi:

- Tôi biết nhà chỉ có hai chăn. Một cái thày tôi đắp, một cái phần chị và các cháu. Nếu anh mang ra cho chúng tôi thì chị và các cháu nằm co, chị đã vậy, các cháu chịu làm sao nổi.

Oanh nói:

- Chúng em ngủ suốt đêm cũng được, chỉ lo không còn củ đốt.

Người hành khất đã được bát cơm, trở nên vui vẻ:

- Còn hai bó nữa, xin cứ đốt. Đáng lẽ mai sớm tôi gánh ra chợ bán, nhưng ông bà dùng thì cũng chẳng ngại gì.

Thảo cười to:

- Có bao nhiêu củ lá cứ đốt hết đi. Tôi xin trả tiền chu tất.

Lão ăn mày đứng ngay bên, khập khiễng vào xó tối, khuôn mấy bó củi nổ ra. Thảo móc túi lấy năm đồng trả, rồi chất thêm cành khô vào đồng lửa sắp tàn:

- Đêm nay ba ta cùng thức ở cổ miếu này, chờ xem cụ Đệ có báo mộng gì chẳng, hay thú hơn là chờ xem có nàng hồ ly, hoặc cô tiên nào hiển hiện nói chuyện chơi chốc lát. Va chạm mãi vào sự thực, chán lắm rồi - Thảo khúc khích cười, nói tiếp - Chán nhất là mẹ đi, làm ăn khuya sớm, thành ra như ma mút, không còn cái óng ả của cô gái Hàng Đào xưa ở Hà thành!

Linh nhìn Oanh, quen miệng đọc câu thơ anh vẫn đọc:

- *Thời loạn ly ai đẹp mãi bao giờ!* Có phải không, Oanh?

Bọn hành khất đã rúc vào nhau ngủ. Chị đàn bà bị chen chúc, và chiếu đắp bị ai kéo mất, la the thé. Thảo nhìn Linh thấp giọng:

- Người ta thường lấy làm lạ mỗi khi thấy các chị ăn mày đã khổ sở đến thế mà còn chữa đẽ luôn luôn. Người ta không biết rằng họ nằm chui nằm chắt thế kia, bất phân ch ồng vợ hay xa lạ, làm gì mà không chữa.

Oanh đỏ mặt lườm Linh và Thảo:

- Gớm chết, hai ông! Khổ chết đi thế này còn nói chuyện ma mãnh ấy.

Linh cười:

- Chúng mình có sướng hơn họ đâu, thế mà tại sao bà cũng nặng nề như thế!

Oanh nguyệt Linh, ngoảnh đi chỗ khác:

- Mùa đông ngày ngắn đêm dài, ng ồi đến bao giờ cho sáng - R ồi cô cúi xuống nhìn ngọn lửa - Mà sáng để làm gì! Nếu cuộc đời cứ kéo dài mãi thế này!

Nước mắt cô rơi xuống má, long lanh bên ánh lửa. Linh lắng sang chuyện khác, vỗ vai Thảo thân mật và cảm động:

- Anh về nhà nghỉ, kéo chị và các cháu mong. Anh ng ồi đây vẫn biết chịu chung với chúng tôi một đêm, nhưng rét thì vẫn rét như thường.

Thảo búi ngủ, cười gượng:

- Về chui vào chăn bông, chắc gì đã ấm hơn, khi còn phải nghĩ đến những kẻ đói rét ở ngoài trời. Mờ đất, tôi về giúp nhà tôi làm hàng, đun nước cho cụ nhà rửa mặt để cụ lên đường sớm.

Linh lặng hẳn đi, nước mắt ứa ra:

- Thầy tôi giận tôi lắm đấy, nhưng biết làm sao được. Đã lâu rồi tôi chưa có dịp về thăm, hẳn là cụ già đi nhiều lắm.

Thảo thở dài:

- Còn gì nữa mà chẳng già nua. Cụ bà cũng đang mang trọng bệnh.

Linh tiếp thêm củi vào than đỏ, ánh lửa chiếu lung linh tựa hồ làm hắt nổi trên mặt anh những nổi tê tái.

Về khuya gió càng buốt lạnh. Hàng thông ở sườn đồi reo lao xao. Bọn hành khất đã ngáy khò khè lẫn những tiếng rên thảm hại. Lửa vẫn nghi ngút cháy. Oanh mệt mỏi ngã nửa mình vào cánh tay Linh, ngủ thiếp. Thảo đã hút đến điều thuốc lá khét lẹt cuối cùng mà trời đêm còn mù mịt. Linh đã quen sống với canh trường để viết. Anh tỉnh táo rút cuốn sổ tay, tỳ lên đầu gối ghi vội những vần thơ vừa chợt đến, đi vào màn chót của vở kịch dài. Thảo cũng thiu thiu, tựa đầu vào vách lạnh.

Chim xao xác trong ánh sáng. Linh ngâm lại bốn câu thơ cuối trên bản thảo. Oanh bừng mở mắt, vươn vai, rồi lại nhắm mắt ôm choàng lấy Linh, nũng nịu:

- Rét lắm mình ơi! Thực là một đêm quái gỡ.

Thảo vùng đứng dậy, vắn mình kêu răng rắc:

- Bây giờ tôi về trước kéo cụ nghi. Chắc cụ đang sửa soạn xuôi cho sớm. Lát nữa, còi báo động đã hết rồi, tôi sẽ cho cháu gọi về để ngủ bù lại một đêm chết dở.

Sương giá đã tan, trời hửng nắng. Ba đứa con của Thảo, lon ton chạy lên đèn, vừa chạy miệng vừa bắt chước còi báo tỉnh:

- Hai bác về rửa mặt. Mẹ cháu đã đun nước nóng. Sẵn cả cháo xôi, chờ hai bác về xơi.

Linh, Thảo cùng lũ trẻ về tới quán. Vợ Thảo nắm lấy tay Oanh, lắc đầu ái ngại:

- Đêm sao lại buốt lạnh khác thường. Mẹ con tôi nằm chăn ấm, nghĩ đến ba người chịu rét ngoài ấy, thành ra không ngủ được. Cụ ông cũng cứ dậy hút thuốc cả đêm, rồi ngồi chờ sáng. Cụ rửa mặt, uống nước xong là vác ô đi liền, không thể nào giữ được.

Oanh rơm nước mắt:

- Trăm đi đầu chỉ vì em hết. Cho nên em chỉ mong sinh đẻ cho xong, rồi thì sẽ liệu để cất gánh nặng cho anh Linh và các cụ, nhất là chị ấy...

Oanh tủi cực, quay đi nước nở. Linh lẳng lặng vục mặt vào chậu nước, rồi nhấp ngậm nước chè tươi nóng. Chưa bao giờ anh thấy nước chè tươi ngon đến thế. Một lát, anh khẽ hỏi vợ Thảo:

- Thây tôi nhẩn chị thế nào?

Vợ Thảo mỉm cười, lưỡng lự. Linh nghi ngại nói:

- Chị cứ nói thật cho tôi biết. Tôi đau khổ vì sự thật đã quen rồi.

Vợ Thảo lật chiếu giường lên, bảo:

- Đó, cụ để lại chiếc roi mây mà cụ gài vào trong ô mang từ nhà lên để vắn tội con trai cụ. Cũng may, nếu cụ gặp cả hai người thì chị Oanh khó mà tránh được nhục hình. Xem ra cụ hờn giận lắm. Ban nãy đội khăn mặc áo xong, cụ nghiêm nghị dặn: “Gửi hai bác cái roi này, hễ chúng nó về thì nhớ trao cho chúng nó.” Thế rồi cụ xuống thẳng dưới đường, không nói năng gì nữa.

Linh cầm chiếc roi lên ngắm nghía, rồi quay lại Thảo:

- Anh còn nhớ chứ? Hồi chúng mình học chữ Hán, đã mấy lần ném roi này. Hồi ấy, tôi bị đánh mà không thấy đau lắm. Bây giờ roi không đánh vào thể xác mà lòng đau buốt gấp nghìn lần - Dứt lời, anh cuộn tròn chiếc roi, bỏ vào ba lô bản thảo, gượng cười - Cất kỹ roi để nhớ nỗi đau. Biết đâu mình sẽ khá nhờ lá bùa hộ mệnh này.

Rồi anh cười băng khuâng. Oanh khó chịu đưa mắt lườm. Anh ngoảnh đi, ra quán đứng. Gió sớm nổi từng cơn, làm bồng mái tóc. Anh nhìn con đường xuôi về nẻo cầu Đống, nghĩ đến cha già lúc này đương mệt mỏi tiến ngược lên chiều gió lộng.

Cô đã đứng bên anh từ lúc nào. Anh quay lại:

- Gió mát ghê, cay cả mắt.

Dưới đường, tiếng người gồng gánh đi họp chợ sớm cười nói lao xao. Những gánh cà chua chín đỏ lẫn với những thúng bắp cải, su hào xanh mát. Linh nói vẫn vợ:

- Đường vui quá nhỉ!

Cô cau mặt:

- Đường nào chẳng vui, khi người ta sắp trở về với vợ hiền, con thảo. Tôi cũng sắp tìm con đường vui khác đây ông ạ. Cần báo cho ông biết trước.

Anh chỉ mỉm cười.

III

Oanh đã đẻ. Như ý cả hai người mong muốn, cô con gái đã ra đời. Cô thường bảo: “Em sẽ tìm trong đôi mắt con gái chúng ta hình bóng những ngày đầu của tình yêu. Tình yêu chỉ có những ngày đầu là đáng kể, còn thì...”. Và Linh đã xen vào: “Ừ, mình nói phải. Đứa con đầu lòng anh chỉ thích con gái. Chúng mình sẽ soi vào đôi mắt trong trẻo đen lánh của con. Nó sẽ nhiều tình cảm, nó sẽ dịu dàng như mẹ nó, tuy thực ra thì mẹ nó cũng không lấy gì làm dịu dàng cho lắm. Chứ để con trai thật là vô vị. Bé sẽ nghịch lắm cả nhà, không cho anh viết. Lớn lên thì làm giặc, đập cả bút nghiên của bố”. Oanh cười: “Trai thời loạn phải thế. Cứ như bố thì chỉ hại áo cơm của vợ.”

Ấy thế, đôi vợ chồng non già nhân ngãi ấy đã thì thầm bàn tán nhiều về đứa con trong bụng. Họ mong ngóng, sốt ruột mãi chưa có em bé ẵm. Mặc dầu, sự thực, Oanh đã có con gái lớn chừng tám tuổi vứt bỏ ở quê. Còn Linh thì cũng cứ làm ra thèm khát một cách ngây thơ thành thực, cô con gái xinh đẹp như anh tả trong thi phẩm để cả ngày hôn, ẵm, mặc dầu sự thực, ở cái bến Hồ ngút lửa kia, ba đứa trẻ trai gái một đàn đang đói cơm rách áo, chui bờ rúc bụi, neho nhóc vì không bố.

Cô gái hoa mộng, kết quả của mối duyên giai nhân tài tử đã ra đời sau một cơn kêu la dữ dội của người mẹ gầy còm, tại một ngôi nhà nát tạm dùng làm nhà hộ sinh miền Yên Thế. Vợ Thảo đã đóng cửa hàng, tay ôm thúng áo quần, tã lót, tay dìu Oanh nhón lên bước một trên con đường ba cây số đắp ụ và xẻ rãnh để tới nhà hộ sinh. Lúc đó trời sẩm tối, gió se lạnh, trăng thượng tuần treo như nửa vành gương vỡ khuất trong sương.

Linh, Thảo bị vờn lên phủ, chưa về kịp. Bởi vì, cả hai cùng say rượu sau khi rời quán nhậu. Nửa đêm, về tới nhà, được tin Oanh sinh con gái, Linh trợn mắt gieo mình xuống chõng, thở dài một tiếng, như là mọi khi nghe vợ anh lại vừa sản xuất thêm một đứa con nữa ở bến Hồ.

Linh có cảm tưởng đứng trước một bài tính vô cùng khó khăn. Giải quyết làm sao? Lấy gì nuôi đứa trẻ khi không có một đồng bạc rách. Ném nó cho ai, trong khi cả cái vòm trời đất tối tăm địa ngục này có lẽ chẳng còn nhà đạo đức nào dám nghĩ tới việc lập một cô nhi viện. Mọi người cùng lang thang tay bế tay bồng, coi cái việc chữa đẻ là tai họa, ngay cả những người trước kia hằng năm vẫn vào chùa Hương cầu tự, xoa bụng Phật.

- Khổ lắm, Thảo ôi!

Linh kêu to một tiếng, ôm mặt gục xuống chõng bản thảo. Anh nghĩ đến số kiếp của đàn con anh đang xanh xao nhem nhuốc núp sau lưng ông bà nội chúng ở cái làng xơ xác nọ bên sông. Anh nghĩ đến số kiếp đứa con đỏ hỏn trên cánh tay gầy guộc của Oanh ẩn trong gian đình tối ẩm, đầy chuột bọ hứng mưa đón gió giữa cánh đồng, bao quanh những rừng cùng núi. Chao ôi, đứa trẻ tội tình kia, rồi đây chắc chắn sẽ gây cho anh bao nhiêu điều phiền não.

Anh thở rộ. Một ý nghĩ tàn nhẫn vụt hiện trong đầu: “Giá nó chết đi! Ừ, nếu không có giọt máu ấy thì cũng không sao cả, lại càng nhẹ nợ. Mình với Oanh, còn gần nhau được ngày nào, lại tênh tênh dắt nhau đi xuôi ngược đông đảo, kiếm ăn ngoài thiên hạ. Vợ chồng Thảo xử quá hậu với mình, trước kia ở tỉnh phong lưu cũng như bây giờ lưu lạc ra đây nghèo túng. Mình đã không biết lấy gì đáp tạ, lại còn gieo vạ thêm đứa con đỏ nữa, thực là vô lý.” Anh vùng dậy, ra phía sau nhà, leo lên giữa đỉnh đồi, trông về phía Oanh nằm để ở mé rừng thông lơ mờ in bóng dưới sương trắng, khẽ thốt :

- Vô lý quá! Trời ôi, sao lại còn thêm một chương ngại vật này cho thêm khổ. Giá nó chết đi! Giá nó chết đi!

Linh chớp mắt. Trong đêm tối, mặt anh hằn nét dữ tợn như một kẻ sắp giết người. Quyết định, anh bước xuống đồi. Anh bước rất nhanh, vội vã, sợ rằng ý nghĩ ghê gớm ấy nguội mất chẳng. Bỗng anh vấp ngã. Anh cúi mình, vùng trở dậy, gỡ sợi dây leo quấn chặt giày.

Xuống dưới đường, ngang qua bờ ruộng, sợ Thảo trông thấy gọi về, hay đi theo “thăm mặt cháu” anh sẽ không thể thi hành độc kế.

Hai tay nắm chặt, anh đâm đầu chạy chứ không còn là bước nữa. Mấy lần suýt lao mình xuống hố xẻ hình thước thợ sâu đầy nước. Chạy lên hết chặng đường ngược dốc, anh hoa mắt ù tai, ôm ngực thở, đầu gối rã rời, lao đao bước, tưởng chừng không còn sức. Anh đứng lại, ngửi xẹp xuống bãi cỏ may bên đường, le lói phía sau ánh lửa của túp lều ai mới dựng, mái rạ sẫm vàng trong bóng tối.

Mắt anh mở trừng trừng, nhận ra một bóng người đang đi tới, tiếng guốc khua lách cách trên mặt đường đá rún, vọng vào tịch mịch trời đêm.

Anh hôn hên:

- Ai?... Chị Thảo đấy phải không?

Vợ Thảo thở phào một tiếng:

- Anh làm tôi giật nảy mình. Sao lại ng ỡ đây thế?

Linh đứng lên, phải đứng qu ần. Vợ Thảo nhanh nhẩu nói:

- Cô Ki ều lớn lên sẽ thành hoa hậu. Trông hay quá mất thôi. Nhờ trời sinh voi sinh cỏ, chị ấy sinh cháu cũng dễ dàng mau chóng. Thực tình tôi đã sợ... lỡ ra gặp khó khăn thì ở đây, đành khoanh tay chịu. Anh vào mà ắm một tí. Chị ấy đang mong ngóng. Tôi về sửa soạn đem các thứ vào nấu nướng chị ăn lấy sữa cho cháu bú!

Vợ Thảo bước vội xuống con đường dốc g ồ ghề. Tiếng guốc đã mất ở phía xa, Linh còn đứng trơ trơ, bắn khoăn, ngơ ngác với ý nghĩ hung bạo dường như đã dật d ần trong óc.

Anh lúi lúi bước đi. Lát sau anh rẽ vào ngôi đình nát. Ông lão trước kia làm thủ từ đình bây giờ được người ta cho ở đấy trông coi mấy gian giải vũ, bên tả dùng tạm làm trường học và mấy gian bên hữu dùng làm nhà hộ sinh. Ông lão đang quét lá đánh gọn vào một đồng ở góc tường, cạnh đó có pho tượng gãy, đầu gục vào con chó đá lúc nào cũng ngóc mõm sủa trời. Thấy Linh, ông ta dừng chỗi hỏi:

- Ông đến thăm bà ấy vừa mới đẻ phải không?

Linh chưa kịp đáp, lão đã trở vào cánh phen, vọng ra tiếng hài nhi o oe khóc.

- Bà nhà ta mau mắn, sinh chóng quá. Cô đỡ ở trên phủ chưa kịp đến thì bà đã đòi lên bàn đẽ, tôi đành phải làm thay cô đỡ vậy. Nhờ trời, không khó khăn gì cả, mẹ tròn con vuông ông ạ. Ông vào xem mặt cô gái quý...

Lão hé cánh liếp để Linh vào. Một mùi hôi tanh nồng nặc khiến anh choáng váng. Anh đưa mắt nhìn trong ánh sáng lò mờ giữa đêm. Gian phòng có ba chiếc giường con, Oanh đang nằm thiêm thiếp ở chiếc giường phía trong cùng, đưa trẻ bọc kín mình bằng chiếc sơ mi cũ phá ra làm khăn lót, nằm bên cạnh mẹ.

Anh thấy lòng đau xót, cúi xuống hôn vào trán Oanh. Cô hé mắt, nhìn anh, khẽ đặt bàn tay lên mép chặn dạ mỏng cho anh nắm. Giọng cô yếu ớt:

- Ngoài đường lạnh lắm hả mình? Trời tối, mình vội vã đến đây với em, chắc là mệt lắm? Đã ăn uống gì chưa?...

Cô giơ tay lên vuốt tóc, xoa má anh nghẹn ngào nước mắt:

- Anh ơi!...

Cô cắn chặt môi nén tiếng nức, nhắm nghiền mắt lại. Da mặt cô xanh xao một cách khác thường. Anh cúi người, thương cảm:

- Mình cứ nằm tĩnh dưỡng vài ngày. Anh sẽ tìm cách xin việc làm để lấy tiền giúp đỡ anh chị Thảo. Mình cứ yên tâm tạm ở với anh chị ấy, nuôi con cho nó cứng cáp lên rồi sẽ liệu sau. Biết thế nào mà lo trước. Đừng khóc nữa. Đàn bà khi sinh nở không nên khóc lóc, nghĩ ngợi nhiều. Chỉ cần nhớ một điếu là lúc nào anh cũng yêu mình, yêu con.

Cô mở mắt, mỉm nụ cười nhợt nhạt, nắm chặt tay anh:

- Em trông cậy ở anh. Anh nhìn xem con có giống bố tí nào không?

Linh bật que diêm, nhìn qua hài nhi đỏ hồng.

- Giống lắm, và xinh lắm. Giống mẹ nhiều hơn bố... để rồi lại hồng nhan bạc mệnh...

Oanh không bằng lòng, gắt khế:

- Anh! Đừng nói gở. Con còn trứng nước.

Linh cười gượng:

- Chỉ có gái hồng nhan mới được lưu truyền hậu thế. Không hồng nhan thì Tây Thi vẫn chỉ là cô gái quê giặt lụa, cô Kiều chỉ an phận làm máy để cho anh học trò nghèo, và cô Oanh không hồng nhan thì cũng đã là cô hàng tạp hóa hay giỏi lắm là bà phán bà tham, chứ biết thơ văn kịch cớm là gì nữa.

Cô nắm tay anh:

- Chỉ vì thơ văn kịch cớm mà em mới biết mùi năm đình năm điểm thế này. Thật là vinh dự lớn. Bây giờ anh đặt tên con đi, để rồi mai lên Phủ khai sinh cho con chứ.

Linh chẳng nghĩ ngợi gì, chặc lưỡi:

- Thì gọi ngay là Kiều Hoa.

Cô lẩm bẩm:

- Kì ầu Hoa! Cũng được. Nhân tiện nhớ đến nhan đề một tác phẩm mình ưng nhất. Nhưng hi ền nổi Kì ầu Hoa trong kịch là một gái điên dại vì nước vì nhà, vì tình nũa. Em ngại rằng con ta...

- Em vẽ, kiêng khem cho phi ền phức. Điên được như Kì ầu Hoa thì bao nhiêu con gái trong thiên hạ đầu là kỳ nữ hết. Chẳng hạn như bây giờ chúng mình chẳng điên dại là gì. Không điên dại, sao có thể sinh ra giọt máu này! Không điên dại thì ta mỗi người ở một phương đã từ lâu...

Có tiếng động ngoài cánh liếp, và tiếng guốc giẫm thềm rêu. Vợ Thảo đã cùng một đứa gái gánh cả n ữ niêu, củi gạo, chăn chiếu đến.

Oanh kêu thẳng thốt:

- Trời ơi, chị... chị khó nhọc vì em. Em biết lấy gì tạ lại công ơn của chị.

Linh đỡ cây đèn dầu ở tay vợ Thảo, anh cảm động vô cùng.

- Đêm tối rét mướt thế này, chị còn lặn lội. Chị nghĩ đến chúng tôi nhieu quá.

Vợ Thảo tươi cười:

- Có gì mà ơn huệ, có gì mà vất vả. Tôi vẫn thường bảo chị Oanh là bọn đàn bà chúng tôi có trải qua cái nợ mang nặng đẻ đau mới càng biết thương nhau. Không loạn lạc, vì tất chị em mình đã được giúp đỡ, phi ền lụy nhau thế này.

Vừa nói vợ Thảo vừa tháo chăn bông đắp lên mình Oanh và cười bảo:

- Chăn ấm, bà chớ ngủ say gác bẹp cả con gái quý nhá!

Rồi cô cùng đưa gái đặt lên chiếc khay con niêu nước mắm chưng, bát thịt rim, trứng luộc, và liễn cơm ủ nóng.

- Nào, chị ăn đi cho lại sức. Còn cháu bé thì tôi đã sắc nước cam thảo pha đường phèn đổ vào chai vú cao su đây rồi. Con bé này tôi cho nó ở liền đây trông nom, thổi nấu. Mọi việc, tôi đã dặn kỹ nó rồi. Nó sạch sẽ, tỉnh ngủ, chị có thể tin cậy được.

Oanh rớm nước mắt:

- Chị thương em, em tin tưởng rằng tình mẹ con cũng chưa được thế này.

Cô chạnh niền sâu tủi khóc nức lên. Vợ Thảo ngồi bên, cầm tay cô an ủi:

- Khóc mãi rồi toét mắt, lông quặm đấy. Ông ấy chê cho thì đại dột. Có phải không anh? Đàn ông các ông bạc bẽo thì không ai theo kịp. Cứ suy ông Thảo nhà tôi thì đủ rõ. Mỗi lần tôi có mang là y như ông ấy thờ dài sườn sượt. Đến ngày nằm cữ thì ông ấy xách va li đi chơi xa hàng tháng. Chờ cho con gấm gỏi rồi mới bò về nhìn mặt. Ông ấy bảo sợ đàn bà đẻ, sợ mùi hộ sinh, không thích trẻ con đỏ hỏn, nhất là đi khai sinh cho con ngoài đóc lý.

Oanh lau nước mắt:

- Các ông ấy thực giống nhau. Anh Linh cũng vậy, anh ấy rất buồn phiền từ khi em thai nghén, em biết lắm...

Vợ Thảo đã xới cơm ra bát, rồi đỡ cô ngồi dậy:

- Để xong nằm thẳng nửa ngày thế là đủ lắm rồi, miễn đừng cự mạnh. Chị xơi hết liền cơm này, mai tha hồ tốt sữa.

Bống bà lão quét dọn nhà hộ sinh, tức là mụ đỡ thường thay cô đỡ trẻ tuổi tân thời tuy ăn lương mà ít khi đến đỡ đẻ vì còn bận công tác riêng trên phủ bộ, bà lão rón rén bước vào, xoa tay chào Linh, chào vợ Thảo, rồi kể công cất rốn, tắm rửa sạch sẽ cho đứa trẻ. Linh hiểu thầm mụ muốn vò ti tiền, và cũng nghĩ rằng bốn phận mình cần biếu mụ, nhưng anh sờ các túi, không có một đồng nào hết. Vợ Thảo biết ý Linh, liếc móc túi lấy ra hai chục đưa mụ đỡ:

- Ban chiều tôi đã biếu cụ rồi, bây giờ ông Linh đây lại thưởng riêng cụ số tiền này nữa để cụ mua trà cau, diêm thuốc.

Đêm ấy, vợ Thảo đã ngủ chịu rét chờ trời sáng bên mẹ con Oanh, như đêm nọ Thảo đã cùng Oanh và Linh chia cái khổ thức thâu canh sương gió ở ngôi đền hoang, chia cơm với bọn người hành khất.

IV

Oanh đã khỏe mạnh, ẵm Kiều Hoa về quán đĩ thông, ở cùng gia đình Thảo. Đứa bé phồng phao, bụ bẫm, ngủ ngoan hiên trong tiếng hát ru buồn rười của Oanh.

Thảo và Linh ít có mặt ở nhà. Linh không lưu ý gì đến sự sinh hoạt và lưu động của đoàn kịch Bông Lau nữa. Anh chỉ rủ Thảo đi tìm các cơ quan báo chí để xin viết kiếm tiền. Một vài tờ báo đã đăng thơ của Linh, tiểu thuyết của Thảo, nhưng chỗ trả được ít nhiều, chỗ xin ủng hộ. Rốt cuộc, mòn giày rách áo, mà đôi bạn hàn sĩ ấy vẫn chẳng được món tiền nào về

đỡ vợ. Hai người lại rủ nhau về quán nằm nghe mưa gió, nghe con khóc, chán nản, rồi lại rủ nhau đi.

Thấm thoát Kiều Hoa đã biết bò, càng lớn càng kháu khỉnh. Oanh tìm nguồn an ủi ở Kiều Hoa, tạm nguôi nỗi sầu mẹ con lạc lõng nơi đất khách. Linh cũng tạm nguôi gia cảnh bên Hồ, những ngày không đi lưu đày vật lại ở nhà bế ẵm Kiều Hoa, và viết kịch. Bản thảo ngày một dày, chất kín nửa phần chiếc ba lô bụi rách.

Vợ Thảo vẫn hết lòng nuôi bạn không hề than thở về sự hết tiền, hàng ế, cả một nhà mười miệng ăn trông cả vào bát nước, liền chè.

Đoàn kịch Bông Lau lại vòng về diễn ở làng Lệ Mật. Lũ trẻ cấp báo tin cho bố, sau khi đọc cáo bạch ở chợ Cao. Linh thờ ơ nói:

- Các anh ấy vẫn chơi vở của tôi, thế mà không cần biết tác giả có còn ưng thuận để các anh ấy diễn. Ấy là chưa muốn nói rằng kẻ cạm cui viết những kịch phẩm kia hiện đang sống ở cảnh tình bi đát. Nhưng thôi, mình chẳng cần lên tiếng làm gì. Bọn nghệ sĩ vốn bừa bãi và ích kỷ, mặc dầu họ vẫn chửi các nhà xuất bản là muối đói lạm dụng văn phẩm họ... - Anh cười chua chát, nói tiếp - Tôi biết rằng các anh ấy đã có vốn liếng dồi dào, nghĩa là có hết vở của tôi đủ diễn quanh năm các chốn. Oanh chữa đẻ, các anh ấy dẫn ra, đồng thời dẫn chính cả tôi, vì xét rằng tôi không còn ích lợi gì cho họ nữa. Họ tưởng có mười vở của tôi đã quá đủ rồi. Họ tưởng tài năng của họ đã xuất sắc lắm rồi. Mai anh tới nơi họ diễn sẽ thấy một vài cô do thượng cấp gửi về thay Oanh. Họ luyện cho các cô ấy chơi giống Oanh như hệt, và anh sẽ thấy có người ngâm thơ cũng giống tôi, có phần hay hơn nữa, theo lời tuyên truyền của họ. Cho nên anh đừng ngạc nhiên khi thấy đồn ở Chợ Cồn, Đống Năm, Đống Quan, các gánh hát cải lương thường có chuyện xung đột, kèn cựa nhau vì đào kép.

Hôm sau, tại một ngôi chùa, đoàn nghệ sĩ phiêu lưu ấy công diễn vở “*Trông về quan ải*” của Linh. Thiên hạ vốn mộ tài của kịch sĩ này, rủ nhau lên chùa như ngày hội thượng nguyên thời chưa loạn.

Quán nhà Thảo cách chùa Thông ngót bốn cây số, nên nhờ buổi diễn kịch cũng thêm đông khách. Trai gái hàng tỉnh tản cư lâu ngày mới có dịp giải sầu đất khách, đi coi hát chật đường đất núi, như ngày đình chiến người ta lượn lờ ở quanh Hồ Hoàn Kiếm, Hà Nội.

- Đoàn Bông Lau có tài tử Hoàng Linh ngâm thơ thì phải biết, không thể nào chê được.

Một cô tóc uốn, đội ca lô, áo cánh trắng viền đăng ten, quần đen, tay lồng vòng ngọc thạch làm ra sành sỏi:

- Tôi đã xem Hoàng Linh đóng trong *Lệ Chi Viên* ở Nhà hát Lớn, đẹp trai hơn Lê Thánh Tôn đời xưa ấy.

Cô khác giầu:

- Mà trông thấy Lê Thánh Tôn rồi à, nếu vậy kiếp trước mày là Thị Lộ. Thị Lộ cho cụ Nguyễn Trãi mọc sừng. Mày sẽ ế chồng, vì không ai dám lấy con rắn ba đời báo oán.

- Eo ôi, loài xà tinh hiện ban ngày, chúng bay ôi!

Các cô cùng các cậu kêu rú cả lên, vừa xô đẩy cô nàng tóc uốn. Tiếng rú đùa nghịch ấy làm cho bé Kiều Hoa đang ngủ giật nảy mình khóc thét trong tay Oanh nằm ở trong giường. Cạnh Oanh, Linh đang ngủ ã viết.

Hai người nhìn nhau, khó chịu. Oanh vỗ ru con ngủ. Vợ Thảo ngoảnh vào hỏi to, cốt cho bọn trai gái kia nghe thấy:

- Cháu bé giật mình khóc đấy à, chị Oanh? Chị ôm chặt cháu vào lòng, kéo trẻ con mà giật mình như vậy là hại lắm.

- Thừa chị vâng, cháu còn bé quá, chưa quen tiếng động.

Vợ Thảo mỉm cười:

- Phải ngỗ nghịch, bạo dạn, ăn to nói lớn thì mới phải là gái thời loạn chứ!

Vợ Thảo nói vậy, tưởng các cô nữ binh kia hiểu ý, nhưng họ vẫn cười đùa ân ái, rồi lại quay về câu chuyện kịch.

- Mà thích Hoàng Linh ngâm thơ mặc kệ mà, chúng tao thì cho là đồ cổ. Mà ảnh thì Cá Gáp, Te Lo, còn sân khấu thì phải là vọng cổ Kim Chung, Huỳnh Thái.

- Đồng ý với con ranh. Chúng mình phải xin với các anh ấy cho công tác miền Đông Nam xem Huỳnh Thái và uống cà phê các quán Thủ đô cho hả dạ. Chứ sống mãi miền núi đất mọi rợ này ngấy lắm rồi.

- Hãy nghe tạm Hoàng Linh ngâm thơ đêm nay đã. Vợ anh chàng Hoàng Linh là Kim Oanh ngâm thơ và đóng trò cũng tuyệt. Nghe đâu là vợ chồng thì phải.

- Vợ chồng quái quỷ gì. Tao mà định chài thằng cha ấy thì dễ như chơi.

- Thôi xin cô, để cho vợ chồng người ta yên ổn. Thấy nói Kim Oanh to bụng với anh chàng ấy, chả biết tối nay có còn ra sân khấu nữa không.

Câu chuyện ồn ào về sân khấu của mấy cô gái mũ ca lô, lưng đeo súng khiến Linh từ nãy chau mày bỏ bút. Còn Oanh thì vẫn bình thản nhắm mắt, sát má vào má con vờ như ngủ không lưu ý gì đến câu chuyện bên ngoài đang vô tình bàn tán về mình.

Từ ngày có Kiều Hoa, Oanh không còn tính gắt gỏng, chanh chua, day dứt như trước nữa. Cô nghĩ tới con. Cô chỉ còn cái vui bám víu vào con. Ánh đèn sân khấu tắt lạng trong tâm tưởng, không còn làm cho cô nhớ tiếc một bóng hình. Tình cảm của cô lúc này chỉ có thể gửi vào con, vào Linh, vào vợ chồng Thảo và đàn con Thảo. Nếu còn nước mắt, cô chỉ khóc những đêm tàn ru Kiều Hoa mà chạnh niềm thương nhớ mẹ già và đưa con lạc lõng phương xa, giọt máu còn sót lại của mối tình duyên ngang trái đã chết rồi. Thực ra vợ Thảo đã cảm hóa cô bằng cách cư xử có lễ độ với chồng, hòa nhã với con, rộng rãi với các bạn văn đã được chồng trọng đãi vì tài vì đức. Luôn luôn cô tự nhủ phải rèn luyện đức hạnh như vợ Thảo. Nửa kiếp người, cô đã cậy tài kiêu sắc mà tự đưa thân vào cầu đoạn trường, mệnh bạc, ong chiu bướm sớm, khiến cô tủi thẹn mỗi lần ôn chuyện cũ, hoặc nghe ai nhắc tới chút tài hoa là cô đã rùng mình.

Các cô gái tỉnh đã ăn uống no nê và thôi bàn chuyện kịch, đeo túi dết xuống đường tới chùa Thông xem kịch mà họ tưởng còn có Oanh, Linh diễn.

Linh đứng dậy, ra ngoài quán nhìn thiên hạ đi xem kịch, rồi ngoảnh lại chợt nghe con khóc đói, tiếng Oanh ời ọ ỉ con ở trong buồng, lòng anh đau như cắt. Anh thở dài vụt nghĩ đến thiên truyện ngắn “Đời tư Lã Bô” Thảo viết đã lâu, tả cuộc đời anh kép riều làm trò cho thiên hạ giữa lúc bỏ ở nhà tắt thở vì không tiền, không gạo.

“Mình cũng vậy, có hơn gì anh kếp ấy”. Anh chưa xót nghe những tiếng nói cười, những bước chân rộn rã khua bụi đường.

Chợt một người đi xe đạp đến, thấy Linh, người đó vội kêu lên:

- Cậu ôi, tôi đạp suýt chết từ sáng sớm, hai lần xe nổ lốp mới tới được đây.

Anh giật mình, nhận ra người đầy tớ cũ của nhà. Linh bàng hoàng hỏi vội:

- Có tin dữ phải không? Nói mau đi!

Người đầy tớ ng ẫ xuống ghế, nhìn vợ Thảo, nhìn vào bên trong, hồn hên đáp:

- Cụ bà hấp hối từ đêm qua. Tôi chắc sớm nay cụ khó mà chờ cậu thêm được nữa.

Anh đứng lặng người, nước mắt ứa rơi xuống má. “Thảm chưa, cơ sự đến thế này à? Tại mình, chắc chắn tại mình...”. Anh đưa mắt nhìn vào giường trong, đoán rằng Oanh đã biết và đang khóc vì cuộc chia ly mà lâu r ẫ Oanh đoán thế nào cũng đến. Anh thảng thốt ng ẫ xuống ghế, tỳ khuỷu tay lên thành chõng ôm lấy mặt. Tên người nhà bưng bát nước chè tươi vợ Thảo mời, r ẫ nói tiếp:

- Cụ ông nhất định không cho con đi gọi cậu. Nhưng mợ cả phải van lạy mãi, cụ mới cho phép con lên đây. Mợ dặn cậu v ề ngay, may ra còn kịp. Cụ bà uống mấy thìa sâm vẫn thoi thóp thở. Mợ cả thuê người hàng xóm chiếc xe đạp này, bảo để cậu v ề cho nhanh, con đi chân v ề sau vậy.

Tai Linh ù hần, không còn nghe gì nữa. Thảo vừa đi dạy học về- người ta mới cho anh công tác ấy - thấy vậy, vội đỡ anh vào nhà trong. Anh đứng sững trước mặt Oanh. Không như anh tưởng, cô vẫn ng ẩ yên lặng ẵm con, mắt không ướt lệ, nhìn trân trân ra ngoài cửa sổ phơ phất mấy cành lau khô.

Một lát, cô bu Ồn bã nói:

- Cụ bà thất lộc, anh nên về ngay kéo gia đình mong đợi. Em xấu số, tiếc không được ẵm con theo anh, về khóc mẹ chịu tang - r ẫ cô không thể nén, nước lên - Nhưng dù chẳng được góp phận dâu con, em cũng xin bà nắm khăn trắng. Anh cứ yên lòng về cư tang ít tháng, em xin nguyện hàng ngày ra đình đ ẫ hướng về phương ấy thắp hương cầu vong h Ồn mẹ tha thứ cho em. Anh Linh ơi, trăm sự dở dang, chỉ vì số kiếp em tất cả...

Anh cắn chặt môi, trong khi vợ Thảo đỡ Ki Ồu Hoa ở tay Oanh, ẵm ra sau nhà đứng sệt sùi. Người đ ầy tớ đứng sau anh, khẽ giục:

- Tôi lạy cậu, câu lên xe đạp xuôi ngay, kéo ở nhà đang bồi rồi. Mọi cả và các em khóc than nheo nhóc lắm cậu ơi...

Thảo c ầm tay Linh thương cảm:

- Anh nên can đảm, đừng bịn rịn làm gì nữa. Anh phải về chịu tang cụ bà ngay đi cho gia đình đỡ thảm. Ở trường hợp này, anh không thể mềm yếu thế. Chị và cháu ở đây đã có chúng tôi săn sóc. Anh phải về, phải nghe vợ ch Ồng tôi, nếu anh còn coi chúng tôi là bạn.

Vợ Thảo lau nước mắt, vội buộc vàng hương vào sau xe đạp:

- Gọi là có nén hương thơm xin gửi anh thay mặt chị Oanh, chúng tôi và các cháu thấp trước linh cữu cụ.

Rồi không quên đưa Linh mấy chục bạc:

- Anh cần chút ít để phòng dọc đường uống nước, chữa xe. Vài tháng gia đình đã nguôi rồi, anh lại lên với Kiều Hoa. Anh cứ yên trí rằng mọi sự ở đây sẽ không có gì thay đổi, và những người thân yêu của anh lúc nào cũng trung thành đón đợi...

Oanh đứng dậy, nén cơn thổn thức, xếp mấy manh quần áo cũ bỏ vào ba lô, tự đeo lên lưng người yêu, dắt anh ra bậc gạch trước quán, nhìn vào mắt anh, siết chặt tay anh:

- Anh về, anh về... em xin nguyện cả một đời em vẫn là của anh, của con anh...

Anh cúi hôn Kiều Hoa, nhỏ nước mắt xuống làn má mịn hồng của con, rồi dắt xe đạp xuống đường.

Trên thềm quán, vợ chồng Thảo và Oanh im lặng giờ tay vẫy. Anh lao đao cố đạp, cố đạp lên con đường dốc rồi băng băng vút xuống đoạn đường lòng vòng khuất sau đồi.

V

Hai tháng sau, Linh vội vã tìm lên chốn cũ. Anh đã kinh hoàng vì quán gió, người yêu có còn đâu. Này đây vách đất tả tơi, mái gianh đen cháy, cây đa cổ thụ dưới thềm cũng bị gãy rời cả cành lá.

Linh còn đang ngơ ngác, bỗng người thợ cạo trước kia vẫn hàng ngày ngồi ở gốc đa, từ chân đống đi đến. Người thợ cạo nhìn anh bằng đôi mắt lơ đãng yếu, bác không thể nhận ra ngay vì hình dạng anh đổi thay nhiều: mình gầy, mắt trũng, râu ria tua tủa, nhưng rồi người thợ cạo bỗng kêu lên khi nhận rõ chiếc ba lô vá víu mà bác ta thường để ý.

- Ông Linh đấy ư? Ông về quê lên chậm quá...

Linh hồi hộp sợ:

- Sao lại thế này? Ông nói mau cho tôi biết.

Người thợ cạo chậm chạp đặt hòm và ghế xuống gốc đa, chậm rãi:

- Hôm ấy phiên chợ. Chợ bị bắn đạn lửa, rồi tàu bay lại liệng về đây bắn phá rất lâu. Cả nhà bà hàng nước đây bỏ được cả ra tăng xê dưới chân đống. Hàng quán, hòm xiềng bốc cháy ngun ngút. May không ai bị vùi trong lửa. Ghê gớm quá ông ơi! Gia đình bà hàng nước đã lệch thếch một đoàn tán lạc đi đâu cả, tôi cũng không còn nhìn vía mà hỏi nữa. Hôm ấy tôi cuống cả chân tay, cứ đành ôm chặt lấy gốc cây này chờ chết. Thế mà đạn đốt trụi nửa thân cây ở trên cao, tôi vẫn sống yên lành dưới gốc. Thực là phúc đức nhà tôi ông ạ.

Nói rồi, bác ta cúi nhặt ghế và hòm, lùi lùi rẽ ngang bờ ruộng, ngược lên bờ sông máng.

Ruột Linh như lửa cháy, cơ hồ đến điên cuồng. Nước mắt ứa ra, Linh rên trong cuống họng:

- Có ngờ đâu mới ít ngày xa cách mà mẹ con Oanh, vợ chồng con cái Thảo đã sây đàn tan ghé, bơ vơ, điêu đứng thế này.

Linh tê tái, ng ẫi bệt xuống đống đất cháy đen. Lúc đó, cụ từ già cồng lưng quảy hai vò nước ở dưới giếng nặng nhọc và rờ rẫm leo những bậc gạch lên đên. Linh bước theo, vái lạy:

- Cụ vẫn bình an.

Cụ từ vẫn cúi đầu lần đầu gậy, tay giữ dây quang cho khỏi sóng nước ra ngoài, run giọng đáp:

- Vâng, tôi nhờ trời phật may chưa chết.

Cụ đặt gánh xuống bậc thềm, thở phì phào r ẫi nhìn sững Linh, thốt nhận ra người quen cũ, vì anh vẫn thường đem giấy mực lên đên ng ẫi viết để tránh sự ồn ào trong quán Thảo.

- Ông... ông Linh đấy ư? Chao ôi, hôm nọ ông không ở đây mà nghe đạn. Hàng quán cháy cả r ẫi. Người thoát cả, đã b ằng bế nhau đi ráo cả, còn trơ lão ở xó đên heo hút tối tăm này.

Anh nắm cánh tay khô của ông già cô độc:

- Thừa cụ, gia đình ông bà Thảo dọn đi có lên nhờ cụ dặn dò gì cháu không?

Cụ Từ chép miệng:

- Ông Thảo có dặn tôi rằng nếu ông đến hỏi thì bảo gia đình ông ấy dọn sang làng Cước cách đây chừng hai mươi cây số ở bên kia sông Lãn. Ông cứ đến đấy tìm sẽ gặp.

Anh toan đứng dậy thì cụ già cô độc ấy lại thì thào:

- À quên, ông Linh ạ, cách nay chừng nửa tháng, có một người đàn bà ẵm con lên đây, đưa tôi một lá thư, dặn khi nào ông đến thì đưa hộ. Bà ấy không xưng danh tính, đưa biểu tôi mười đồng bạc, rồi ẵm con đi vội vã. Tôi nhớ mang máng như là đã lên đên này một hai lần với ông rồi thì phải.

Linh bối hối giục:

- Thư đâu, cụ đưa ngay cho cháu.

Cụ già ho sặc sặc:

- Tôi để trên đên, bỏ mãi trong túi áo chờ ông đến mà chẳng thấy, sợ nát ra, tôi phải cất vào sau bệ thờ.

Nói rồi, cụ toan cúi xuống lần đôn gánh. Anh nóng ruột:

- Cụ để cháu gánh kéo lập cập trợt chân thì vỡ cả.

Đoạn anh quảy đôi vò bước nhanh lên bậc dốc. Cụ già tay chống đầu gối, tay cầm gậy, bước từ từ. Anh kiên dai, muốn quăng cả đôi vò và bẻ thóc cái mình khô đét ấy chạy bay thẳng lên đên, tìm lá thư mà anh biết chắc của Oanh.

Cụ già lấy bầy sờ mó mãi mới moi được mảnh giấy cất kỹ sau bệ thờ. Linh giật lấy, mở ra, tay run như chiếc lá rung trong gió.

Anh Hoàng Linh,

Em thật chẳng ngờ còn sống sót để viết mấy dòng này gửi lại mình.

Tai nạn ghê gớm trên trời rơi xuống ngày hôm đó, tuy có làm mẹ con em run sợ nhưng em thực chẳng lấy làm mừng như tất cả những ai tránh

được cánh xương tan thịt nát bất ngờ. Em vẫn sống, Kiều Hoa chỉ nóng sốt vài ngày, lại ăn chơi như cũ, nhờ chị Thảo tận tình săn sóc thuốc thang.

Mẹ con em được anh chị Thảo càng ngày càng thương xót. Anh chị Thảo luôn nhắc nhở đến mình. Bom đạn nổ trên đầu em nhắm mắt chờ đợi chết, nhưng chỉ cầu trời tránh cho đứa con vô tội của chúng ta, tránh cho gia đình anh chị Thảo.

Em không được chết, có lẽ tội em vẫn còn nhiều. Em nghĩ không nên quấy phiền bạn mãi và cũng không muốn hy vọng thấy mặt anh. Em ốm con về chốn cũ tìm mẹ già, con bé bơ vơ. Anh hãy cầu nguyện cho Kiều Hoa, con mình được gặp mọi điều may mắn.

Xin vĩnh biệt mình.

Oanh

Linh buông thõng hai bàn tay, băng khuâng nhìn dải mây xám trên rừng thông xa, phảng phất hình người đàn bà đang xoắn tóc cúi xuống.

Cụ thủ từ lúi húi thấp hương trong ngôi đền, gõ mấy tiếng vào mảnh chuông đồng vỡ còn sót lại. Gió lạnh từ dưới đường đất cuồn cuộn dâng lên, anh chợt nhớ lại đêm nào thức tàn canh bên đồng lửa với Oanh, Thảo và bọn người hành khất trong ngôi đền này.

Thế mà bây giờ...

Anh chưa xót nghĩ đến gia đình Thảo, một bầy con lếch thếch kéo nhau đi tìm nơi trú ngụ như đoàn du mục tha hương, nghĩ đến mẹ con Oanh chi đâu nay không biết phiêu dạt phương nào.

Tiếng chim sẻ kêu bu ùn trên mái dền, vài cánh dơi chập choạng chao mình vào bóng lạnh. Anh mệt mỏi bước xuống đường, chưa biết sẽ dừng chân ngủ ở nơi nào đêm nay.

Mùa đông năm Nhâm Thìn (1952)

^[1] Cuốn Mưa thu, do NXB Trần Văn Huy xuất bản tại Hà Nội năm 1953 mà chúng tôi dựa vào để in lần này, đến đây bị xé rách và mất một đoạn dài. Mong được bạn đọc thông cảm và lượng thứ. Cũng vì đoạn văn đó mà về sau nhà văn Ngọc Giao phải chịu rất nhiều khổ lụy. Tôi đã nói rõ bối cảnh của sự việc này ở bài Cha tôi trong cuốn sách của nhiều tác giả, nhan đề Ngọc Giao - Một đời người, một đời văn, sắp xuất bản. (Nguyễn Tuấn Khanh)

CHÚ HAI HUẤN

Tôi sinh ra ở một mạn cửa sông rộng mờ mịt, vào những ngày xấu trời mà nhìn sang bên kia dù có căng mắt cũng chẳng thấy bến bờ. Thầy tôi bảo bờ bên kia đã là đất mấy huyện của Hải Phòng rồi. Cách nhà tôi không xa có một khu rừng và một rặng núi đá. Đạo ở ta chưa có phà chạy sông, cái thị trấn Quảng Yên heo hút buồn tênh này đã có một bến đò rồi. Quanh năm, chỉ thấy lèo tèo dăm con đò buông chèo, neo bến; dù những khi không có khách qua sông hay những buổi bến đông người thì vẫn chỉ ngần ấy con đò. Khách quá giang quen gọi bến ấy là bến đò Rừng. Dọc theo con đường lát đá gập ghềnh từ bến đò dẫn lên núi, nơi có những bức tường xây bằng đá học màu xanh xám và mấy cái lô cốt mốc đen, khách lạ chỉ nom thấy hai bên đường lèo tèo vài mươi ngôi nhà, cả mái ngói lẫn mái gianh, dân cư thưa thớt, lạnh hiên. Nhà tôi là một ngôi nhà cổ hai tầng nằm ngay sát chân núi, trước kia vợ chồng người Tây ở, rồi qua bao nhiêu gia đình khác, nay đến gia đình tôi. Đứng trên bao lan gác, có thể trông bao quát cả một dải cát vàng lượn nhấp nhô nơi triền sông. Đứng trong cửa sổ buồng thầy tôi, có thể nghe tiếng chim và tiếng ngàn thông lao xao trên sườn núi, ngắm nhìn những lớp mây sớm chiều bao phủ trên ngọn núi đá cây cỏ mọc um tùm.

Gia đình tôi thừa người, chỉ có năm mái đầu. Thầy tôi làm thư ký kế toán cho một sở mỏ than đá; sáng sớm đi làm tối mịt mới về, vì sở cách xa nhà những năm cây số. Thầy tôi quê phủ Thuận Thành, miền Kinh Bắc. Thầy quuyến luyến quê nhà lắm, cứ mỗi lần thấp nhang cúng tổ tiên trên bàn thờ xong, tôi thấy người lại vọng về hướng quê nhà mà lạy. Có lần tôi bắt gặp thầy từ dưới bến đò Rừng đi lên bờ sông dốc sau khi thăm quê cha đất tổ trở về. Thầy đứng lại hồi lâu nhìn sang bờ bên kia, như còn cố vọng

về nẻo cố hương Kinh Bắc xa vời vợi. Mẹ tôi là một người đàn bà xứ Huế, mới bắt đầu làm quen đất Bắc, ít cười ít nói, lúc nào cũng như thần thờ tiếc nhớ một cái gì xa xôi. Mẹ lấy việc chần tằm, hái dâu, may vá làm khuây khỏa, đó là một người đàn bà hiền đức được thầy quý mến vô cùng. Tôi thì đang học lớp ba ở một trường công. Chị tôi giúp mẹ việc hái lá dâu, bếp núc. Người đầy tớ già tên Bồng. Lão chuyên việc đẩy cỏ khu vườn sắn, chăm nom đàn gà và mấy con dê sữa. Bảo việc chăm nom đàn gà và mấy con dê sữa là việc của lão Bồng, nhưng thực ra tôi cứ hay lanh chanh giữ việc ấy để tỏ với thầy mẹ rằng tôi cũng hay làm, được việc lắm đây, chứ có “dài lưng tốn vải” như mẹ tôi vẫn mắng yêu đâu. Đàn gà dễ thương quá đi mất. Đàn gà con mới nở, tròn và trắng như những nắm bông, cung cúc xúm quanh đuôi mẹ rúc trong vườn sắn, kêu chiêm chiêm đến vui tai. Ba con dê sữa lúc nào bầu vú cũng căng, cứ thấy tôi cắp sách về là be be rồi rít đòi tôi đưa lên núi, vì cỏ trên núi mát và thơm ngon hơn cỏ vườn nhà. Mọi sớm, trời chưa sáng tỏ, dê đã quen nếp kêu ở chuồng để đánh thức lão Bồng. Lão lom khom xách cây đèn gió qua sân. Ngọn lửa đỏ quạch nơi tay lão chao đi chao lại, chập chờn trong bóng tối. Giờ ấy, quen lệ, tôi cũng đã dậy thắp cây đèn dầu hoa kỳ học bài rồi. Tôi lò dò ra sân, theo lão Bồng vào chuồng dê vắt sữa. Sữa vừa vắt ra còn nóng hổi, lão lọc cẩn thận, pha đường quấy cho tôi uống ngay lúc đó. Tôi vốn khỏe mạnh, nhưng lão cứ hay ép tôi uống tằm bổ hoài. Giữa người đầy tớ già trung nghĩa ấy với tôi có một tình yêu thương mà sau này lớn lên, lúc nào tôi cũng nghĩ đến.

Câu chuyện những ngày xưa, bấm đốt ngón tay đã ngoài hai mươi năm rồi, bây giờ cần bút kể cùng các bạn nhỏ thân mến của tôi, tôi thực thấy lòng nao nao như thương, như nhớ một điếu gì quý giá lắm của một thời ấu thơ.

I

Mùa đông. Mùa đông ở đây có tiếng gió núi, tiếng thông reo, cả tiếng sóng cuộn cuộn nơi cửa sông rộng lớn đổ ra biển Đông ì ầm suốt đêm ngày.

Buổi tối ấy, mẹ và chị tôi đang bận việc làm cơm. Tôi đang làm bài. Thầy tôi mới ở sở về đang ngồi bên cạnh火炉 than đỏ rực sưởi tay và sắp nướng sò huyết uống rượu thì chợt lão Bồng bước vào báo tin có một ông khách lạ đến nhà. Thầy đứng ngay dậy, cầm cây đèn dầu hỏa ra cửa. Chưa bước xuống thềm, thầy đã nghe thấy một giọng khàn khàn reo lên:

- Tôi, Hai Huấn đây! Lâu lắm mới lại được gặp bác. Ôi chào, rét quá. Đòng chua, nước mặn, rét chết người.

Cây đèn dầu ở tay thầy giờ cao hơn để soi rõ mặt ông khách vừa reo đó. Thầy mừng rỡ nắm lấy tay khách.

- Chú Hai! Thực là một sự ngạc nhiên tốt đẹp! Mời chú vào - đoạn thầy sai hai chị em tôi - Cái Châu đâu rồi, con ra xách va li vào hầu chú. Còn thằng Ngọc, đỡ ô cho chú, nghe !

Tôi nhảy tót xuống đất chạy ra chào, đỡ lấy cái ô đen. Tay tôi chạm vào hai bàn tay lạnh buốt của chú, ngay đến chiếc ô cũng lạnh ngắt. Chị Châu ì ạch lôi cái va li da cũ kỹ vào nhà. Mẹ khép nép đứng sang bên cánh cửa, cúi chào chú Hai. Chú nhìn chúng tôi vui vẻ nói:

- Thực là hạnh phúc, các cháu lớn cả rồi - Chú xoa đầu tôi - Nhất là thằng Ngọc, nó lớn như thổi. Chú đoán cháu mười hai, có đúng không nào?

Tôi chưa kịp đáp, thầy đã đỡ lời:

- Đúng tuổi cháu. Thế còn...

Nhưng thầy vội ngừng lời. Bàn tay chú ở trên đầu tôi buông thõng. Chú để rơi mình xuống ghế, mặt không vui nữa. Thầy bối rối ngượng nghịu. May, mẹ vừa kịp pha xong trà. Thầy rót mời chú.

- Chú xơi trà cho ấm bụng, rồi ta uống rượu. Hơn mười năm nay anh em mình mới lại được gặp nhau, thực không gì cho tôi vui sướng bằng. Chú phải ở chơi đây với chúng tôi ít ra là vài tháng.

Chú Hai lại tươi cười:

- Vài tháng ít quá. Phải một năm. Tôi tự do như con chim, ở đâu cũng là nhà. Tôi một thân một mình, bác cho tôi tìm cái thú đoàn viên trong gia đình bác... Vâng, giờ tôi một thân một mình, hai bác ạ. Không có gia đình, như cái cây không rễ, rất buồn.

Giọng chú trầm xuống như một tiếng chuông tắt hết hồi. Mẹ nhìn chú bằng đôi mắt ái ngại, thương xót. Thầy nắm lấy hai bàn tay chú mà an ủi.

- Thì đây là gia đình chung của anh em mình chứ sao. Chú đừng nghĩ ngợi gì nữa. Thôi, ta uống rượu.

Chị Châu bừng mặt ra. Trong bữa cơm, tôi quên cả ăn vì mãi ngắm chú, người khách đến gia đình tôi tình cờ như một cơn gió.

Chú Hai uống ít rượu cũng như thầy tôi vậy. Chú bảo chú ghét rượu, chỉ ao ước được trẻ và khỏe luôn để đi chơi đó đây. Mỗi lần nhấp một tí rượu là chú nheo nheo đôi mắt sâu, khiến những nếp da trên khuôn mặt sạm đen dãi dầu thêm nhăn nheo. Bàn tay xương xẩu của chú luôn luôn đưa chiếc mùi xoa trắng lên lau bộ ria mép mọc mọc như cái dấu mũ. Chú nói khuy

cổ sơ mi, lộ rõ cục tròn tròn ở cái cổ bé ngẩng, mỗi lần nuốt đồ ăn lại co lên hạ xuống. Chú mặc bộ tây da đen cũ, vá hai ba chỗ. Nhưng tôi biết ngay chú cẩn thận sạch sẽ, vì chú có ý giữ cho khỏi một giọt rượu rớt vào. Cổ và tay áo sơ mi rất sạch, cho đến cả đôi giày tây đen đã mòn gần hết gót mà một lúc sau chú đã bảo chị Châu kiểm đưa chú miếng giẻ để chú lau cho bóng. Chú gầy khẳng khiu, lại gù lưng nữa, lúc đi đi lại lại quanh nhà nom chú như một cái liềm gặt lúa.

Đang xĩa răng, chú nắm cánh tay tôi kéo lại.

- Ô! bắp thịt cháu tôi rắn chắc. Hẳn nghịch lắm.

Rồi chú ẵm tôi đặt lên đầu gối.

- Đừng sợ chú nhé. Tuy chú xấu xí, dữ tợn thế này, nhưng rất yêu trẻ con.

Thú thực rằng, từ nãy tôi chưa có chút cảm tình gì với ông khách mà mặt mũi thân hình như con cú vọ đó. Sự giữ gìn quần áo, mà chỉ là bộ tây may bằng thứ da cà tàng đã vá vúi nhiều chỗ, khiến tôi dẫu bé nhưng cũng ranh mãnh nghĩ rằng đó là một người keo kiệt, khó tính khó nết. Thì vẫn vậy! Trẻ con vốn giống lũ chó mèo và bọn đầy tớ trong nhà, chỉ quen xét người bằng cái mẽ bề ngoài. Thế mà bây giờ chú âu yếm tôi như âu yếm một con mèo, và nhấc tôi lên đùi như cõng một cái lông chim. Chú gầy lẳng khẳng thế mà khỏe giỏi!

Chú vuốt đầu tôi, nói nhỏ nhỏ như nói với ai:

- Tóc đen óng như lụa... Ta rất thích vuốt tóc trẻ... Như thế để nhớ lại ngày nào... Ta có... À, ta có biết một đứa trẻ tóc đen óng như tóc cháu - bỗng chú vỗ mạnh vai tôi - Cháu có biết nó không nhỉ? - giọng chú run run

- Không, cháu chưa thấy nó lần nào. Trước kia ta vẫn ẵm đứa trẻ ấy lên đùi như thế này... Ta kể chuyện cổ tích cho nó nghe... Ồ, thằng bé hay cười quá, chuyện gì cũng làm cho nó cười như nắc nẻ. Đến tận bây giờ, trong tai ta lúc nào cũng còn văng vẳng cái tiếng cười giòn giã, trong trẻo của nó. Ừ chao, thế mà... tội nghiệp.

Chú nhìn đắm đắm vào những hòn than hồng đang vạc dần trong chiếc hỏa lò đặt dưới chân đống sủi ấm. Một phút lặng lẽ. Tiếng sóng ỉ ầm và tiếng thông reo rì rào đằng xa vẳng lại. Một giọt nước nóng hôi hổi rơi xuống bàn tay tôi. “Chú Hai khóc. Tại làm sao thế?”. Tôi nghĩ vậy, và chỉ một mình tôi biết. Vừa lúc ấy thầy ở trên gác xuống, tay cầm cây đèn:

- Thôi, mời chú lên gác nghỉ. Chú đi đường xa hẳn mệt. Tôi đã bảo dọn chú một buồng.

Chú Hai ngẩng lên cười, cảm ơn sự săn sóc của thầy mẹ tôi, rồi lên gác. Tiếng giày chú bước nặng nề trên những bậc thang cũ mọt, kêu cọt két.

II

Chú Hai ở với gia đình tôi thắm thoát đã ba tháng. Chú tỏ ý sung sướng được sống ấm áp giữa chúng tôi.

Buồng của chú trên gác, phía trước trông ra bên bờ Rừng rộng hút tầm mắt, phía sau ngoảnh ra núi. Chú thích căn buồng ấy lắm. Có một khuôn cửa sổ vỡ kính, một hôm mẹ sai chị Châu lên căng tấm vải che tạm. Chú ngăn lại, bảo:

- Không cần che kín, cháu ạ. Lúc nào chú cũng muốn được trông ra ngoài trời. Ngoài cửa sổ đã có một cây nhãn, cành lá um tùm đủ làm một

tắm màn đẹp.

Chú chu đáo quá, lại xin đỡ thầy mẹ tôi tiêng cơm hàng tháng. Thầy mẹ tôi từ chối thế nào chú cũng không nghe. Chú hay hoạt động, sáng dậy giúp lão Bồng buộc bờ rào, đào sắn, hoặc giúp mẹ tôi và chị Châu hái lá dâu, chần cho tắm ăn. Tối, chú đỡ thầy làm sổ sách, có khi đến khuya. Chú giỏi chữ Tây, giỏi kế toán. Vào những đêm thức khuya, mẹ và chị Châu ngồi quay tơ, ngay từ chập tối mẹ không quên nấu một nồi cháo gà, cả nhà ăn uống, chuyện trò vui vẻ.

Một điếu khiến mọi người lưu ý là sáng nào chú cũng ra một chỗ vắng vẻ nơi bãi sông đứng. Chú bảo tôi rằng chú yêu những cánh buồm và thích để cho sóng cuốn giạt vào bàn chân. Ở bãi sông về, chú lên gác, đóng chặt cửa lại. Mùi khói thuốc lá ở cái tàu đen bóng lọt qua khe cửa, bay ra ngoài. Thì ra chú ngồi trong đó để hút thuốc lá, ngả người ra lưng ghế, mắt đắm đắm nhìn ra ngoài núi hàng giờ không nhúc nhích. Thực là một người kỳ dị. Mẹ, một lần nói nhỏ với chúng tôi:

- Tôi nghiệp, chú ấy vẫn chưa nguôi được nỗi buồn. Thầy kể rằng trước kia chú giàu có, thím mất đi, chú ở với một đứa con trai. Đứa con trai đã mười ba tuổi, tên là Lê. Hai cha con quý nhau như vàng. Một hôm chú đi lên một vùng mạn ngược săn, cho cả em Lê theo. Chú bắn chẳng mấy khi trúng được lấy một con thú. Các bạn vẫn chế giễu. Hôm ấy hai cha con và mấy người bạn vào rừng. Người nào lúc ra về cũng xách một xâu chim bắn được. Duy chú Hai là về tay không. Chú bắn vụng, lại vốn tính nóng nảy, bị người ta chế thì nổi hung lên, cứ lắp đạn, giờ súng bắn liêu vãng cả rừng mà vẫn không có con chim nào chết. Các bạn càng cười đùa, chú càng bắn như một người điên, lá rụng xuống tới tấp. Trong lúc ấy, em Lê lần đi một chỗ, thấy một cái cây có tổ chim, trèo lên xem. Lê đứng

trên cành, nấp trong khóm lá rậm. Một phát đạn của bố vô tình bắn lên, em Lê chỉ kịp kêu một tiếng, lăn xuống cỏ chết ngay...

- Mẹ tôi ngừng lại, nín lặng một lúc.

Chị Châu và tôi nghe chuyện mà rùng mình. Mẹ tôi nói tiếp:

- Nhờ có các bạn làm chứng, tòa xử là vô ý giết người, nên bị hai năm tù án treo. Từ đấy, chú chỉ đi ngao du, lúc nào cũng có ý hối hận, ăn năn tội lỗi. Các con coi, chỉ vì cái tính nóng nảy, điên khùng mà kết quả thảm thương như thế đó.

Lòng thương yêu của chúng tôi đối với chú, khi biết chuyện rồi càng tăng lên. Tôi thấy từ nay tôi cần phải âu yếm chú, quăn quýt chú để chú vui mà tưởng rằng giữa chú với tôi có một cái tình cha con, cái tình mà chú đã tự mình làm mất vì một cơn tức giận vô nghĩa lý.

Tôi hết sức làm cho chú vui, chú cười. Vốn chú vui tính, nên dễ bị lây cái vui nghịch của tôi. Chú đánh bi với tôi. Chú chơi quay với tôi. Chú cùng tôi chiềuh chiềuh ra ngoài sườn núi chẵn dề và ra bãi sông thả diều. Một trẻ, một già như đôi bạn. Thấy mẹ tôi cũng phải bật cười, lấy làm mừng vì thấy chú không mấy khi lẩn lì và không mấy khi ra bãi sông đứng một mình nữa. Duy cái thói quen buổi trưa nào cũng lên gác đóng chặt cửa buồng ngủ cả hàng giờ trong đó thì chú không chịu bỏ.

Một sáng chủ nhật, chú rủ tôi vào khu rừng sau núi chơi. Trời đã sang xuân, gió vẫn còn mang theo hơi lạnh dịu dịu trong nắng vàng tươi và cả cái hương vị mặn mòi thoang thoảng từ ngoài biển xa nơi bến đò Rừng đưa vào. Chim hót riu rít. Suối chảy róc rách dưới các bóng cây, bóng đá hai bên bờ hẹp.

Tôi vừa len lỏi giữa gốc cây này, gốc cây kia vừa hát véo von. Chú cũng hát, chú hát lắm câu rất ngộ. Chú giảng từng câu cho tôi nghe, rồi dạy tôi học thuộc lòng. Tôi nhớ và hát được ngay. Chú khen mãi là sáng dạ. Đói bụng, tôi rủ chú về Ra khỏi khu rừng, chú cháu đang đi thì thấy hai đứa trẻ ngồi dưới gốc cây, ôm một cái lồng tre. Đến gần, tôi thấy trong lồng có hai con khỉ nhỏ còn non, lông chúng chưa mọc đủ, để hở cả màu da đỏ hồng. Mắt chúng vàng vàng, nhìn ngơ ngác, rúc đầu vào nhau mà gặm chân, gặm đuôi nhau.

Tôi thích quá, sấn đến cạnh cái lồng, ngắm mãi. Chú hỏi hai thằng bé.

- Chúng mày bắt chúng nó làm gì? Chúng còn non, không nuôi tử tế thì chết mất.

Một đứa thấy đáng điệu, mặt mũi dữ tợn của chú thì có vẻ sợ hãi, gãi đầu gãi tai đáp:

- Chúng cháu bắt nó trong một cái hang trên núi.

Đứa kia tiếp:

- Ông có muốn mua, chúng cháu bán.

Câu mời của thằng bé khiến tôi hồi hộp. Tôi nấn ngay túi quần túi áo tôi, trong đó có hơn hai hào xu lẫn với con quay và mấy hòn bi đá, bi ve. Tôi nắm tay chú Hai:

- Chú cứ mua, cháu có tiền đây, cháu sẽ hết sức nuôi cho chúng nó lớn.

Chú gạt đi, bảo rằng:

- Nó còn đang bú mẹ. Cháu sẽ bỏ nó chết đói, chết rét mất thôi.

Tôi cố nài:

- Cháu cho nó ăn sữa dê, cháu nhin phần sữa của cháu, nhường cho nó.

Chú tôi nín lặng, đôi mắt tự nhiên đỏ ngầu nhìn vào hai con vật, giọng run run thì thầm bên tai tôi.

- Ngày trước... một đứa trẻ y như cháu cũng chỉ ước ao nuôi một con khỉ để nó làm trò... chú đã đi săn, đã gặp một con khỉ lớn... nó đu trên cành cây, nó như trêu trọc thách chú bắn... Chú đã đuổi theo bắn ba bốn phát liên, nhưng nó cứ chuyềnh càn này sang càn khác để khiêu khích chú mãi. Mấy người bạn cùng đi săn vỗ tay cười ran cả rừng. Chú cúi tiết chĩa súng bắn luôn phát nữa. Con vật không bị đạn. Kết quả đứa trẻ kia đang ngỗ hái quả trên một cành cây bị viên đạn ấy trúng giữa tim ngã chết. Bây giờ cứ trông thấy con vật khốn nạn ấy là chú sợ, cứ nghe tiếng súng nổ ở đâu là chú giật nảy mình.

Đầu chú tôi gục xuống. Tôi đã biết đứa trẻ xấu số ấy là Lê, con chú. Chú tưởng mẹ tôi chưa kể cho tôi biết, nên vẫn giấu. Có lẽ chú không có can đảm nhắc đến cái tên yêu quý ấy chẳng! Tôi thương xót chú, nhưng lòng ham muốn có hai con vật nọ vẫn khiến tôi không rời mắt nhìn ngắm chúng. Tôi khế nài nỉ:

- Chú! Chú cứ mua cho cháu, cháu sẽ giấu nó vào trong buồng học của cháu, không để nó quấy rầy chú đâu.

Thấy tôi nằn nì, sau cùng, chú cũng chiều ý tôi mà mua hai con khỉ đó. Chú bỏ tiền ra trả, chứ không lấy tiền của tôi. Chú bảo:

- Chỉ sợ cháu phải nhin cả quà cũng chưa đủ nuôi nó đâu, cháu ạ.

Tôi hí hửng xách cái lồng về

III

Trời ơi, em mang cái của nợ ấy về nhà làm gì thế hả?

Chị Châu tru tréo lên. Tôi vội tươi cười, vỗ vai chị nịnh nọt cho chị khỏi kêu to kéo mẹ tôi biết.

- Chị không sợ. Nó có phải là hổ hay sư tử đâu mà sợ nó vô. Em nuôi nó. Nếu khi nào chị có bụng tốt thương yêu loài vật thì chị cho nó một bát sữa dê, chị cứ lấy vào phần của em cũng được.

- Sữa đâu mà cho nó. Rồi lớn lên, nó sẽ cào cấu quần áo, nhảy phá đồ đồ đạc, lại hôi bẩn như khỉ ấy, ai chịu được.

- Thì nó là khỉ mà lại không như khỉ.

Tôi cười. Mẹ tôi trên gác xuống, thấy thế cũng kêu lên:

- Sao chú để cháu nó rước cái của nợ ấy về nhà thế. Nó hãm tài lắm, đem thả lên núi ngay đi!

Chú Hai đã trót mua cho tôi, không nhẽ lại không bênh vực tôi, nên chú nói khéo với mẹ tôi, và buổi tối chú lại nói với cả thảy tôi, thành thử cả nhà không ai phản đối nữa.

Ngay hôm đó, chú cháu tôi hì hục chẻ tre, vót cật làm một cái lồng to khá đẹp. Tôi đặt giữa lồng một cành cây bé cho hai con khỉ leo trèo. Tôi lại lấy lá phủ bên ngoài lồng cho mát và kín đáo. Tôi nhờ lão Bồng khiêng với tôi cái lồng đó lên gác, đặt ngay cạnh giường tôi nằm. Lão Bồng chiều chuộng tôi và cũng sẵn lòng thương yêu giống vật, cứ mỗi ngày ba lần lão

đem lên cho hai con khỉ một bát sữa dê đầy. Tôi nhìn chúng uống một cách ngon lành mà vui sướng. Uống xong, chúng lại co tròn lăn quay như quả bóng, đùa nghịch với nhau, kêu chí chóc.

Chú tôi cười bảo:

- Đừng đánh đập chúng nhé! Một khi cháu đã cướp chúng ra khỏi bầu sữa mẹ chúng, ấy là cháu phải giữ bốn phận nuôi nấng chúng. Cái bốn phận ấy không nhỏ đâu.

Lời khuyến khích của chú càng khiến tôi phải nghiêm trang, chứ không đùa như mọi lần nuôi con chim sâu, con bướm bướm, chuồn chuồn, chán thì bóp chết, ngắt cánh, ngắt đầu cũng được. Tôi bận bịu với chúng luôn. Ở nhà, tôi học vội bài; vừa tan trường, tôi chạy vội về nhẩy ngay lên gác thăm đôi khỉ. Sáng dậy mở mắt là tôi nghĩ đến việc lấy sữa dê cho chúng. Tiễn quà mẹ cho hàng ngày, tôi ra chợ mua chuối bỏ vào đầy lồng. Đôi khỉ được ăn nhí nhát suốt ngày.

Thấm thoát chúng đã lớn lên trông thấy, chúng đã biết cào cắn nhau, đã biết ném vỏ chuối ra ngoài kẽ lồng để trêu tôi. Con lớn đuôi dài có vẻ mạnh mẽ, nghịch và ăn nhiều hơn con nhỏ đầu đốm trắng. Con nhỏ, tôi nhận thấy, cứ mỗi ngày một gầy đi, lờ khờ, nằm vật vạ.

Chú Hai nghiêm giọng bảo tôi:

- Ta đã nói trước mà! Loài vật phải được tự do ngoài nắng, gió và ánh sáng. Giam cùm, bắt nó tù hãm, ấy là làm cho nó khổ sở. Đó là lẽ tự nhiên của trời đất, ta không nên làm trái.

Thế rồi một buổi sáng, tôi bưng bát sữa lên, mở cửa lồng thì thấy con khỉ bé nằm còng queo. Con khỉ lớn ngời lạng lẽ nhìn cái xác bạn cùng loài.

Thấy tôi, nó ngẩng lên nhìn tôi bằng đôi mắt lơ lơ. Lòng tôi buồn nao nao. Lần đầu tiên trong tuổi chơ dại, tôi được biết rõ cái tình chia ly của sự chết. Tôi gọi chú Hai. Chú ở phòng bên cạnh, bước sang. Tôi sợ, không dám mó vào xác con vật, phải nhờ chú. Chú mang xác nó ra bãi cỏ ngoài bờ rào nhà tôi chôn cất tử tế.

Từ đó, con khỉ lớn sống cô độc, nhưng r ấ cũng không sao, nó lại leo trèo nhảy nhót, ăn uống như thường. Nó thò tay ra ngoài nan l ồng vẫy tôi, cướp quả chuối hay hột ngô rang ở bàn tay tôi, r ấ nhe răng ra kêu khếch khếch. Con vật đùa như một đứa trẻ. Có hại gì cho ai đâu!

- Đấy mẹ xem, có chuyện gì là hãm tài, mà mẹ cứ mắng con.

Mẹ tôi cười không đáp.

- Đấy chị Châu xem, mẹ mãi chẳng để em bé cho vui nhà nên em phải chơi đùa với nó vậy. Nó có cào cấu chị đâu, có làm đổ vỡ gì đâu!

Chị Châu cũng cười. Không ai ghét nó nữa. Mẹ tôi hôm nào đi chợ mua thức ăn cũng nhớ mua cho con khỉ một nải chuối, hay một mớ sim chín. Nó thích ăn sim lắm, có lẽ nó ăn cái thứ quả rừng xanh để nhớ đến rừng xanh chẳng.

Chị Châu đã hí hoáy mất nửa ngày để tìm vải xanh vải đỏ cắt cho con khỉ một bộ quần áo và cái mũ. Thú quá, tôi nhờ chú Hai nghĩ đặt cho nó một cái tên, chẳng nhẽ cu cậu cũng diện y phục như người mà lại không có tên thì... khỉ quá!

Chú Hai vuốt ria mép nghĩ ngợi. R ấ chú cười:

- Ta gọi cu cậu là Khả Tị tiên sinh. Đó là tên một con khỉ rất khôn theo một ông bầy già đi làm xiếc rong... Một con khỉ giang hồ trong truyện “Vô gia đình” của một nhà văn người Pháp.

Tôi vỗ tay, rất hoan nghênh cái tên sang trọng ấy, mặc dầu tôi chưa được biết Khả Tị tiên sinh trong truyện ấy thế nào.

Sáng hôm nay, một buổi sáng đẹp trời, Khả Tị mặc bộ áo quần mới nửa xanh nửa đỏ và đội mũ mao xong xuôi hình như rất lấy làm bằng lòng về lịch sự của mình, nó đứng thẳng lên, nhún nhảy và lại kêu khếch khếch.

Chị Châu bàn:

- Nom bộ công tử như thế mà lại bị nhốt vào lồng thì buồn quá. Em dắt nó đi chơi một tí cũng hay.

Tôi lại vỗ tay hoan nghênh ý kiến ấy. Tôi lấy một sợi dây buộc vào cổ tiên sinh, dắt tiên sinh xuống nhà để giới thiệu với mẹ tôi. Lần đầu được bước ra ánh sáng, tiên sinh đi chập choạng, ngơ ngác nhìn tứ phía, nhìn cái cầu thang, rồi cẩn thận bước từng bậc một. Mẹ tôi, chú Hai và lão Bồng thấy vậy đều cười ran nhà. Khả Tị càng ngơ ngác, nhảy lên vai tôi, nép đầu vào cổ tôi như sợ sệt, như cầu ở tôi sự che chở vậy.

Kể từ hôm ấy Khả Tị được tự do, từ biệt cái lồng rộng rãi dành cho nó ngày mắng sữa, nhưng rất hẹp cho nó lúc này đã lớn khôn rồi. Nó tung hoành khắp vườn, dưới nhà, trên gác. Tôi không lo nó về núi về rừng mất, vì tôi xem ý nó không ra quá ngỗ ngược bao giờ. Người và cảnh ở đây đã cùng nó thân thuộc quyến luyến rồi.

Khả Tị không ưa sữa nữa, nó thích ăn cơm và ngủ cùng tôi một mâm cơm rất lễ phép, khiến ai cũng bằng lòng. Ngoài cái thú ăn sim, nó còn

thích ăn lạc rang, hạt dẻ, mà lại biết cắn bỏ vỏ rất nhanh, người không sao theo kịp. Tối tối, nó lên gác ngủ với tôi, nằm gọn dưới chân tôi cho đến sáng. Trừ những buổi tôi đi học, còn tôi đi đâu nó cũng theo sát từng bước. Tôi để nó ng ẩ lên vai, nó khẽ cắn vai tôi một cách đùa nghịch thân ái; nhưng khách lạ đến chơi mà mó vào nó thì những cái móng rất nhọn kia sẽ làm thủng bàn tay khách tức thì.

Một buổi trưa ở trường về, không thấy Khả Tị đâu, tôi đi tìm khắp chốn. Ra vườn, thấy nó đang đu trên cành cây nhãn. Tôi vẫy gọi, nó nhe răng ra, lại chuy ền sang cành khác, rung cành cho lá rụng xuống đầu tôi, như trêu đùa, thách tôi trèo lên. Tôi trèo lên. Nhưng đuối sao được cái giống h ầu giỏi hơn cả muôn loài về cái tài trèo leo nhanh hơn gió ấy.

Đầu truyện, tôi đã kể rằng ngoài cửa sổ phòng chú Hai, hướng quay ra sau núi đá, có một cây nhãn lớn, chính lúc này tôi và Khả Tị đang ở trên cây nhãn đó.

Tôi đứng ở một cành gần cửa sổ, nhìn được suốt vào phòng chú Hai. Tôi thấy chú ng ẩ trong một cái ghế mây rộng cũ, trước một cái bàn to th ầy tôi dùng làm bàn giấy. Chú đang chăm chú vào một quyển sách mà ở bên ngoài lấy hết sức nhìn, tôi có thể biết rằng trang nào cũng có in tranh vẽ màu. Bàn tay khô gầy l ần giờ từng tờ, đôi mắt sâu nheo h ắt lại gần như nhắm tịt, v ầng trán hói h ắt nổi nhi ều vết nhăn, chú Hai cúi mãi xuống gần trang sách, gần những dòng chữ đen như kiến bò, gần những cái tranh màu, chú không biết có tôi và Khả Tị đang rình chú. Chú có vẻ mơ màng, mê say một cái gì... Có lẽ bởi những bức tranh đẹp quá. Có lẽ bởi những trang sách chép biết bao truyện đầy phép màu huyền bí. Chẳng thế mà, lạ quá, rõ ràng tôi thấy chú nói lầm bầm một mình, chốc chốc lại cười khúc khích, thỉnh thoảng lại ghé môi hôn lên mặt giấy. Tôi ngơ ngác không hiểu được chú.

Khả Tị thấy tôi không đùa nữa thì rón rén chui lại, nhảy lên vai tôi ngời yên. Vừa lúc ấy, chú Hai gấp sách lại, bỏ vào ngăn kéo bàn, tôi nghe rõ cả tiếng khóa kêu.

Tôi nhẹ nhàng tụt xuống gốc cây, nghĩ thầm: “Thì ra trưa nào chú cũng vào phòng đóng kín cửa lại là để ngời cười, nói, và hôn quyền sách có tranh ảnh đó! Thế là nghĩa lý gì?”.

IV

Quyền sách của chú Hai, bắt đầu từ trưa hôm ấy, luôn ám ảnh trí tò mò thơ dại của tôi.

“Phải xem cho được, không thì tức lắm”. Tò mò, cái nết xấu ấy cứ xúi giục tôi phạm tội lỗi. Tại sao chú Hai lại cười, nói, hôn những trang giấy đó? Chắc là quyền sách hay lắm đây. Nhất là những bức tranh, ồ, những bức tranh tô màu, tôi thích lắm. Tôi hay vẽ nhảm. Tôi vẽ cả ngày. Không có bút chì màu, tôi lấy lá khoai bôi làm màu cỏ, tôi lấy hoa mồm chó bôi làm màu da trời, tôi lấy hoa dâm bụt bôi làm môi con gái hay làm áo cẩm bào ông Trạng.

Những bức tranh màu sắc sỡ trong quyền sách chú Hai! Tôi mở tưởng nó từng giờ, từng phút. “Phải xem cho được, không thì tức lắm”.

Tôi để ý chờ cơ hội chú Hai đi đâu vắng. Một buổi sáng chú rủ tôi ra chợ xem bọn thuyền chài có bán con cá nào ngon thì mua. Tôi cáo nhưc đầu, không đi. Chú đi một mình.

Cơ hội tốt đã đến. Chờ cái bóng còng còng của chú khuất ngoài ngõ rỗi, một lát sau tôi mới rón rén lên gác. Cửa phòng khép hờ, tôi khẽ đẩy, bước vào. Những đồ đạc cũ bụi bặm từ ngày có chú Hai đến ở đầu được

chú lau chùi sạch sẽ. Một cái rác, một cái mạng nhện cũng không. Chú quét lấy, lau dọn lấy, không khiến lão Bồng. Tôi đi nhẹ như con mèo, tiến đến cái bàn. Cúi nhìn chiếc khóa ngăn kéo to quá, tôi thất vọng. Nhưng lại nghĩ rằng trong ngăn kéo có quyển sách đầy những tranh màu kia, tôi hăm hở lay, giật, song cái khóa không chuyển động. Tôi nghĩ đến chiếc kim của lão Bồng. Lại xuống bếp tìm được cái kim lên, tôi ra sức nhổ hai chiếc đinh khuy để hy vọng nhấc cả khóa ra. Tôi làm rất khéo, bàn tay tôi tự nhiên sao khỏe khác thường. Một chiếc đinh khuy đã rơi xuống, một chiếc nữa cũng rơi theo. Thành công rồi, tim tôi đập mạnh. Tôi mở ngăn kéo, khe khẽ...

Chỉ có một mình tôi. Không, còn Khả Tị tiên sinh nữa chứ! Quái ác thật, con khỉ đã theo tôi vào tự lúc nào. Hình như biết tôi đang làm một việc vụng trộm nên nó len lén ngó yên một xó tường, giương tròn mắt nhìn từng cử động của tôi. Tôi giận lắm, đuổi nó ra ngoài, nhưng nó nhả răng kêu ầm ỉ, cào vào gấu quần tôi. Tôi đành chịu, vì cho việc đó không can hệ gì. Việc can hệ là mở ngăn kéo, lấy quyển sách bí mật kia ra. Bàn tay tôi run run lục lợi mớ giấy vụn. Bìa một quyển sách in màu, vẽ một cô tiên có đôi cánh và một đàn bướm hiện ra...

Tôi bật reo lên một tiếng vui mừng.

V

Đó là quyển sách kể những truyện cổ tích thần tiên. Những bức vẽ thật ngộ nghĩnh. Đây, một cô tiên thổi sáo, múa hát bên dòng suối. Kia, một con chuột đi ô, đeo kính nhảy múa với con chuồn chuồn. Kia nữa, một cô gái đẹp mình người cánh bướm bay giữa một đàn bướm nhỏ trong rừng hoa... Nhiều nữa... Nhiều nữa.

Trang đầu có mấy hàng chữ, viết nắn nót lối chữ cậu học trò nhỏ tuổi:

Sách này chính sách của ta

Khác nào như cỡi Sơn hà của Vua.

Mép trang, một vết mực đồ loang như con rắn bò. Tôi nhận thấy chữ Lê, ký lờ mờ bên dưới mấy hàng chữ kia. Ở những chỗ trống có dăm hình vẽ bằng bút chì màu, phỏng theo những bức tranh in. Hình vẽ bắt chước một cách ngây ngô, mắt liền với mũi, chân tay nghêu ngao, trông cô tiên mà người ta tưởng “ông Ba bị”! Cái tranh nào cũng ký tên Lê. Lê là con chú Hai, đứa trẻ xấu số đã bị bố vô tình bắn chết vì cơn điên khùng trong một cuộc đi săn. Những chữ ký đó khiến tôi tưởng tượng ra một đứa trẻ bằng tuổi tôi, khôi ngô và ngoan ngoãn, cũng có tính tình nghịch hay vẽ nhảm như tôi. Tôi khám phá ra rằng chú Hai vẫn thường vào phòng đóng chặt cửa để giờ quyền sách kỷ niệm của con trai chú ra, ng ẩng lên thân nói chuyện và cười rủ rủ với nét vẽ ngộ nghĩnh của nó, và hôn hít những vết ngón tay dính mực, dính đất cát còn in nguyên vẹn trên trang giấy.

Tôi đang búi ngủ nghĩ vậy thì ở dưới cầu thang có tiếng chú Hai nói với mẹ tôi, và tiếng giày chú bước thành thịch trên những bậc gỗ kêu cọt két. Tôi hoảng hốt, chỉ kịp ném vội quyển sách xuống chân cái ghế mây chú Hai vẫn ng ẩng, rồi tôi chạy vút ngay về buồng mình. Tôi lắng nghe tiếng chú lẩm bẩm:

- Hôm nay mình đã trí quá, đi nửa đường mới sực nhớ ra là quên khóa cửa. Chết nỗi, cửa khép hờ thế này, nhớ Khả Tị tiên sinh mà lần được vào thì bất trị.

Chú dừng lại móc túi áo lấy chìa khóa, khóa cẩn thận rồi lại xuống thang.

Tôi thở một hơi dài vì chợt nhớ ra trong buồng chú, Khả Tị đang bị nhốt. Chốc nữa chú về, mọi tội lỗi sẽ đổ vào đầu nó. Khả Tị phá ngăn kéo, Khả Tị lôi quyển sách bí mật ấy ra, chứ không phải tôi! Tôi đã nghĩ mưu mẹo chối lỗi của mình, đổ tội oan cho con vật một cách hèn nhất như thế đấy.

Ngồi đứng không yên chỗ, tôi vẫn lo lắng nghĩ nếu Khả Tị xé nát quyển sách kia! Sự lo lắng ấy khiến tôi bồn chồn, khổ sở. Tôi hối hận đã tò mò, đã phá ngăn kéo của người ta, như thế có khác nào quân trộm cắp!

Tôi chạy xuống dưới nhà, lao ra vườn. Tôi trèo lên cây nhãn, vừa nhòm vào buồng chú Hai đã thấy rụng rời chân tay. Khả Tị đang nhảy nhót trên giường lại vút lên nóc tủ, lên đỉnh màn, chán trò, nó quay ra vò xé một chiếc sơ mi của chú Hai. Tôi sợ hãi, dụi giọng gọi khẽ: “Khả Tị, Khả Tị!”. Nghe tiếng tôi, con khỉ tinh quái nọ nhìn ra, nó càng nhảy nhót, càng vò xé, cuộn cái sơ mi rách vào mình mà lăn khắp sàn gỗ.

Tôi tức bực, giơ tay dọa nạt, Khả Tị càng làm trò để trêu tôi. Đang bối rối thì có tiếng mẹ hỏi chị Châu phía sân trước.

- Châu có thấy em Ngọc đâu không?

- Có lẽ em con nó theo ông Bùng cho dê lên núi.

Tiếng mẹ gắt gỏng:

- Thằng bé tẹo quá, chạy như thỏ cả ngày thôi.

Chú Hai ở ngoài ngõ đang đi vào trong sân, nghe vậy bèn bênh vực tôi.

- Bác mắng cháu làm gì. Tuổi nó đang nghịch ngợm. Mà cũng phải nhảy nhót thế thì mới khỏe mạnh chứ. Cháu nghịch, nhưng học giỏi, thế là đáng mừng, bác ạ.

Lời khen của chú càng khiến tôi hồ thẹn. Bỗng có tiếng kêu the thé trong buồng chú. Tôi vội ngoảnh nhìn vào: Khả Tị đã trông thấy quyển sách dưới chân ghế. Nó cồm cộp quyển sách lên, nghiêng nghe cái đầu rể tần mẫn xé một trang, trang nữa, trang nữa...

Tôi muốn kêu lên, mà không dám, sợ mẹ tôi và chị Châu tôi biết tôi đang nấp ở trên cây.

Mặt tôi không còn máu. Tôi ngần ngại rửa thềm con vật khốn nạn. Tôi muốn với một chân sang cái thành cửa sổ để nhảy vào. Chân tôi không với tới. Tôi toan nhảy liêu sang, nhưng ngay dưới chân có một bụi gai khá rậm, nếu nhảy hụt thì còn gì là xương thịt.

Bỗng nhiên cánh cửa buồng xích mở. Chú Hai vào. Sợ quá, không dám nhìn cái cảnh ghê gớm sắp diễn ra, tôi nhắm nghiền mắt lại. Khi mở mắt, ôi chao, tôi thấy chú đã tóm được Khả Tị mà bóp chặt, con vật giãy giụa kêu chí chóc trong hai bàn tay gân guốc của chú.

Tôi điên cuồng tụt vội xuống đất, chạy vào nhà.

VI

Lạy chú, xin chú đừng bóp nó. Chính cháu mở ngăn kéo chú, cháu đã vất quyển sách của chú xuống chân ghế... Cháu có tội, chú đánh cháu, chứ đừng đánh oan nó.

Nhưng chú Hai cu ờng đại, đôi mắt đỏ ng ầu trợn lên, hai quai hàm bạnh hẳn ra, răng nghiến ken kết, chú lấy hết sức bóp cổ Khả Tị.

- Con quỷ! Con quỷ. Mày là con quỷ hại tao. Mày phải chết.

Khả Tị càng giãy giụa, một chân tuột ra, móng nhọn đâm sâu vào tay chú Hai, máu chảy ròng ròng.

Chú Hai thét một tiếng, ấn Khả Tị xuống cạnh bàn, hai bàn tay nổi gân.

- Lạy chú! Cháu xin chú tha cho nó!

Nhưng máu đã làm cho chú Hai thành điên cu ờng, tức giận như lửa cháy đổ thêm dầu, chú l ầu nh ầu nguyền rủa, đập đầu Khả Tị kêu bôm bốp vào cánh cửa.

Con vật khốn nạn kêu một tiếng cuối cùng, đôi mắt lơ lơ nhìn tôi một lần cuối cùng như để cầu cứu, để vĩnh biệt rồi không động đậy. Chú Hai ném nó xuống sàn. Tôi quỳ ôm Khả Tị vào lòng mà nức nở:

- Chú độc ác lắm! Chú độc ác lắm.

Cùng lúc ấy, chú Hai ng ẩ xuống cạnh tôi. Vẻ giận dữ ghê gớm trên mặt chú đã biến đi, nước mắt chú rơi xuống đôi má hóp, chú thẫn thức như đứa trẻ.

H ồi lâu chú mới nói nên lời.

- Chú là một kẻ điên đại! Cháu tha lỗi cho chú! Chỉ vì chú đã không chịu nén cơn căm giận, tức giận mà khổ sở thế này... Con vật kia có biết gì đâu, nó vô tội, vậy mà chú đã điên cu ờng giết nó như chú đã giết Lê con chú. Tức giận là một thói xấu, cháu ơi, nếu lần đầu ta không cố nén nó để

luyện lấy cái nết ôn hòa, hiền hậu thì nó sẽ thành tốt, sẽ thành tội ác! Nếu trước kia, chú bình tĩnh, nhân hậu thì em Lê vẫn đang ở bên chú, cũng khỏe mạnh, thông minh và đáng yêu như cháu. Có em Lê thì chú đâu đến nỗi buồn cái tuổi già trơ trọi, đâu đến nỗi đi lang thang một mình nay đây mai đó thế này. Cả cuộc đời chú giờ chỉ có quyển sách của nó để lại... Thế mà...

Máu trên hai bàn tay chú nhỏ từng giọt xuống những mảnh giấy tranh ảnh có chữ ký của Lê. Chú cúi xuống nhặt nhanh những mảnh giấy đó, bỏ vào một chiếc hộp:

- Em Lê được nhà trường thưởng quyển sách này. Chú luôn giữ bên mình làm kỷ niệm. Mỗi lần xem lại những nét vẽ nghịch ngoạc, nhìn lại những vết tay in trên giấy kia, chú lại tưởng tượng thấy đôi mắt đen nháy của nó, nghe thấy tiếng cười trong trẻo của nó...

Lòng tôi xúc động vô cùng. Tôi ôm chàng cố chú:

- Thôi chú đừng buồn nữa. Chú cứ ở đây, chúng cháu yêu quý chú như yêu quý thầy mẹ cháu. Cháu thay em Lê làm con chú, ở bên chú luôn luôn, mãi mãi, cho đến ngày chú sống tròn trăm tuổi.

Chú cảm động, sung sướng ôm tôi vào cánh tay, ngẩng lên ghé, chú vuốt tóc tôi, hôn đầu, hôn má tôi.

- Cháu là đứa trẻ tốt lắm. Ta yêu cháu không có lời nào tả được.

Chú Hai sống giữa hạnh phúc êm ả của gia đình chúng tôi; coi chúng tôi như con đẻ, chú không buồn nữa. Tóc chú bạc dần dần cùng với tóc

thầy mẹ tôi. Chú hiền từ như ông Bụt. Chúng tôi đã lớn khôn, nhưng vẫn ngày ngày xán bên cạnh chú để bắt chú kể chuyện “Ngày xưa...”.

Và đến hôm nay, thấm thoát đã hơn hai mươi năm rồi, tôi kể lại cùng các bạn nhỏ thân mến câu chuyện này, cùng lời khuyên nhủ của chú Hai. Lời khuyên ấy hiện thành những nét chữ vàng chói lọi trước mặt tôi. Lòng tôi lúc nào cũng êm vui, bình tĩnh, sẵn sàng tha thứ, thương yêu con người và con vật, thương yêu tất cả cõi đời.

Truyền Bá, số 34, năm 1942

CÔ GÁI LÀNG SƠN HẠ

I

Trong đêm tối, một mình, anh đi như thế mãi, đầu cúi thấp, chân bước nặng nề, guốc nghiêng rào rào mặt đường đầy than vụn.

Mưa phùn dai dẳng từ mấy ngày nay vẫn chưa ngớt cơn. Từng vũng nước đục lấp loáng ánh sáng lạnh lẽo của mấy cây đèn dầu tròng rai rác trên bến tàu. Những con đường goòng chạy dọc theo bến, khuất sau những trái núi than lù lù đột khởi trong bóng tối mênh mông. Từng chỗ nhô lên trên mặt đất một tảng sắt hoặc một đoạn gỗ lim tròn, quấn chặt vào sợi xích lớn hay sợi thừng chắc khỏe của những chiếc tàu buôn ở các ngã sông xa vừa tới cắm neo.

Nước sông ngầu đỏ, cuộn cuộn chảy, sóng ào ào vỗ mạn tàu, mạn thuyền khiến chúng va vào nhau lộp cộp. Gió rít làm lão đảo những cột buồm cao vút trên trời tối, kéo căng những đầu dây neo trên bến.

Anh ngẩng đầu lên. Rặng núi đen sì sừng sững kề ngay đường cái. Dưới chân núi, một đốm lửa vàng le lói. Đó là ngọn lửa ấm áp của gia đình anh. Buồn phiền, anh nghĩ đến người mẹ già giữa lúc khuya khoắt này đây đang ngõ co ro trong xó bếp, tay nhem nhuốc nắm những hòn than nắm chắt thành đống cao để sáng mai đội xuống tàu bán cho khách trú; và anh nghĩ đến người cha, có lẽ lúc này vẫn ngõ khoác chần ôm chai rượu vào lòng.

Đầu lại cúi xuống, anh chậm chạp bước theo dọc bờ sông. Chán nản, anh không muốn về nhà, định bụng đêm nay gặp đâu ấm chỗ thì ngủ nhờ ngay đấy, rồi mai lại thức dậy từ mờ đất, còng lưng đẩy hết chuyến xe

goòng này đến chuyển xe goòng khác, vác hết bao than này đến bao than khác, như tất cả những con người sống lam lũ ở bên sông.

- Bác Vĩnh! Hãy uống nước đã nào.

Anh dừng lại. Ánh sáng gắt của cây đèn phẫn^[1] trong nhà hàng cơm làm chói mắt anh, và giọng nói thân mật của cô gái dậy thì kia khiến anh phải mỉm miệng cười.

- Thế nào, canh tài bàn đêm qua Vĩnh phát tài, đãi chúng tớ một bữa rượu đi.

Mấy người phu mỏ bạn Vĩnh đang ng ỡ đồ quýt với nhau, xúm quanh Vĩnh, cười nói huyền thuyên. Một người có vẻ say, quay lại cô gái nhà hàng:

- Có thể thì mới đúng lẽ chứ, phải không, cô Nhàn?

Nhàn cười tít đôi mắt b ồ câu.

- Cái đó ở như bác Vĩnh, chứ em biết đâu ạ.

Nhàn mở nắp cống trà tươi, múc nước đổ vào cái bát đàn Vĩnh vừa lật ngửa trên mặt chõng hàng. Hơi khói ở miệng cống bốc lên nghi ngút, trong làn hơi khói ấy lóng lánh cặp mắt đen nháy và hàm răng hạt huyền đầu đạn của Nhàn.

Thấy Vĩnh ngấm mình, mặt Nhàn đỏ bừng lên. Cô ngượng nghịu cúi xuống tằm tr ầu bày ra đĩa. mấy người bạn quay sang Vĩnh:

- Kìa, tiếc chúng tớ một bữa chén xoàng ư?

Vĩnh trừng mắt nhìn bọn họ, rồi anh trật cái mũ cát kết sũng nước mưa trên đầu xuống, đập mạnh vào mặt chõng, làm nảy lên những chiếc bánh gai, bưởi, quýt và khiến những bát chè tươi sóng cả ra ngoài.

Lũ bạn Vĩnh không cười đùa nữa. Họ đoán Vĩnh đang buồn bực chuyện gì. Cứ chỉ ấy, Vĩnh thường có; lắm khi người bạn mới nào chưa biết tính anh mà trêu cợt mãi, tất bị anh lẳng lẳng đứng dậy đánh liề. Ở đây, từ mấy năm nay, người ta biết cái tính nết kỳ quặc đó. Người ta cũng biết là anh có khá nhiều miếng võ, ngoài ra anh còn một vốn chữ Nho. Những cô gái trên bến tối tối thường tụ họp trong quán nước đua nhau bói Kiều, nhờ anh xem hộ. Mùa xuân họ đi lễ về, tìm anh nhờ đoán thẻ. Đó là những quẻ thẻ cầu duyên. Vĩnh khéo tán nghĩa, giọng ngọt ngào, gương mặt sáng sủa, điển trai, khiến các cô càng xúm xít quanh anh. Nhưng chưa cô nào được Vĩnh thực tình yêu lại. Tuy vậy, các cô vẫn không ghét Vĩnh. Các bạn trai đối với anh cũng thế, họ mến anh, vì vậy họ nhường nhịn anh, nhiều khi khiếp sợ nữa. Đó là những lúc thấy anh mắt đỏ ngầu, lồm lồm không nói không cười. Nhưng vào những buổi chiều nào thấy Vĩnh chải đầu, cạo mặt sạch sẽ, điều thuốc lá trên môi, miệng nhai bồm bồm miếng trầu là các bạn Vĩnh reo lên, kéo anh vào hàng nước, giục anh kể chuyện. Anh kể rất có duyên. Những chuyện anh kể khiến họ nghe chăm chú.

Ông cử khó tính, nên các bạn Vĩnh chỉ dám đến nhà Vĩnh khi biết ông đi chơi vắng. Bà cử dễ dãi, hiền lành, thấy bạn con đến nhà là vội vàng rửa tay đi tằm trầu, đun nước. Có khi họ chung tiền mua chó về mỡ thịt, chèn chén với nhau suốt cả ngày.

- Kìa, bác Vĩnh xới nước đi cho nóng. Nước ban nãy nguội, em đã múc bát khác rồi đấy ạ!

Vĩnh từ nãy chống bàn tay vào má, cúi gằm mặt xuống không nhúc nhích, bỗng ngẩng lên. Các bạn anh đã không còn đấy nữa, mà Nhàn thì đang ru đứa em bé trong lòng, đôi mắt đen đăm đăm nhìn Vĩnh.

Vĩnh đưa bát nước lên môi, anh không thể không ngắm đôi mắt đẹp của Nhàn qua những sợi khói nóng tỏa lên miệng bát. Nhàn e lệ, vờ cúi xuống hôn em. Cô sung sướng lắm vì chỉ có tối hôm nay cô mới được người con trai mà cô thầm yêu mến ấy nhìn đôi mắt bồ câu và hàm răng mới triết của mình. Hàm răng đen cô nhuộm riêng vì Vĩnh. Đã bao nhiêu đêm khuya lạnh, trở dậy ra sân nhổ thuốc để rồi vào thay lá khác, cô đã đứng run cầm cập nhìn lên nhà Vĩnh trên đường núi, thở dài.

Mưa ngoài sông và gió bắc trên núi hất lửa vào làm cho cây đèn phẫn dòng giấy từ trên mái xuống đung đưa. Gió mạnh quá làm đổ tấm gai^[2] dựng bên ngoài. Nhàn toan đứng lên, nhưng Vĩnh ra dựng lại, rồi anh vào ghế ngồi, vẫn im lặng như lúc nãy. Nhàn vào giường đặt em. Cô ra mở tủ kính nhỏ lấy bao thuốc lá, bóc đầu giấy sẵn đặt vào đĩa trầu. Giọng thân mật, cô bảo Vĩnh:

- Nhà em sẵn rồi than hồng sấy cau, bác Vĩnh có rét, em bưng ra bác sưởi.

Vĩnh ngược nhìn Nhàn, anh khẽ lắc đầu.

- Thôi, cảm ơn cô, trời này đã lấy gì làm rét.

Vĩnh uống cạn bát chè tươi, chụp mũ cát kết lên đầu, đứng dậy. Anh móc túi, đặt vào đĩa hai đồng chinh, bước ra thềm. Bóng Vĩnh in chệch lên bóng cây bàng khẳng khiu ngoài mảnh sân hẹp sũng nước mưa. Tiếng guốc

Vĩnh rào rào, mất dấn trên những lối đi đầy than vụn lò mờ dưới ánh sáng mấy cây đèn dầu tròng theo dọc bến tàu.

Giọng hát ru em của Nhân buồn rười rượi, văng bay theo gió bên tai Vĩnh. Anh cắn môi, nhai nghiền đầu mẫu thuốc lá đang lóe cháy trong bóng tối đen đặc quẩn lấy mình. “Sao con bé mãi chẳng lấy chồng cho xong chuyện. Yêu mình làm gì, thêm bận bịu mình ra thế này!”.

Vĩnh vào nhà cai Cửu. Đây là sông bạc của cai Cửu mở ra lấy hồ bóc lột bọn phu mỏ và phu bến. Anh nào say gở, say đánh mà không có tiền thì hắt cho vay, rồi đến ngày lĩnh tiền, hắt sẽ trừ, tính thêm cả lãi. Có lắm anh, kỳ lĩnh lương không còn lấy một đồng xu.

Vĩnh thấy cái tai họa ấy đã khuyên nhủ anh em nhưng đó là một việc làm vô ích. Đêm mùa đông ở cái bến tàu hẻo lánh này, người ta, sau một ngày làm ăn cực nhọc nếu không đánh bạc thì cũng phải hút thuốc phiện, hay uống rượu cho say khướt mà thôi.

Bọn phu phen ở đây phần nhiều ở phương xa tới làm ăn, số đông không có vợ con gia đình. Họ chia nhau từng tốp ba bốn người dựng một cái lều trên núi hay dưới bãi, sống chung đụng với nhau. Ngày Tết họ bỏ lều không, kéo về quê hương, chỉ còn lại gia đình Vĩnh. Những ngày đó bến vắng tanh vắng ngắt, các ống khói ở trong sở mỏ, sở than không nhả một tia khói lên trời. Xa các bạn, Vĩnh một mình đi thần thơ dưới bãi, nhìn mấy con tàu đầy hành khách chạy ngoài sông. Ông cử thì tay chấp sau lưng, ngửa mặt ngắm những đám mây tan tã, ngậm ngùi nhớ tới quê nhà miền Kinh Bắc.

- Anh Vĩnh, lẻ rền luôn sáu tiếng rồi, đánh đi cho vui.

Cai Cửu, chiếc mũ chào mào úp lệch trên mớ tóc rối, mặt đỏ nhằng nhịt, mấy vết sẹo ghi rõ hình tích những nhát dao sâu lõm, sặc sụa hơi men quàng tay vào cổ Vĩnh. Hắn làm ra thân mật ghé vào tai anh:

- Đánh đi. Nếu không mang tiền thì tớ có sẵn đây.

Nói rồi, hắn móc ví, rút ra tờ giấy năm đồng, giúi vào tay Vĩnh. Vĩnh lắc đầu cười nhạt. Anh rẽ đám đông rào bước ra.

Thoát khỏi hơi người nặng nề hôi hám, và cái mặt gớm ghiếc kia, Vĩnh thấy nhẹ cả mình. Anh lại lủi thủi đi dọc theo bến, định xuống một cái bè quen nào ngủ qua đêm.

Bỗng có tiếng ai đó rú lên. Thì ra, trong lúc cắm cúi đi, Vĩnh đã vô ý chạm phải một người. Người đó đứng phắt dậy: một cô gái, Vĩnh móc túi lấy đèn bấm soi. Cô đang lúi húi buộc sợi dây thừng vào cái cọc gỗ lim trên bến để giữ thuyền khỏi bị sóng đẩy ra xa.

Cô nheo mắt trước ánh đèn sáng chói. Vĩnh đã kịp nhìn kỹ gương mặt xinh đẹp của cô. Thốt nhiên tâm hồn Vĩnh xáo động lên như gặp phải một sự lạ lùng tốt đẹp mà từ đâu kiếp trước anh mong đợi, và bây giờ đi đâu ấy trời đưa lại cho anh.

Vĩnh hỏi dịu dàng:

- Cô ở đâu đến chơi đây mà phải đi thuyền?

Cô gái trả lời, giọng êm mượt như gió thoảng:

- Em ở bên sông.

Vĩnh không biết nói gì hơn nữa; anh tắt đèn bấm, lặng im.

- ... Gió đêm thổi dữ, sóng mạnh như thế mà cô dám sang ngang với chiếc thuyền thúng kia à?

Cô cười tự nhiên, miệng cười xinh quá, xinh hơn Nhân nhi ầu.

- Gió thế này, sóng thế này đã thấm vào đâu ạ. Em là con nhà chài lưới, nếu thuyền có lật thì em bơi cũng được. Lướt sang em chở, lướt về đến phần anh em... Anh em vẫn đi nghề, ra biển hàng sáu bảy ngày đêm còn được nữa là qua một con sông lành này.

Cô ngừng nói, nhìn người đàn ông đứng trước mặt cô. Cái anh chàng điển trai này sao thoát nhìn đã thấy gần ngay. Cặp mắt to sáng ấy chứa đựng biết bao là ý tình êm dịu, vóc người và dáng điệu hiên ngang ấy hẳn là ấp ủ một tâm hồn mạnh khác người.

- Cô về đâu nhỉ?

- Em ở làng...

Cô nín lặng, ngoảnh nhìn lên bóng núi.

- Làng nào? Hình như cô muốn giấu tôi, tôi hỏi cho biết... khi nào tiện qua, tôi sẽ vào thăm các cụ nhà...

Cô e dè một lúc, rồi đáp nhanh:

- Em ở làng Sơn Hạ.

Sơn Hạ! Một tiếng sét bên tai Vĩnh. Bởi Sơn Hạ là một thôn vạn khuất nẻo bên kia sông, trai làng thì vừa làm nghề chài lưới, vừa làm nghề trộm cướp, gái làng thì dĩ thỏa, lẳng lơ, anh em trong họ cũng cứ hỗn dâm là thường.

Vĩnh khẽ kêu lên:

- Cô là gái làng Sơn Hạ thực à?

Bất giác, anh lùi trở lại. Không phải Vĩnh sợ cái tên ghê gớm đó như những người quanh vùng này vẫn sợ, anh chỉ thầm tiếc cho người con gái nhan sắc ấy mà sao lại sinh ra giữa cái làng bạo nghịch này. Như đoán biết ý nghĩ của Vĩnh, cô quắc mắt nhìn mặt anh.

- Ông khinh làng tôi lắm phải không? Cũng như bao kẻ khác. Tôi biết. Nhưng người ta không có quyền khinh như thế khi chưa dám đến gần.

Mặt đỏ bừng, cặp mày tơ liễu hơi xếch lên cau hằn lại, người con gái lúc này càng tức giận càng xinh đẹp, đẹp đến rợn người. Vĩnh thấy nhủn cả lòng, anh vội đáp:

- Không, tôi không hề cảm nghĩ như mọi người. Tôi tin rằng họ nhàn tít cả. Mà sao họ lại nổi đần đại ra như thế trong khi ở làng ấy có một người con gái đẹp tuyệt vời như cô...

Giọng nói êm ngọt, miệng cười có duyên của Vĩnh làm tan ngay cơn giận của cô. Vĩnh thân mật nói tiếp:

- Tôi có thể sang thăm các cụ nhà được không, cô cho tôi biết.

Cô gái cũng thân mật trả lời.

- Còn gì vui cho cụ em và anh em hơn nữa.

Cô quay lại trở tay về phía bờ sông xa.

- Kia kìa, nhà em ở dưới những bóng dừa cao vút. Sáng mai, em sẽ trèo lên buộc một tờ giấy hồng đi đầu vào một ngọn cây cao nhất để ông dễ tìm.

Vĩnh hoan hỉ, ghé gần tai cô gái:

- Tên em là gì?

Cô đưa mắt sắc như dao cau liếc anh chàng có giọng nói dịu dàng, vóc người gân guốc, đôi vai rộng.

- Tên em ông sẽ biết sau, bây giờ thì... kia kìa, anh em ở sông bạc đang ra đấy. Thôi em xin phép xuống thuyền. Xin ông tránh ra xa một quãng kẻo tính anh em khó chịu lắm, nhất là khi anh ấy vừa thua bạc.

Vĩnh quay lại phía nhà cai Cừ. Một người con trai cao lớn, tay cầm chiếc gậy vuông, tay kia xách chiếc đèn mỡ đang xăm xăm bước đến.

Vĩnh đứng lên, lấy thuốc lá ra châm hút. Người con trai nhìn Vĩnh, Vĩnh điềm tĩnh nhìn trả lại.

Giá không có cô em gái xinh đẹp ngồi dưới thuyền nhovn miệng cười với Vĩnh thì Vĩnh đã lảng lảng quãng anh ta xuống nước sông. Anh chàng thấy Vĩnh to lớn và ngang ngạnh thì cúi xuống cời sợi dây chèo buộc đầu cọc lim rỗ nhảy xuống thuyền đẩy ra khỏi bến.

Vĩnh đứng lặng nghe tiếng mái chèo khuấy trên dòng sông gió hút. Khi ngọn lửa đèn nơi tay cô gái đã thu dần dần lại bằng cái chấm đỏ ở tít đằng xa, anh mới thở dài, buồn bã, thấy rằng dưới trời khuya chỉ còn trơ lại một mình anh.

II

Vĩnh trèo lên con đường núi ở mãi tận trên cao. Nhà anh, ánh lửa vẫn còn le lói lọt ngoài cánh liếp. Đến gần, anh dừng gót bên một gốc cây mọc cạnh vách nhà. Anh ngối thụp xuống dưới cửa sổ con, rồi từ từ nhô đầu lên nhòm vào. Một bóng người cúi lom khom bên chum nước; tiếng bát đĩa kêu lạch cạch trong chậu sành mà bàn tay bà đồ run lẩy bẩy vì nước giá đang cọ rửa. Bữa rượu của ông đồ mãi đến tận canh hai mới xong. Bà đồ phải thức để hầu hạ ông chồng, để ngối nắm than trong khi ông đã ngậm cả que tẩm nằm lăn ra ngủ. Rồi giữa tịch mịch của đêm khuya, bà luôn ngóng chờ tiếng guốc của con. Đêm nào Vĩnh cũng la cà dưới bến, có khi ngủ nhờ nhà bạn, có khi ngủ nhờ dưới thuyền. Đêm mùa hè, anh nằm ngủ ngay trên bến, trên những tấm ván thuyền bắc làm cầu lên xuống.

Nếu quá canh tư mà Vĩnh chưa về, bà đồ lại phải cặm đèn xuống bãi tìm từ lâu này qua lâu khác, không thấy thì bà lại xách đèn lom khom đi suốt bến, hỏi khắp các thuyền bè. Bà chỉ lo Vĩnh quá buồn bực mà bê tha cờ bạc, lẫn vào những chỗ có bàn đèn, hay là quá chén mà ngã dúi vào một xó nào thì khốn.

Từ nãy, mắt Vĩnh mờ đi, nhìn theo bóng mẹ. Lòng Vĩnh xót xa khi thấy mẹ úp xong bát vào chạn, rón rén ôm cái chăn của bà đắp thêm vào mình ông đồ đang ngáy. Bà thổi tắt đèn. Vĩnh nghe tiếng chiếu sột soạt trong bóng tối: mẹ anh đã nằm xuống tấm ổ rơm, co quắp dưới manh chiếu rách. Có cái giường tre bà đã nhường cho chồng nằm, có hai tấm chăn bông cũ bà cũng nhường cả cho chồng đắp.

Lúc này, anh biết, mẹ anh tuy nằm đó nhưng vẫn còn mở mắt đợi nghe tiếng guốc của anh.

Nước mắt bỗng dưng giàn giụa, anh càng thương mẹ vô ngần, anh muốn lén ngay vào ngủ bên chân mẹ, song nghĩ đến ông đồ, anh lại cần

chặt môi, gục đầu vào thân cây. Anh khóc như một đứa trẻ còn thơ dại. Lời ông đồ sĩ vả anh giữa đêm khuya hôm anh ở nhà bạn, hay vui chơi trong quán nước về, lời ông nhieếc mắng tàn nhẫn mẹ anh khi ông quá chén lúc này lại như theo tiếng ngáy ở trong lều vắng đưa vào tai anh. Anh thấy anh không còn thể phục tùng người cha khó tính, cố chấp, rượu chè như vậy mãi, mặc dầu anh đã viện tất cả chữ nghĩa thánh hiền chứa trong đầu anh để dẹp lòng uất phần. Đã nhiều lần Vĩnh định bỏ nhà, nếu chẳng còn vương mẹ.

Tối nay, tránh cơn say của ông đồ, Vĩnh phải xuống bến đi lang thang dưới cơn mưa gió, và sự tình cờ dắt anh đến cô gái lạ kia. Men say của mối tình mới mẻ, lúc này sức nghĩ tới, làm anh rạo rức. Vĩnh bước đi, xa tiếng ngáy của ông đồ, xa cái gác bếp tối tăm trong đó người mẹ thân yêu đang nằm ngóng đợi anh.

Gió trên đỉnh núi rừng rợn rít từng hồi, quạt vào da thịt anh như những ngọn roi. Đến một túp lều bên khe núi, anh đứng lại. Đó là túp lều của người phu già vừa chết thương hàn được mấy hôm nay, bây giờ bỏ hoang không ai dám ở. Vĩnh bước vào, ngẩng xuống đồng rơm. Dưới chân anh, ở cái bãi tối mịt mù và rộng mênh mông kia, những ống khói của sở than, sở mỏ nhô lên trên những mái thấp đen sì nổi liền như bát úp. Đó đây có ánh lửa chập chờn; đấy là một hai sòng bạc mà bọn áo rách đang bóc lột nhau, và đấy là những hàng cơm mở gần tới sáng bán cho khách ở sòng ra, kẻ thua cũng như kẻ được, ăn cho no, nốc rượu cả chai để chờ rạng sáng lại đi làm.

Vĩnh nhìn sang ngôi làng xa tít bên kia sông. Những bóng dừa ở đâu, người con gái xinh đẹp ấy đang nằm ngủ say bên gốc dừa nào trong khoảng nước trời đen đặc tối? Vĩnh chỉ thấy ở ngoài biển, xa, rất xa, ánh

ngọn hải đăng sáng lập lờ. Lắng nghe tiếng sóng biển đêm vọng lại rõ hơn cả mọi đêm khuya khác, Vĩnh cảm tưởng trời đất đêm nay cao rộng hơn, người con gái mất hút vào trong đó, chẳng còn bao giờ thấy...

Chưa bao giờ Vĩnh phải buồn vì một người con gái bởi anh chưa khi nào thất vọng. Nhờ vẻ đẹp trai, miệng nói có duyên, lại có chút nho học, có sức khỏe, và nhờ tính nết ngay thẳng khí khái, Vĩnh đã được hầu hết cô gái ở bên này yêu mến. Thường ngày Vĩnh ít nói cười là tại anh buồn vì cha, thương mẹ già cực khổ. Thực ra Vĩnh là người vui tính. Hôm nào được thư thái, anh cất tiếng ca hát thì các cô gái đang ngẩn ngơ sẩy thân ngồi trên bến đầu ngẩng lên nhìn, lắng tai nghe. Tiếng hát ấy cũng giúp sức cho những cánh tay rắn khỏe của các bạn anh đang cùng lưng đẩy những xe goòng chạy rầm rập trên đường sắt.

Vậy mà đêm nay, Vĩnh đã tê tái buồn vì cô gái bên sông. Cô gái làng Sơn Hạ! Cô gái đã dám chở con thuyền thúng nhỏ đề ngang sóng mạnh qua sông dưới trời khuya mưa gió. Cô gái đã cười bảo anh rằng “Nếu thuyền có lật thì em bơi”... và cô cũng ngỏ tình cảm với anh, nếu không, sao cô lại hẹn “ngày mai, em trèo lên một cây dừa cao nhất, buộc một tờ giấy hồng đi đầu cho ông dễ tìm thấy nhà”. Vĩnh nhủ lòng: “Sao người con gái ấy lại sinh ra ở làng Sơn Hạ! Một làng ăn cướp!”. Sơn Hạ, đó là một địa danh heo hút mọc lên không biết tự thuở nào trên con bờn^[3] dài rộng giữa ngã ba sông lớn thông ra cửa biển Đông. Dân thôn xóm đất liền xưa nay vẫn coi Sơn Hạ là hoang đảo, ít khi tiếp xúc. Người lương thiện không mấy ai nói đến nó, hoặc có nói thì cũng bằng một giọng rẻ khinh. Nhưng đi đâu đó không hề làm suy giảm tình yêu trong lòng Vĩnh lúc này. Anh muốn yêu một cô gái khác thường, một mối tình liêu lĩnh, dù rằng anh hình dung cô gái xinh tươi ấy đã nhiều lần cầm vũ khí đi cướp bóc ở một làng nào đó, đã xông xáo chém đứt một cánh tay, một cái đầu, đâm thủng bụng kẻ này,

xuyên ngấp lửng kẻ khác. Cái bàn tay thon nhỏ ấy đã múa lượn dao sáng loáng đỏ máu người. Cái bàn tay ấy vừa rồi đã dịu dàng giơ tay lên vuốt mấy sợi tóc mai bay trên làn da mát mịn, đã như con bướm nhỏ ngoan ngoãn nằm trong bàn tay rắn chắc của anh tối trước, khi cô bước xuống thuyền.

Vĩnh nhìn xuống quán nước của mẹ con Nhàn. Người con gái lành hiên ấy cũng có cặp mắt bồ câu, miệng cười tươi tắn, đôi bàn tay mềm mại, trắng muốt lành hiên như tất cả đức hạnh của cô. Bàn tay hiên dịu ấy, lúc nào Vĩnh đi qua, cũng nựng vỗ đưa em nhỏ trong lòng, hoặc tèm trầu mời anh. Mối đêm nào chớm rét, bàn tay ấy đã vá áo cho anh.

“Nhàn ơi!” - Tên cô gái lành hiên gợn rung trong tâm tưởng Vĩnh như cơn gió bắc. Anh tự trách lòng tại sao lại hững hờ với Nhàn. Còn mấy cô gái khác: Hiên, Thoa, Cúc, Lộc, họ cũng yêu anh lắm mà anh có thực tình lưu ý đến họ đâu. Có lẽ tất cả tâm tình thầm kín, mạnh mẽ ở lòng anh, anh chờ đêm nay sẵn sàng dâng cả cho người thiếu nữ xa lạ ấy. Anh cho là duyên số, và anh thấy rằng cuộc đời anh cũng từ đêm nay phải thay đổi ít nhiều.

Vĩnh ngả lưng xuống nệm rơm, mệt mỏi, thiu thiu ngủ.

Mờ sáng, mở mắt ra anh đã thấy mẹ ngồi bên cạnh. Bà nhìn con, lắc đầu.

- Con cứ ngủ xó xỉnh thế này à, ngộ cảm chết còng queo ra thì mẹ biết làm sao. Về ăn cơm, rồi còn xuống bên làm. Bố mày đã thức dậy đâu. Đây, mặc thêm áo vào. Cứ cây khỏe mà phong phanh thế, ho thì lại khổ mẹ thôi.

Vĩnh đỡ cái áo vàng ở tay bà đồ. Anh vờ cúi đầu cài khuy áo cho bà khỏi biết mắt anh đang ướt. Anh đi sát vào bên mẹ. Bà đồ xuýt xoa, lập cập dẫm đôi guốc mòn lên những hòn đá vụn.

Vĩnh nhìn làn khói trắng ở mái bếp nhà anh đang bốc lên cao, loãng dờn trong gió.

Còi tằm vừa dứt. Vĩnh xuống bờ sông rửa mặt, chân tay bám đầy bụi than. Buổi trưa nay mưa phùn đã tạnh. Trời khô hoe hoe nắng, mù núi đã tan, nước sông chảy êm đềm. Vĩnh nhìn ra cù lao nhỏ ở xa xa. Thốt nhiên Vĩnh reo lên một tiếng. Mắt anh rực sáng. Thái độ ấy khiến Lũy, bạn anh, phải ngạc nhiên, ngẩng đầu lên hỏi:

- Cài gì vậy, Vĩnh?

Vĩnh không trả lời. Anh đắm đắm nhìn một ngọn dừa trên dải cù lao xanh, có một tờ giấy hồng đi đầu bay phấp phới.

Tâm hồn Vĩnh bỗng dựng xao xuyên tưởng như mọc cánh bay ngay đến đấy. Cô gái làng Sơn Hạ đã giữ lời hẹn ước, đánh dấu nhà cô cho anh dễ kiếm tìm. Vĩnh sung sướng thấy mình được yêu. “Chắc người ấy đang mong mình lắm”. Nghĩ vậy, lòng Vĩnh càng xao động, tươi tỉnh thêm ra. Chưa có cuộc đắc thắng trong tình yêu nào làm cho anh xúc cảm đến mức điên rồ lên được như cuộc đắc thắng này. Chiếm được tình yêu cô gái lạ kia, anh chưa hề phải tốn công, anh chưa từng phải chờ đợi, kết quả tới mau chóng quá đến nỗi anh tưởng người đẹp bên sông ấy cợt đùa anh.

Nhưng lúc này Vĩnh muốn tin tưởng hơn là ngờ vực, mặc dầu cái tên “cô gái Sơn Hạ” vẫn làm rờn rợn lòng anh. Đây là một cuộc chơi dao sắc,

không phải là yêu một cô gái nhà lành, ngoan ngoãn như Nhàn. Anh biết thế, song dải giấy hồng đi đầu trên ngọn dừa xa xa bay rướn lên theo gió, tựa hồ vẫy gọi anh sang. Vĩnh đâm mạnh vào lưng Lũy, làm cho anh này ngã lộn đầu xuống nước. Anh ta ngoi lên nhìn theo Vĩnh, miệng há hốc, lẳng lẳng cúi xuống vượt nước trên đầu tóc. Vĩnh lao mình chạy trên bãi, nhảy qua cả những xe goòng. Thấy anh bỗng vui vẻ thế, mọi người cười rộ cả lên. Vĩnh cũng cười theo, âu yếm nhìn các bạn.

Thuyền ra giữa sông. Vĩnh chèo mãi miết. Mắt anh ngắm thẳng vào tờ giấy hồng đi đầu bay phấp phới, mỗi chốc mỗi gần thêm. Da thịt nóng bừng, anh không còn biết rét. Con thuyền mỏng mảnh chồm lên chúi xuống trên làn sóng, trườn nhanh, nước bắn cả vào lòng thuyền.

Gần hơn, gần hơn nữa, thuyền Vĩnh đã sắp tới rừng dừa. Bao nhiêu sức mạnh dồn cả vào đôi cánh tay to bắp. Vĩnh lướt mái chèo. Tim anh cũng đập rộn theo sóng vỗ. Đôi cánh tay anh chọt như mền lại. Mái chèo sững yên dưới nước. Anh chăm chú nhìn về phía cô gái dáng hình thon thả, khuôn mặt trái xoan, cặp mắt dài hơi xêch đen lanh lảnh, làn môi mọng hé ra, lộ hàm răng trắng muốt. Cô đứng tựa vào một thân cây dừa, giơ tay vẫy. Mái chèo lại mạnh mẽ khuấy dòng nước xám xanh, mũi thuyền xé sóng vút nhanh hơn trước. Thuyền đã lách vào khóm sậy.

Vĩnh nhảy lên bờ. Cô gái vẫn đứng yên, tình yêu trong sóng mắt - đôi mắt sắc như dao cau, đôi mắt đẹp hơn đôi mắt của Nhàn. Vĩnh nắm chặt hai bàn tay cô. Quanh đảo dừa, gió hú. Lá dừa quất vào nhau sần sật. Dải dây lưng màu cánh chả của cô gái cũng múa bay lên.

- H ấ chờ anh lâu quá. Em nói dối anh Phiên em là em đi chợ, để ra đây đứng ngóng anh. Anh chờ thuy ền nhanh nhĩ. Nhanh hơn cả anh Phiên em đấy. Hôm nay biển lành. Anh Phiên em vừa mới cùng các anh trai đảo rủ nhau đi ngh ề, có lẽ dăm hôm nữa mới về Em đã nói trước với th ầy em, hôm nay anh sang chơi...

Hai người đi bên nhau, len lách qua những gốc dừa cao vút, rợp bóng xanh. Lá reo trên đ ầu, cỏ mềm nép dưới chân.

- Kia, nhà em đây r ấ.

Nhà H ấ là một gian nhà xinh xinh, bên một gốc đa cổ thụ. Ngoài có dậu nửa đan cánh sẻ bao quanh. Trong vườn tr ồng hoa, rau cải, su hào. H ấ mời Vĩnh vào sân. Thấy một cụ già ng ấ vá lưới, Vĩnh đưa mắt hỏi H ấ. Cô khẽ nói:

- Th ầy em đấy.

Nói r ấ cô lùi lại rẽ vào bếp. Vĩnh bối rối chưa biết khi đến trước ông già, anh sẽ tự giới thiệu thế nào. Nhưng ông cụ đã ngừng tay kim, gặt đ ầu, hi ền từ nhìn Vĩnh.

- Mời cậu vào chơi trong nhà.

Nghe giọng nói dịu dàng của ông già, Vĩnh thấy yên lòng.

Anh theo ông vào ng ấ trên chiếc giường tre, dưới chiếu trải ổ rơm. Ông ng ấ xếp bằng tròn, nạp thuốc vào điếu, hai bàn tay xương xẩu run run gí đ ầu que đóm vào ngọn đèn con, mắt mở to nhìn cho rõ ngọn lửa đèn bé bằng hạt đỗ. Làn khói trắng che mờ mái tóc bạc và khuôn mặt quắc thước đen sạm của ông già. Ông tr ầm ngâm, chờ cho khói thuốc tan đi mới

từ từ với tay nhắc cái khay chén trên bàn thờ xuống, cầm mảnh vải đi lau từng cái chén.

Cử chỉ chậm chạp của ông lúc này trái hẳn với vẻ niềm nở lúc Vĩnh mới vào sân, khiến Vĩnh lại hồi hộp, lo lắng. Anh đưa mắt ngắm quanh nhà. Trên hai cột giữa treo một cây đàn nguyệt, một ống tiêu. Mặt vách chỗ nào cũng toàn là câu đối Hán tự viết lối đa thảo, gân guốc, bay bướm. Anh lăm lăm đọc từng bức một. Văn hay ý đẹp khiến anh thích chí, bất giác cúi đầu khẽ rung mà anh không biết.

Hồi ở dưới bếp lên, nhẹ nhàng bước đến sau lưng Vĩnh, hai tay đưa cha ấm nước sôi. Thấy Vĩnh rung đùi hết một thư sinh thời nghiên bút, cô suýt bật cười. Vĩnh giật mình đưa mắt nhìn Hồi. Má cô, ở bếp ra, đỏ hồng hồng và đôi mắt thêm đen lánh.

Cô cúi đầu đưa tay che miệng rồi lặng lẽ bước ra sân. Vĩnh ngượng ngịu, mặt anh cũng đỏ bừng.

Trà đã ngấm, ông già rót nước ra chén. Lúc này ông mới để ý ngắm người con trai lạ ngồi trước mặt. Vĩnh ngượng ngịu thêm, anh vờ ngoảnh mặt nhìn bức hoành phi treo bên gian hữu.

Ông già nhẹ gật đầu. Trong khi để ông già ngắm diện mạo mình, Vĩnh đã tự tin dù khó nết đến đâu ông cũng không chê anh được. Buổi trưa, nhìn thấy tấm giấy hồng điệp bay phấp phới trên ngọn dừa anh đã chạy như bay đến nhà người bạn hỏi mượn bộ cánh trắng vào, cũng không quên đến bác thợ cạo già cắt tóc cạo râu. Chị Năm, vợ bạn anh, cười với chồng, khen rồi rít: “Khuôn mặt bác Vĩnh hồng hào, vuông vắn, thành ra đội chiếc khăn của nhà tôi đẹp lắm. Chứ nhà này mặt quắt lại đen, đội xấu lắm là.”

Cặp áo the bác Vĩnh mặc thì vừa vặn, nhà này mặc thì dài rộng quá! Gớm, con nhà Nho có khác, thắng bộ vào thế kia thì gái nào chẳng bỏ nhà theo”.

Ông già nhấc chén trà mời Vĩnh:

- Cậu xoi nước đi cho nóng.

Vĩnh lễ phép đỡ chén nước của ông đưa. Ông nhấp từng ngụm nhỏ, chậm rãi nói:

- Con em H ỏi nó đã nói chuyện với tôi về cậu. Nó tin chắc hôm nay thế nào cậu cũng sang chơi. Ấy, lúc sáng thấy chim khách hót ngoài bụi trúc, tôi cũng đoán ngay là có khách. Thế nào, cụ cử bên nhà có mạnh không. Cụ vẫn làm thơ như thường đấy chứ?

Vĩnh ngạc nhiên:

- Bẩm, cụ cũng biết thầy con?

Ông già vuốt râu cười:

- Tôi thường nghe người ta nói bên bên có cụ cử thơ hay, chữ đẹp. Tết năm nay tôi định sang mừng tuổi cụ, xin bức đại tự treo nhà. Bình sinh, tôi chỉ thích chơi câu đối, cậu ạ. Nhờ tổ ấm khi xưa, tôi cũng được đôi năm đèn sách, nhưng rồi cũng chẳng nên công cán gì. Con em H ỏi và thằng anh Phiên nó, tôi vẫn bắt học khi nào rảnh rồi, song chúng tối dă lắm, học đâu bỏ đấy ngay. Thấy em nó nói cậu có lòng mến em, mến tôi mà hôm nay sang chơi, thực bụng tôi rất mừng. Ở cái đất làng này, nói nhỏ riêng với cậu, con trai con gái chẳng ra sao cả. Tôi vẫn buồn phiền lắm. Nay được cậu thỉnh thoảng có thời giờ sang đây làm bạn với hai em, dạy bảo cho hai em mỗi khi dăm ba chữ, thật là quý hóa. Tôi bây giờ yếu rồi, lẫn cấn rồi,

sinh lười cậu ạ. Ở gần sông, gần biển rét lắm, cứ ốm đau luôn. Hễ trời ấm ráo như hôm nay mới ng ẩ dậy được, cất nhắc một vài việc cho giãn tay chân một chút.

Những lời thân mật của ông cụ làm cho Vĩnh cảm kích, mừng vui. Anh biết những lời lẽ ấy cũng đã lọt vào tai H ỗ đang đứng nghe trộm đằng sau vách, vì thỉnh thoảng anh nghe thấy tiếng động.

Vĩnh kính cẩn đáp lời ông già:

- Mới buổi đầu cụ đã thương con như là con cháu trong nhà, không còn gì may mắn cho con hơn.

Anh ngừng lại, bởi anh ngượng ngịu vì câu anh sắp muốn nói ra. Trong khi ấy anh thò ngón tay út vào chén nước, cời ra một con ru ồi mới sa vào.

- Thưa cụ lát nữa về, con sẽ thưa chuyện với th ầy mẹ con để th ầy mẹ con có lời sang thưa cùng cụ.

Ông già rót nước vào chiếc chén khác, mời anh.

- Cậu xơi đi. Cái con em H ỗ nó ướp nhiều hoa sói vào trà, thành ra uống nước đầu, hương nồng quá. À thế nào, những vế chữ này, cậu thấy có tạm được không? Cứ hôm nào con em H ỗ đi chợ, thằng anh Phiên đi biển vắng, ở nhà một mình buồn, tôi lại viết nhảm nhí chơi. Gân tay yếu rồi, chữ trông run lắm nhỉ?

- Thưa cụ, câu văn nào cũng rất chỉnh, điển cố dùng rất đắt. Còn bút pháp thì con thấy thực là già, mạnh. “Bút linh diện nhập thần”. Có thần trong nét chữ, thưa cụ.

Ông già vuốt râu, khà một tiếng, ngửa mặt nhìn người khách trẻ, biểu lộ tình cảm trìu mến.

Có một bóng người qua ngoài cánh gai. Vĩnh nhìn ra. H ồi đứng giữa sân, tay bung chiếc rá. Bỗng ở đâu kéo tới một đàn ngan trắng kêu vang, xúm xít dưới chân H ồi, tranh nhau những hột cơm, hạt thóc mà cô đang rắc xuống. Mấy con b ồ câu trắng trên mái rạ bay sà xuống đậu vai H ồi, r ồi bay tản ra các góc sân.

Vĩnh say sưa ngắm cô gái đẹp giữa đàn ngan trắng, b ồ câu trắng. Anh cảm thấy đó là một bức tranh tuyệt đẹp.

Ông già khẽ gọi:

- H ồi à, con liệu làm cơm khách nhé. Ra chợ xem có cá mè tươi mua về làm gỏi. Hôm nay ấm trời, ta đánh chén với gỏi cá thì tốt lắm, phải không cậu?

Vĩnh chưa bao giờ cảm động sung sướng bằng lúc này, có lẽ là lần đầu trong cả cuộc đời anh. H ồi đã cấp rở ra ngoài ngõ. Anh liếc trông theo, thấy H ồi ngoảnh lại nhìn anh miệng cười chúm chím.

III

Lấy cho tôi chai nữa, cô Nhàn!

Vĩnh đặt mạnh vỏ chai xuống chõng. Mắt anh đỏ ng ầu.

Nhàn ng ồi nép bên cái tủ nhỏ và cồng nước trà tươi, rung rung đưa em nhỏ trên tay đang khóc.

- Thôi, anh Vĩnh, say r ồi đấy, về mà nghỉ.

Vĩnh quay nhìn ra ngoài dòng sông tối, giọng anh thấp xuống như nói với ai kia đang mong chờ anh ở bên sông.

- Tôi không về, không bao giờ tôi còn về nữa. Có lẽ tôi sẽ phải bỏ nhà bỏ cửa mà đi...

- Đấy, anh Vĩnh, say thực rồi. Về đi kéo cụ bà lại phải xuống tìm. Trời rét mướt...

Vĩnh gục mặt vào lòng bàn tay, tóc anh rũ rượi. Anh lầm bầm:

- Cơ sự thế này thì tôi đến phải bỏ nhà mà đi mất... Ai lại mắng chửi mình, xô đuổi mình như con vật...

Hớp rượu cuối cùng chưa kịp nuốt đã sặc, rồi thì nôn thốc nôn tháo, Vĩnh ngã đầu tựa vào cột tre, mắt nhắm nghiền.

Một lúc, mở mắt, anh thấy Nhàn đứng đắp chiếc khăn dúng nước nóng vào trán anh. Vĩnh nắm lấy cổ tay Nhàn, giọng anh mệt nhọc:

- Cô Nhàn!

- Dạ...

Nhàn không rút tay lại, má đỏ bừng, cúi nhìn xuống đất. Vĩnh kéo Nhàn sát lại gần.

- Tôi cảm ơn Nhàn...

Cổ anh nghẹn lại. Anh nhớ đến những lần ông bố quá say, mẹ anh cũng sợ hãi đắp khăn nóng vào trán ông như thế này. Anh nhớ đến vẻ mặt buồn phiền và đôi mắt chứa đầy thương xót của bà nhìn cha anh, rồi bà buồn

phiền cúi xuống, cũng như Nhàn... Nhàn lúc này đây, sắc sảo anh như một người vợ, cũng có vẻ mặt sần khở và đôi mắt ướt lóng lánh nhìn anh vô cùng thương cảm. Anh siết chặt hơn cổ tay Nhàn:

- Tôi cảm ơn Nhàn lắm...

- Có gì đâu ạ, anh Vĩnh!

Hơi thở Nhàn rộn lên vì xúc động. Bỗng Vĩnh rời tay Nhàn ra, gọi một cái bóng vừa thoáng qua ngoài bến tối:

- Lũy! Xuống thuyền chờ tôi nhé!

Anh đứng dậy, chụp chiếc mũ nỉ bắn thủ lên đầu, lảo đảo bước ra.

Nhàn lắc đầu chán ngán. Cô thu hàng, khép tấm gai, trèo lên ghế thổi tắt đèn.

Lũy khép ván cửa khoang thuyền cho đỡ gió. Rồi anh thổi mõ rơm châm đèn, rít một hơi điếu cày. Khói tỏa lên, lớn vờn động trên vòm mũi nứa. Sóng vỗ óc ách. Thuyền khẽ tròn trành như ru. Vĩnh nằm yên, mở to mắt nhìn vào mặt Lũy. Anh này đưa bàn tay sần sùi gãi cái sẹo ở cằm. Lũy kể:

- Ngày bé, đã có lần tôi theo mấy người anh em sang Sơn Hạ. Bên ấy mở hội to, người các làng vạn quanh đấy kéo nhau đến xem đông lắm. Những kẻ dám đặt chân vào đất Sơn Hạ ấy thấy đâu là những tay chơi liều lĩnh và cần nhất là phải giắt dao trong mình.

Tôi nhớ rằng, sợ không được đi, tôi đã lên xuống thuyền trước, cây ván chui xuống nắp. Khi đến Sơn Hạ, chờ cả bọn lên bờ rồi, tôi mới chui lên đuổi theo sau. Lúc này, thấy tôi, họ chỉ trợn mắt nhìn, đành cho theo vậy.

Chúng tôi đứng xem họ đấu vật. Tôi còn nhớ rõ mồn một cái gã đô vật của Sơn Hạ to lớn lạ lùng, gã đã thắng tất cả đô vật khác trong mấy ngày liền. Gã ta thách đô vật các nơi xem ai dám đấu tiếp. Có một người cũng to lớn chẳng kém gì gã ta xông vào. Mọi người đứng xem thì thán bảo nhau đó là một tay thuyền chài ở vùng khác, vật có tiếng xưa nay. Rốt cuộc, gã đô vật làng Sơn Hạ bị thua. Lúc sắp tối, chúng tôi đang ngỗ uống rượu trong quán, cô con gái bà hàng chạy về cười rú lên báo tin ngoài rừng dừa mới có một cái xác lòi cả ruột. Cô ả thản nhiên nhổ cốt trầu rồi tiếp: “Đó là xác tay đô vật thuyền chài bị anh đô vật làng Sơn Hạ mình giết đấy!”.

Ăn uống xong thì sắp tối. Chúng tôi vào đình. Mới bước đến sân đình, tôi đã sồn tóc gáy vì thấy những cây thiết lĩnh, giáo mác sáng loáng cắm trên hai giá tre bày hai bên, dưới những lá cờ ngũ hành xanh đỏ. Bọn tuần tráng anh nào cũng khỏe mạnh đi đi lại lại. Trong đình, ở hai gian bên có mấy đám thò lò, xóc đĩa. Tiếng cười thét ầm ầm như chợ vỡ. Thỉnh thoảng lại có cuộc đánh nhau; con gái, trẻ con chạy ùa cả ra ngoài. Giữa đình, phường chèo đang hát. Phường hát này mà dám nhận đám ở đây chắc cũng phải là một phường hát có gan, tay trùm cũng phải là tay ăn chơi giỏi võ.

Có một người kể chúng tôi nghe: “Một năm, phường hát này có cô đào đẹp lắm. Anh con trai một ông vạn ngõ nghịch, võ nghệ giỏi xưa nay, chòng ghẹo cô đào hát. Bố cô đào đánh ngay con trai ông vạn ở giữa đình. Anh trai này bị thương, nhưng anh ta không tính việc báo thù. Sáng hôm sau anh làm cơm rượu ra đình mời cả phường vào thết đãi. Từ đấy, phường hát

này được trai làng Sơn Hạ phục và cũng từ đây hẳn có hội hè đình đám là thường lại được dân Sơn Hạ đi mời.

Chúng tôi ra đám hát trống quân. Gái làng này đẹp lắm, cô nào hát cũng hay. Trai trong làng, trai các nơi, hẳn anh nào hát thua thì bị các cô làm cho xấu hổ, cho nhục nhã. Các cô bảo trẻ con lên vào đứng sẵn sau lưng, anh nào thua, tức thì chúng đổ ngay nước tiêu vào đầu, vào quần áo. Mà anh nào thắng thì có thể bế xốc ngay cô gái lên đùi, cũng có thể dắt cô ấy vào rừng dừa, ra bờ sông, vào ruộng rau, cắt tà lá chuối trải xuống đất thay manh chiếu.

Cái trình bạch của các gái tơ làng Sơn Hạ không có nghĩa lý gì. Kể cả đàn bà có chồng có con rồi, trình tiết, họ không cần giữ. Chỉ chết những thằng đàn ông. Anh nào bị phỗng tay trên thì lẳng lặng đến nhà hàng nốc cho say, rồi tìm bác thợ rèn cuối chợ, mua một con dao nhọn sắc. Công việc tính toán với nhau rất chóng. Một cái xác buộc vào hòn đá vất ra sông, nó sẽ từ từ trôi ra biển.

Một đêm hội hè vui vẻ, một đêm trai gái mặc sức nô đùa, vài ba cái xác trôi đi là thường lắm. Trong khi ấy thì những cặp nhân tình cứ tự do dắt nhau đi dưới ánh trăng, ra rừng dừa, ra vườn rau, ra bờ sông, trải tà lá chuối xuống nằm, trải ngay trên miếng đất còn ướt máu, còn vài ngón tay bị chém vương vào chân cỏ. Án mạng trên cái đất Sơn Hạ này, ngày thường cũng như ngày hội, xảy ra nhanh chóng, dễ dãi như là ta nhai dập một miếng trầu. Cái xác buộc vào hòn đá nặng cứ việc trôi ra sông ra biển, để cá nó ăn cho béo. Mà cá béo thì lại lọt vào lưới của chính những kẻ đã giết người, không cần hối hận. Họ đem cá đi bán cho cha mẹ, vợ con những kẻ xấu số đã nằm trong bụng cá kia. Quan không làm gì họ, bởi

huyện ở xa, phủ ở xa. Đến nơi thì tang tích không còn. Thực ra, quan cũng ngán, chẳng muốn dây vào làng hủi”.

Nhưng đó là làng Sơn Hạ mười mấy năm về trước. Bây giờ, anh Vĩnh ạ, tôi chắc dân đã khá thu ần r ồi.

Một đi ều ta nhận thấy là từ khi anh đến ở bên này, có nghe thấy nói làng Sơn Hạ đi cướp bóc ở đâu chưa? Có thấy một cái xác trai gái nào tr ần tru ồng giạt sang bên này không? Xưa kia chính mắt tôi luôn thấy. Đã một lần, tôi ra đây vo gạo, thế nào mà đặt ngay cái rá lên mớ tóc nổi l ềnh b ềnh.

Lũy cười phá lên, cái miệng đã méo s ẵn của anh ta x ểch h ằn sang một bên, má đ ầy những hột cơm, s ẹo nhỏ.

Vĩnh không cười. Mặt anh đ ượm một nỗi bu ồn th ậm kín.

Lũy thấy Vĩnh không cười thì ng ẩn mặt ra. Anh nói:

- Có phải thế không? Tôi cũng nghe đ ồn bên Sơn Hạ, mấy năm nay, người ta gi ẫy cả vườn hoang để cày cấy. Một nửa dân làm ruộng, một nửa dân vẫn theo nghề chài. Thỉnh thoảng con trai bên ấy chẳng sang đây mua than bán cá là gì đấy. Họ cũng lương thiện y như chúng mình. Thí dụ anh chàng đêm nọ vào đánh bạc trong sòng bạc bác Cai, d ắt theo một cô gái xinh xinh ấy. Vĩnh còn nhớ chứ? Anh ta lành ra phết, thua sáu bảy đ ồng mà chẳng c ầu k ỉnh gì. Thế mà bây giờ người ta vẫn khinh ghét làng Sơn Hạ. Ai cũng yên trí ở Sơn Hạ trai thì ăn cướp, gái thì làm đĩ, loạn dâm. Cái miệng người đời chó l ắm!

Lũy thở kh ỏi thuốc l ào, d ụi mạnh tàn đóm xuống s ạp thuy ền. Đoạn anh nằm xuống, kéo chiếu đắp cho bạn và đắp cho mình.

Lát sau, anh ngoi đầu lên khỏi mép chiếu, giọng chán nản:

- Vĩnh ơi, thế anh có hết lòng giúp tôi cái việc hệ trọng nhất đời đó không?... Cái việc Nhân ấy mà...

Vĩnh ngẩng lên, âu yếm vỗ vào đầu Lũy:

- Tôi giúp anh. Anh có thể tin chỉ từ giờ đến Tết, Nhân sẽ là vợ anh. Cứ cố dành tiền đi, rượu ít chứ.

Lũy vẫn chán chường:

- Ít lâu nay tôi sinh ra rượu chè là tại tôi rất buồn vì Nhân. Cô ấy không yêu tôi, có thể nói cô ấy ghét tôi. Tôi biết mình xấu xí, chẳng bằng ai, nhất là chẳng bằng anh. Nhân mê anh lắm, tôi biết. Tối nào tôi cũng phải đi qua nhà Nhân, chứ không dám vào. Vào thì ra về thêm tủi, lại phải nốc thêm dấm cút rượu nữa mới đặt mình ngủ được. Ban nãy tôi đứng bên ngoài, nhìn Nhân chườm khăn nóng vào trán anh. Giá Nhân làm thế cho người khác thì tôi đã xông vào, nhưng Nhân sẵn sốc anh là đáng lắm. Đã có lần tôi khổ sở quá, uống cả một chai trước mặt Nhân, rồi gục xuống. Thế mà Nhân cứ mặc xác tôi nằm đấy. Như vậy anh bảo tôi còn hy vọng nổi gì?

Lũy gằn như muốn khóc. Vĩnh ấn đầu bạn xuống mỉm cười:

- Anh cứ tin lời tôi. Tôi chắc mai một anh sẽ được ngẩng nói chuyện với Nhân.

Lũy thò tay ra ngoài chiếu, giờ lên một chuỗi dây xà tích bạc.

- Đây này, tôi đã nhện may áo, mua cái này định biếu Nhân. Nhưng gặp Nhân, tôi lại hẫ hẫ... thế rồi thì không dám bỏ ra, không dám nói câu gì

cả.

Vĩnh bật cười thương hại bạn:

- Sáng mai anh đem bán lại nó cho hàng bạc, lấy tiền may áo rét, hay bỏ ống để mai một mà mua trầu cau.

Vĩnh kéo chiếu lên đắp kín đầu Lũy, rồi anh với tay ra mở cửa thuyề. Đêm nay, ánh trăng mùa đông lạnh lẽo rải trên sông, trên bến. Nhìn tảng đá bên đường goòng Vĩnh nghĩ đến tối qua anh ngỏ lời xin cha mẹ cho anh lấy H ấ. Ông cử thét: “Mày mà lấy nó thì tao từ. Tao như thế này mà lại đi thông gia với quân kẻ cướp à? Tao còn sống đây, lại để mày mang con giặc cái ấy về nhà này ư? Giấy rách phải giữ lấy lề. Mình tuy nghèo khó, nhưng ở cái bến này ai cũng có lòng kính nể. Nay mày rước đưa con gái ở cái làng ăn cướp ấy về làm dâu tao, thì phỏng mày định bôi tro trát trấu vào mặt bố mẹ mày ư?”.

Anh đã đau đớn, tức giận đến nỗi không sao nhịn được: “Ấy là thầy chỉ nghe người ta đồn đại những tiếng xấu cho cái làng ấy mà thôi. Hiện giờ, người ta cũng làm ăn lương thiện như mình. Cha anh cô ấy cũng có chữ nghĩa như mình, cô ấy cũng lành hiề trong sạch như là mẹ con...”.

Ông Cử vợ lấy cái chén ném vào anh, ông thét: “A, thằng này hỗn láo! Mày ví những quân ăn cướp với cha mày, so sánh con đĩ với mẹ mày”.

R ấ ông bước xuống giường, kéo tay anh ra cửa. Bà cử cuống quýt níu lấy áo ông: “Thôi, tôi lạy ông, con nó đại ông để tôi bảo nó...”. Nhưng ông hất tay bà ra, ông lôi Vĩnh xuống bến. Đến cái tảng đá bên đường goòng, ông đẩy Vĩnh ng ấ xuống đấy, chỉ tay ra ngoài biển mịt mù: “Tao nói cho mày biết, bao giờ ngọn hải đăng kia tắt, tao chết, thì mày muốn làm gì mặc

ý mây. Chứ ngọn lửa ấy còn, tao còn, thì tao quyết không cho mây lấy con giặc ấy. Tao để mây ng ửi trên hòn đá này suốt đêm nay mà ng ắm”. R ồi ông lại trèo lên dốc núi. Vĩnh một mình gục đầu xuống cánh tay.

Vĩnh lắc đầu, cay đắng nghĩ đến lời ăn tiếng nói của người cha. Anh trông lên chân núi, gian nhà anh lơ mờ dưới ánh trăng khuya, trong đó người mẹ già đang khóc vì anh.

Tỉnh sương, Vĩnh đã sang Sơn Hạ. Phiên, anh H ồi, đang cuốc đất trong vườn rau, bước ra ni ềm nở đón anh. Vào giường ng ửi, đã uống hết hai chén trà mà chưa thấy tiếng H ồi, anh băn khoăn nhưng hỏi thì không dám. Ông già cũng vừa ngủ dậy, từ trong buồng bước ra. Trông thấy anh, ông có vẻ bằng lòng lắm. Có tiếng cười của H ồi ngoài ngõ. H ồi bước lên thềm tình cờ thấy Vĩnh, mặt cô ửng đỏ. Có lẽ H ồi mừng th ăm, nghĩ hôm nay Vĩnh sang sớm thế, chắc là để báo cho mình một tin mừng.

Phiên tỉnh ý mỉm cười, hỏi cho em đỡ thẹn:

- Cô ra chợ mua gì thế?

- Em mua một cái gương. Nhà chả có cái gương nào, em cứ phải đội khăn mờ, có soi thì lại ra chum nước.

- Em tôi dạo này sao hay làm dáng thế! Đưa anh coi gương có đẹp không.

Xem gương r ồi, Phiên cười, nhìn em bảo:

- Chiếc gương sáng quá! - Và quay lại cười với Vĩnh - Chú Vĩnh ạ, em tôi về việc mua bán thì kén chọn sành sỏi đáo để, chẳng mấy khi bị hớ đâu.

Má H ồi lại thêm ửng đỏ. Vĩnh đưa mắt nhìn H ồi. Cả hai cùng hiểu ý nghĩa câu nói của Phiên. Lúc này Vĩnh thấy quý người con trai ấy quá, muốn nắm lấy bàn tay Phiên thật chặt.

Một lát sau, Vĩnh bấm Phiên ra vườn. Vĩnh thú thật việc cự tuyệt của ông bố, giọng anh thành thực, đau buồn. Phiên cắn môi dưới, lắc đầu. H ồi nấp sau một bụi chuối, bước ra. Mắt H ồi đã ướt, nhìn Vĩnh:

- Thầy em và chúng em cũng đoán trước sự việc này rồi. Cái làng này, ai chẳng có quy ền khinh. Bây giờ, tùy anh...

Vĩnh cúi nhìn xuống đất. Rồi bỗng anh nắm lấy tay Phiên và tay H ồi, mắt anh như rực lửa:

- Cơ sự đã thế này thì ngay từ hôm nay tôi không về nữa. Tôi sẽ dựng một căn nhà gianh ở làng này, để theo bác ra khơi, đợi khi nào thầy tôi h ồi tâm lại, sẽ hay.

H ồi ngược mắt nhìn Vĩnh. Hai bàn tay họ nắm chặt nhau, th ăm trao tình gắn bó.

IV

Phiên và H ồi đã giúp Vĩnh dựng xong một gian nhà gianh vách đất bên cây đa cổ thụ gần ngay giếng nước. Hai nhà cách nhau chỉ một quãng, nên ngày nào ba người cũng qua lại chơi bời thân mật. Mới được chừng nửa tháng, Vĩnh đã theo Phiên ra biển hai, ba bận. Vĩnh khỏe mạnh, can đảm, sáng ý, thành ra học được nghề chài lưới chẳng khó khăn gì.

Một sớm, ông trùm Vạn, bố Phiên bảo con đưa Vĩnh đi xem cảnh đảo, cùng lúc, thăm hỏi bà con trên đảo. Ông nói:

- Tôi cần báo trước với anh Vĩnh: dân đảo dừa này đầu là tứ chiếng quần cư. Phần đông ông cha họ xưa kia là những người cần vũ khí trong các cơ đội hùng mạnh của Đê Thám, Tán Thuật, Cai Vàng. Những cơ đội nghĩa quân ấy đã dần dần tan rã chỉ do cái hèn nhát của một tên vua. Đọc sách sử, anh đã rõ.

Nghe ông trùm giới thiệu gốc nguồn dân đảo, Vĩnh kinh ngạc, lạnh sống lưng. Ông trùm tiếp:

- Qua nhiều năm, họ rủ nhau kéo đến đây sinh sống, một lòng, một chí, chịu sự điều dắt của tôi. Họ thay tên đổi họ, tất cả chung một họ Trần. Tôi đã tình cờ tìm ra cái đảo này, đặt nhát cuốc đầu tiên xuống mảnh đất hoang này. Bởi thế, họ xây cho tôi cái sinh phần ở cuối đảo, lát nữa, anh sẽ thấy.

Vĩnh đã cùng Phiên đi hết đảo, đã thăm hỏi khắp mặt cư dân. Vĩnh nhận thấy họ rất đàng hoàng trong thái độ và ngôn ngữ. Phút giây đầu, anh mến họ và họ cũng quý anh.

Thấm thoát qua nửa tháng. Một buổi trưa, Vĩnh ra sông tắm; về thấy đông nam nữ hội nhau trên mảnh sân rộng nhà cụ trùm, người cần đoản côn, người cần mã tấu, đoản đao, giáo mác. Vĩnh đứng khuất mình ở một góc sân. Yên lặng như tờ. Ông Vạn ngẩng chiếc ghế to đặt trên thềm. Ông giảng giải cho môn đồng nghe về võ thuật.

Vĩnh thêm kinh ngạc về lai lịch ông trùm. Thì ra ông già này, thoát nhìn hình dáng có vẻ suy nhược, tàn phế đến nơi (ngỡ là ông chờ chết) lại là một con người toàn tài văn võ, khéo ẩn mình.

Cuộc thao diễn võ thuật kéo dài đến tận chiều. Lòng náo nức, Vĩnh vẫn đứng ở góc sân, sau một cây đại thụ, nhận xét tài lực của đám môn sinh ông

Vạn. Cả nam lẫn nữ, người nào cũng mạnh, nhanh, song cách sử dụng binh khí đôi lúc, đôi người, còn khiếm khuyết, cần phải kịp sửa ngay. Bỗng ông trùm cất tiếng lệnh cho H ồi ra đấu mã tấu với một thanh niên tráng kiện, khôi ngô. H ồi không chút rụt rè, vâng lệnh. H ồi vận lối võ sinh, đầu quấn khăn tím đầu rìu, quần màu mận ống bó chèn, áo màu xanh quấn ngang lưng giải lụa hồng, chân dẫm đất. Vào cuộc, hai thanh mã tấu chạm nhau tóe lửa. Đường đao của cô gái biến hóa khá lạnh lẽ, có những nhát chém ngang, chém bổ thượng xuất thần. Địch thủ cô, không kém. Vĩnh tấm tắc khen. Qua mấy đường đánh hệt, H ồi nghe như đã thở. Đôi võ sinh d ần nhau tới sát vòng vôi, gần ngay chỗ Vĩnh. Chàng trai d ần d ần d ần cô gái vào thế bí. Đỡ một đòn quá mạnh của đối phương, H ồi vô tình xoay lưng về Vĩnh. Quá h ồi hộp, Vĩnh nói đủ H ồi nghe, mách người yêu một thế thủ, thế công. Tình yêu luôn sẵn lòng giao cảm, H ồi nghe tiếng Vĩnh, nghe hơi Vĩnh, thốt khỏe ra. Nhanh như làn gió, cô phá đòn địch, hạ mình thấp xuống, phóng đao quét ngang chân, tung mình lên, phóng cước. Đối thủ của H ồi kêu lên một tiếng, ngã bệt xuống. Cả võ trường hò reo. Ông trùm vuốt râu cười. Đôi mắt tưởng như kèm nhèm của ông già, thực tình, đã nhận rõ toàn thể hiện trường. Ông biết và mừng, thấy thẳng rẽ tương lai của ông đã khéo giấu mình ít ngày nay trước mặt ông. Anh chàng mách cái nước đỡ đòn hạ địch cho con gái mình ắt phải là một tay cao thủ, cũng là trúng ý ông lúc đó, song ông không thể lên tiếng “gà” cho con gái.

H ồi cúi đỡ anh chàng bại trận đứng lên, nói mấy câu nhún mình xin lỗi, rồi quay lại phía Vĩnh, đôi mắt đã sẵn đen nhánh càng thêm lóng lánh, chớp động hàng mi dài cong vút. Mồ hôi đọng trên v ầng trán, cặp má anh đào. H ồi loay hoay nắn túi tìm khăn lau mặt. Vĩnh nhanh tay đưa H ồi khăn tay của anh, H ồi lau xong, nở nụ cười duyên, đút vào túi áo:

- Cảm ơn, cảm ơn anh Vĩnh!

Cách đó ba hôm, ông trùm muốn biết thực tài Vĩnh, tự đánh c ồng, triệu tập võ sinh tại sân nhà. Ông mời Vĩnh thao dượt một bài quyền, bài côn, bài kiếm. Thế chẳng thể dừng, Vĩnh đành phải vâng lệnh ông trùm một mình đứng giữa sân, trước mấy trăm cặp mắt, biểu diễn mấy môn anh đã được một võ sư người Nghệ Tĩnh truyền dạy ban đêm trên đỉnh núi Bến Than.

Dân đảo, không thiếu mặt nào, hết lời thán phục người khách lạ. Từ buổi ấy, họ tìm đến với anh, khách lạ thành người quen, bạn quý. Riêng H ấ, kể làm sao xiết cái vui, cái mừng, cái trọng đối với Vĩnh, đóa hoa điểm phúc của đời cô.

Một hôm, Vĩnh nằm trong l ầu, nghe mưa gió. Anh nghe tiếng chân người rậm rịch chạy qua. Vĩnh vặn cao ngọn lửa đèn hoa kỳ, khẽ rút then cửa, ló đầu ra. Phiên và H ấ vừa đi tới. Thấy Vĩnh, H ấ ghé tai nói nhỏ:

- Em có lỗi, không nói anh biết từ chi ầu. Canh ba đêm nay, thám báo của bố cho biết có hai thuyền Tàu Ô ở Móng Cái sang, đem hàng lậu vào Cửa Tùng bán. Bố cho lệnh đánh, thuyền mình phục sẵn tại ngã ba sông gần cửa biển. Chúng em sắp khởi sự cất quân. Anh ở nhà, chờ sáng tỏ, em về. Đừng nóng ruột, đừng lo gì cho em hết, nghe anh!

Nói r ấ. H ấ vuốt má Vĩnh, thần thì, giọng ngọt ngào mát rượu: “Nghe, anh! Đừng lo gì cho em nhé. Em đã quen r ấ, anh Vĩnh à!”.

Vĩnh nhìn thẳng vào mắt H ấ, giọng như đao kiếm:

- H ấ thừa với bố, cho anh góp sức trận đánh này. Anh rất muốn coi tận mắt lũ giặc Tàu Ô khét tiếng hung ác xưa nay. Anh rất muốn coi tận

mắt trai gái đảo dừa tung hoành hoạt động ra sao, nhất là trong đó có em, cô gái làng Sơn Hạ, cô gái yêu quý của anh, của cả đời anh.

Hồi đưa mắt nhìn Phiên. Người anh vui vẻ gật đầu. Tiếng cồng vẳng tới. Hai anh em vội kéo tay Vĩnh cùng rảo bước đến “đại bản doanh”, sân nhà ông trùm Vạn. Thấy Vĩnh trong ánh lửa những cây đuốc nhựa thông, ông trùm giơ cao cánh tay vẫy mời. Vĩnh bước đến gần ông già. Ông bảo:

- Tôi chưa muốn để anh dự trận là vì còn e ngại! Nay anh có bụng hào hùng muốn cùng sinh tử có nhau, tôi xin mời anh đi. Anh giám sát thế trận, thấy đi đâu gì lợi hại, báo ngay cho chúng tôi biết. Không cần giữ ý.

Vĩnh khẽ vâng. Ông lại dặn thêm:

- Điều này, bác nói thật. Cái con bé Hồi của cháu ấy, nó gan dạ, lì lợu lắm lắm đấy. Phải canh chừng nó, luôn luôn để mắt đến nó. Bác tin ở hành động khôn ngoan của cháu.

Canh hai, đoàn thuyền trai gái đảo dừa lặng lẽ tiến ra cửa biển. Canh ba, thuyền Tàu Ô đến, bị đánh bất ngờ. Tàu Ô nổ súng. Hồi, đoàn kiểm cầm tay, né mình sau cột buồm to, bảo Vĩnh:

- Anh tưởng ta không có súng à? Anh chờ nghe đấy!

Lập tức, súng ở mấy thuyền dân đảo liên hồi trả lại súng Tàu Ô. Đạn giãc nhả thừa dãn. Hồi, Phiên thét hiệu lệnh, cùng Vĩnh và quân nhảy cả sang thuyền giãc. Quân chiến bằng mã tấu, còn kiểm một hồi, giãc biển chết nhiều trên mặt sóng, một số nhảy xuống bờ trốn chạy.

Hồi cầm quân trận ấy, toàn thắng kéo về với hai thuyền hàng của Tàu Ô. Ông trùm chia đều cho dân đảo. Cả ngày sau, Hồi nói cười vui vẻ. Hồi

rủ Vĩnh đến bãi lau, ng ửi đón cơn đông đang kéo đến. Vĩnh vuốt ve bàn tay trắng mịn của H ửi, bàn tay này, đêm qua, đã thọc lưỡi kiếm suốt bụng qua lưng tên cướp biển. Bàn tay dính máu. Tuy nhiên, Vĩnh vẫn thấy yêu bàn tay ấy, bàn tay người đẹp dám diệt cái ác, trừ cái hại cho thiên hạ. Cái đẹp chỉ có thực trong hành động. Vĩnh b ửi h ửi, đặt bàn tay ấy lên ngực Vĩnh.

Tu ần sau cách đó, ông trùm Vạn chỉ định Vĩnh c ầm đầu một trận đánh thuy ền cướp biển, có H ửi và Phiền bên cạnh. Trận ấy, Vĩnh vận dụng toàn trí lực, thắng rất nhanh, rút quân v ề cùng chiến lợi phẩm sớm hơn giờ ông trùm chờ tin tức. Ông ôm Vĩnh, vỗ vỗ vào lưng, cũng không quên xoa đầu con gái quý.

H ửi bùng khay rượu, đ ồ nhắm đặt lên bàn. Ông trùm rót rượu mời Vĩnh. Rượu ba tu ần, ông vào bu ồng mở rương sắt, lấy ra thanh kiếm đưa Vĩnh xem.

- Thanh cổ kiếm đã nhuộm nhi ều máu giặc. Kiếm tùy thân của ông Tán Thuật để lại cho ông cụ sinh ra ta đó. Thuở ấy, ta còn trai tráng, theo bổ sung quân, chuyên giữ ngựa cho ông Tán Thuật, sau chuyển sang theo h ầu ông Cai Vàng, được hai ông thương yêu, truy ền võ nghiệp. Ông Tán Thuật trao ta thanh kiếm cổ này, dùng trừ diệt lũ quan văn bán nước, ôm chân giặc Pháp - Giọng ông thấp xuống: - Bữa nay, ta trao cho cháu. Tay yếu già r ồi. Kiếm báu cất lâu hoen rỉ. Cháu dùng nó thay ta, thỏa mãn linh h ồn các bậc ti ền nhân, ti ền bối.

Hai tay đón nhận cổ kiếm, Vĩnh cúi đ ầu:

- Cháu ghi ơn bác trọn đời. Cháu ở l ầu tranh trống trải sợ kẻ gian trộm mất. Xin gửi bác, khi nào dùng sẽ xin bác trao tay.

Ông trùm ưng ý, cười ha hả, tiếng cười già trẻ tương tri.

Tiết trời sang hạ. Khắp rừng cây đảo ve sầu lạnh lốt. Vĩnh, một mình, ngồi bên bãi sậy, ôm cây đèn nguyệt mượn của cụ trùm. Mặt trời đã khuất nơi chân mây đỏ ráng. Anh đèn đôi khúc, tiếng đèn gợn gợn oán than. Tâm trạng anh rối loạn, nỗi đau nghĩ đến mẹ già bên kia bến, thấm vào đường tơ, rung lên những âm thanh não ruột, Vĩnh có ý đợi H ỏi. Cô đi đâu từ sớm, anh không biết, chỉ đoán là H ỏi đi lo việc của ông trùm.

Bóng tối đổ xuống rừng cây, nhuộm đen sông nước. Có tiếng động rất nhỏ đâu đây. Vĩnh ngừng đèn, chưa kịp quay đầu lại nghe hơi gió, thì, như tia chớp, một mũi lao xuyên vút tới. Vĩnh nghiêng mình, cúi thấp, phóng cánh tay ra gạt, nhưng không kịp né, mũi lao đã cắm ngập vào mạng sườn, cán gỗ rung rinh. Vĩnh ôm vội vết thương, định nhổ lưỡi lao. Một bóng người nhào tới. Ánh thép loáng lên. Một vết đùi anh bị b ả thêm nhát chém cực kỳ hung hiểm. Thân hình Vĩnh li ền đổ xuống. Gian nhân co chân chạy, chưa kịp rút lại ngọn lao cắm ở sườn Vĩnh, bởi nó nghe tiếng chân ai chạy đến. Phiên bấm đèn soi. Nhận rõ mặt thẳng Sói, Phiên vừa tri hô ầm ĩ, vừa rượt đuổi tên hung thủ. Rừng cây đen đặc tối giúp nó biến đâu mất. Phiên quay lại. Mấy người trai nhà gần đó đã đứng quanh vũng máu. Họ cùng Phiên khiêng Vĩnh về l ều.

Lát sau, H ỏi đi việc ở thôn bên v ề, nghe tin, chạy đến. Cái gan, cái li ều của cô gái trong trận đánh lúc này không còn nữa, nhường cho tiếng kêu than, nước n ỏ, nước mắt của cái “Nhi nữ thường tình”. H ỏi gắt l ịm bên cạnh Vĩnh. Ông trùm vẫn bình thản như thường, bảo người trai thủ hạ:

- Chạy mau tìm anh D ềnh Xảy, mang cả thuốc men, đến ngay đây!

Bố Dềnh Xảy, xưa là thủ túc chữa bệnh cho gia đình cụ Hoàng Hoa Thám, Dềnh Xảy học được nghề cha, lưu lạc đến đảo này từ ngày đảo mới được ông trùm Vạn dựng lên. Anh chữa mọi bệnh toàn bằng lá thuốc, được mọi người tin cậy.

Hải tỉnh dậy, nghiêng răng rút mũi lao ở sườn Vĩnh. Máu ộc ra. Máu ở đùi cũng chảy ròng ròng. Lòng dạ cô đau như cắt. Dềnh Xảy tận tình bôi thuốc, rịt lá, băng bó, và đổ thuốc cho Vĩnh uống. Anh dằn tỉnh, hé mắt trước hết nhìn Hải, mỉm cười. Đầu óc anh đã sáng ra. Anh bắt đầu nhớ đến lời một bà già ở xóm lau nói với anh bữa nọ: “Cháu nên cẩn thận giữ mình. Ở cuối bãi kia, có cái thằng Sói thiên lôi đánh không chết, đã lâu rồi nó mê say theo đuổi, rình mò con bé Hải, mong cướp cô làm vợ. Ông trùm cụ tuyệt không cho nó đặt chân vào ngõ. Cô Hải cũng đã có lần tát vào mặt nó ngay giữa chợ cá tôm. Nó thù, uống rượu say dọa giết cô Hải. Hơn một tháng nay, biết cô Hải sắp làm vợ cháu, nó lại rêu rao hàng quán thế phải giết cháu bằng mọi cách...”.

Vĩnh nghe bà già nói vậy, anh vẫn không để dạ, coi thường. Bởi trong thâm tâm Vĩnh nổi chán chường, mệt mỏi khiến anh coi sống chết là chuyện không đáng quan tâm lắm.

Ông trùm Vạn, anh em Hải, bà con thôn xóm đảo cho đến thầy thuốc Dềnh Xảy ngày đêm chăm nom cứu chữa, canh gác cho Vĩnh nằm tĩnh dưỡng. Vết thương ở sườn tuy đã đỡ đau, nhưng dù thuốc gì đi nữa, máu vẫn rỉ ra, khiến Vĩnh cứ gầy yếu đi, nhắm mắt là mê sảng, oán cha, thương mẹ. Vết chém ở đùi thịt có lành rồi, nhưng xương vỡ nát, thuốc đâu vô hiệu.

Hồi sớm tối ngồi bên Vĩnh hăm hở an ủi Vĩnh: Hồi sẽ trả thù, lấy đầu thằng Sói. Vĩnh nhìn Hồi âu yếm, chỉ lắc đầu cười mỉm. Ông trùm, sau hôm Vĩnh bị thương, sai người truy lùng thằng Sói. Ngay hôm đó, Sói đã tự đốt gian lâu con của nó trên bãi sù, tại đó nhiều năm nay nó sống chờ vợ, không hề một ai lui tới. Cả tài sản của Sói là một con thuyền, tấm lưới. Nó đốt lâu rồi đẩy thuyền đi mất hút, biệt tăm. Người ta không biết lai lịch Sói, chỉ đoán phỏng là nó vượt tù, giết người cướp của, bị Tây truy nã, trốn vào đây, ngay từ ngày đầu ông trùm mới đến. Vì thế, ông trùm không nỗ lực xuất nó ra khỏi đảo. Không ai ưa nó. Thân hình nó to cao, mắt lồi, râu quai nón nổi liền với râu cằm, ria mép. Quanh năm uống rượu với cá sống thay cơm. Ở đâu có đàn bà, có nó, là có máu rửa oán thù.

Qua một tháng, Vĩnh đã được Hồi nâng đỡ ngồi lên tập lần ra cửa. Tấm thân cường tráng của Vĩnh sút rạc đi nhanh chóng. Chân phải gãy xương, khó lê thành bước, luôn luôn Vĩnh nhọc mệt, đau nhức, phải dựa mình vào vai Hồi cho khỏi ngã. Hồi càng rên rỉ, xót xa, càng căm thù thằng Sói.

Thương Vĩnh không kém gì Hồi, ông trùm, một buổi ban mai, ngồi kỳ cạch làm cho Vĩnh đôi nặng gối. Vĩnh tập đi đu mình giữa cặp nặng như cái chuông khi bước, Hồi nhìn anh, lau nước mắt. Vĩnh chỉ mỉm cười.

Trong cơn ốm, hai bức thư của bà cử nhờ Lũy - bạn thân Vĩnh ở bên than - ghé thuyền, lên đảo, tìm Vĩnh trao thư. Nhưng Hồi dặn mọi người không cho Lũy gặp Vĩnh, sợ rằng Vĩnh xem thư mẹ, anh càng thêm ốm.

V

Vào một ngày hè oi nóng. Mây trắng xốp như băng tuyết trải bồng bồng khắp nền trời xanh sáng. Chiếc thuyền gỗ nhẹ hình lá trúc uể oải rẽ

sóng lướt tới đảo xanh làng Sơn Hạ. Thuyền ghé bãi lau ven đảo. Ông cử, bố Vĩnh, khăn lượt, áo the, quần lụa trắng đã ngả màu, tay chống ô lục soạn, tay cầm chiếc roi tre gai lớn bước lên bờ. Lũy, bạn chí thiết của Vĩnh, mặt buồn rười rượi, vẫn ngồi yên dưới thuyền, không nhúc nhích. Anh thương bạn, biết rằng Vĩnh sắp bị người cha khắc nghiệt kia làm nhục.

Chó sủa vang. Gia nhân ông trùm chạy ra ngõ, thấy khách lạ hỏi chủ mình, vội đưa khách vào nhà. Ông trùm đứng trên thềm đón khách. Nét mặt chủ nhân ân cần, tươi tỉnh bao nhiêu thì nét mặt khách hằm hằm, bức tức bấy nhiêu. Linh cảm đã thềm báo ông trùm vị khách quý là ai, nên nét mặt ông nghiêm lại. Ông giơ tay mời khách:

- Xin lỗi, mời cụ ngồi. Quý nhân cho kẻ già nua thô lậu này được biết lý do cuộc thăm viếng bất ngờ này...

Ông cử cau mày, quắc mắt, ngó mặt ông trùm, dần giọng:

- Tôi cất công sang cái đất này, chính vì cần gặp thằng con tôi, thằng Vĩnh. Đã mấy tháng nay, nó bỏ nhà đi lang bạt, có thể nay làm đạo tặc, có thể mai bị tù đầy. Nó trốn lẫn tại nhà này, tôi biết. Ông mau gọi nó ra đây.

Ông trùm ù tai, tím ruột. Ông nhìn sững mặt ông cử, chột cấn môi. Hình dáng một con người cũ, lâu rồi, đúng hơn là một cái bóng ma đang rõ nét, nổi hình trước mặt ông. Một kẻ thù, một tên phản bội, đã qua nhiều năm ông lặn lội đi tìm kiếm mà chưa thấy. Lão đây rồi!

- Ông có nghe tôi nói đấy không? - Ông cử gắt - Mau bảo thằng nghịch tử, thằng đạo tặc ra đây. Nhà ông là một ổ dân loạn, một nơi nhà chứa. Ta sẽ sai người đốt. Ta sẽ triệt hạ cái làng quỷ dữ này...

Cơn tức giận khiến nước miếng chảy ra, cổ tắc nghẹn, không thốt nên lời nữa, ông cử hần hần, đập ngọn roi tre xuống chiếu.

Ông trùm vẫn ung dung cười nhạt, hướng ra sân, lên tiếng:

- Phiên đâu, anh ra lầu, dắt anh Vĩnh lên đây. Mau!

Có tiếng dạ ran. Giây phút chờ đợi Vĩnh đến, khách chủ không hề nói năng gì cả. Lát sau, tiếng nạng gõ khua lộc cộc lối đi lát đá, Vĩnh tới thềm, nắng dãi chói chang. Anh nhìn lên, nhận thấy cha mình. Bất giác một bên nạng tuột nách rơi xuống đất. Cả thân anh treo vào một nạng, muốn nhào sập xuống.

Ông cử, cơn điên giận nén dằn từ này, thấy mặt Vĩnh, bốc lên, bật lên như sức lò xo. Ông bật dậy, bước xuống thềm, giơ thẳng cánh tay quất, vụt, đánh tới tấp vào đầu, vào mặt, vào khắp cái thân hình què quặt, ốm đau. Vĩnh nghiến chặt hai hàm răng, không tránh, không đỡ, không kêu một tiếng. Chiếc roi tre gai xé thịt da, rách bật máu Vĩnh. Anh vẫn đứng lặng như cục đá, trợn mắt nhìn người bố. Ông cử thở dốc lấy hơi sức, rồi lại vụt, lại quất, lại đánh, Vĩnh vẫn nghiến răng đứng trơ trơ.

Từ nãy, Hỡi nấp sau bụi cúc tần, giận, thương, uất ức, làm cô run lập cập. Bất thình, Hỡi một bước, nhảy vọt ra, giơ lưng, giơ mặt, hứng lấy, đỡ lấy ngọn roi gai vun vút xuống. Máu ở mặt Hỡi ứa chảy. Vai áo lụa rách toang dưới sức roi, rách da thịt hằn hai ba lần máu. Ngọn roi gãy làm đôi. Ông cử vút roi xuống đất, hần hần bước lên thềm, gieo phịch người xuống ghế.

Từ đầu đến lúc này, ông trùm vẫn ung dung tự tại - trầnh tĩnh vượt râu, uống nước, mắt nhìn vòm trời nắng đỏ sao vàng, miệng như muốn cười,

không muốn nói.

Ông cử thờ một h ấi, nhìn xuống. Vĩnh vẫn đứng trơ trơ. Bên Vĩnh, một cô gái yêu kiều, thanh nhã, gương mặt như hoa, đang lay động Vĩnh, cố dìu Vĩnh bỏ đi. Nhưng Vĩnh vẫn trơ như đá, vững như đ ồng, bất động với bàn tay ấp ủ, xoa vuốt của H ấi.

Ông cử vơ chén nước, uống một hơi, quát Vĩnh:

- Thăng Lũy chờ ngoài thuy ền đó. Thăng nghịch tử mau ra thuy ền mà về bến. Tao còn phải dạy mày đến nơi đến chốn, không phải trận đòn này đã đủ đâu!

Vĩnh vẫn không động đậy, mắt đỏ vằn tia máu, mở to ra, nhìn người bố không hề chớp.

Ông trùm, tới lúc này, xoay người lại, dịu dàng bảo Vĩnh:

- Thôi thế đủ r ấi. Ta đã hiểu ra tất cả. H ấi hãy đưa anh Vĩnh về l ầu nghỉ. Ta có câu chuyện cần nói riêng với khách. Các con hãy lùi mau.

Vĩnh từ từ nhích động. H ấi cúi nhặt chiếc nạng gỗ. Hai người khuất dạng sau những bụi cây, tiếng ve s ầu rả rích trong nắng lửa.

Tư thế vẫn ung dung, ông trùm đưa tia mắt như lưỡi dao vào thẳng mặt ông cử, cao giọng nói:

- Nào, bây giờ, tôi nói chuyện với ông cử Văn đây! Ông đồng tai nghe cho rõ.

Cái tiếng cử Văn làm ông cử giật bản mình. Ông lẩm bẫm: “Sao lão quê mùa hủ lậu này biết tên ta?”. Ông trùm nhận thấy cái giật mình của ông cử,

ông đi ền nhiên tiếp:

- Ta biết ông. Ông không thể biết ta. Bởi ta là người đi truy lùng, còn ông là kẻ đi trốn lẫn.

Mặt ông trùm đanh lại:

- Cách đây khá nhiều năm, cử Văn, tức huyện Văn đã nhúng ngòi bút lông vào máu. Cử Văn đã viết thư tố cáo với tri ều đình Huế, với cha con thằng giặc bán nước họ Hoàng, với quan Tây, bắt tù tội, xử tử tất cả năm bậc sĩ phu khoa bảng về tội gia nhập Cần Vương. Trong hàng ngũ Cần Vương đó, có cả người, thằng ngụy nho liếm gót giặc. Tây cho người một chức quan. Nhưng người sợ chết, người bỏ ghế quan, đi lẫn trốn. Nghĩa quân Bãi Sậy giao cho ta lệnh tìm kiếm giết người, rửa oán cho năm mạng.

Cử Văn, mặt như chàm đỏ, cúi g ần mặt xuống. Ông trùm cười nhạt, tiếp:

- Nhiều năm rồi, ta nghe ngóng tin người. Hóa ra kẻ thù ta ở ngay sát nách. Nếu biết, ta đã sang bên “thăm” người với lưới kiếm này rồi!

Ông với tay lấy thanh cổ kiếm, soạt một tiếng, kiếm ra khỏi vỏ, sáng ngời, dường như n ồng tanh hơi máu.

Cử Văn run sợ, hai tay xoắn vào nhau, như muốn van xin, lay lục ông trùm. Nhìn thấu tâm trạng hèn nhát của kẻ thù, ông trùm lạng lẽ nhìn sân nắng, vuốt chòm râu cước, cười khẩy:

- Cái đầu người có đáng được hưởng lưới kiếm này không, người tự xét xem. Lúc này, mệnh người ở tay ta. Người tự đâm đầu vào máy chém. Nhưng ta rộng lòng, mở đức mà nghĩ lại. Ta cho người tạm sống mà về,

chính bởi ta nghĩ đến cái tình của đôi trẻ, trai tài gái sắc, chúng thương yêu nhau. Giết mi, trừ đi một lão ngụ nho phản phúc, ta chỉ cần đưa một nhát gươm, nhưng ta không nỡ làm đau lòng con trẻ, mặc dầu chúng chẳng coi người là người cha hiền đức.

Ông trùm ngừng lại, rũ áo đứng lên, quát lớn:

- Thôi, ta nói thế đủ rồi. Người có thể ra thuyền rồi đấy. Cút mau!

Qua mấy hôm sau, người bến than biết tin ông cử vội khăn gói gió đưa, xin tiễn bà vợ làm lộ phí trở về quê quán vùng Kinh Bắc. Bà cử đi theo. Ông nhất quyết không cho, thề không bao giờ nhìn mặt vợ và thẳng nghịch tử.

Cũng một tuần sau, ngoài bến than lại nghe tin ông cử chết bệnh ở dọc đường, mất xác. Bà cử kêu khóc, ốm, không dậy nổi.

Hồi bàn với Vĩnh, xin sang sông rước đón bà cử về xóm đảo thuốc thang hầu hạ, cho người bến than khỏi chê cười Vĩnh, cho Hồi trọn đạo dâu con. Vĩnh không muốn về bến cũ với tấm thân tàn tật, ngại thiên hạ xì xào, ngại hơn nữa là Nhàn. Vĩnh sợ, không dám thấy mặt người gái thủy chung, hiền đức ấy. Vĩnh viết thư, năn nỉ xin mẹ sang bên đảo. Trong thư có cả lời mời mọc chân thành của ông trùm Vạn. Một sớm, Hồi cùng Phiên chở thuyền sang bến, Hồi trình bày hết lẽ, sụp lạy “mẹ chồng”, sau đó, bà cử mới ưng thuận sang sông, sống với con trai.

Thấy đôi trẻ yêu nhau, ông trùm khôn cần nước mắt. Nhân có bà cử đã sang chung sống với con, ông trùm quyết định tổ chức hôn lễ cho con. Vĩnh không muốn cưới. Anh nghe trong mình khó thọ, không nỡ để người

vợ trẻ sớm thành góa bụa. Vĩnh xin khất năm sau. Ông trùm không bằng lòng, mà H ồi thì khóc, tui phận mình. Vĩnh đành tắc lưỡi nghe lời. Đám cưới rất xu ềnh xoàng, đơn giản. Không hoa, không pháo, không cỗ. Chỉ có chén trà suông, mời bà con chứng giám. H ồi nảo ruột thở dài, c ần tay Vĩnh: “Thôi, thế cũng là xong!”. Sớm chiều, H ồi hết lòng nâng niu ch ồng, hết lòng h ầu hạ mẹ ch ồng, ai cũng khen H ồi vợ hi ền dâu thảo.

Thằng Sói, từ hôm định giết Vĩnh, r ồi tự đốt l ầu, trốn tránh nơi xa, không ai thấy bóng Sói quay lại đảo dừa. Người xóm d ần cũng quên đi, duy có H ồi, không bao giờ cô gái ấy nguôi thù khi vợ ch ồng cô còn t ồn tại ở xóm làng Sơn Hạ.

Cơn mưa vừa dứt, nắng hoe lên. H ồi dắt Vĩnh ra ng õ chơi bên bờ lau sậy mọc um tùm. Ở đây, mọc lên một thân cây lớn, quá cỡ vòng ôm. Người đảo không biết tên nó là loại cây gì, thân to, cao vút, suốt cả bốn mùa cành lá tươi xanh. Người ta gọi nó là cây xanh. H ồi yêu mến cây xanh, vì H ồi đã tập đi, tập chạy dưới vòm lá cây này. H ồi tựa lưng vào thân cây. Vĩnh nằm trên rêu cỏ, gối đầu lên đùi vợ.

Thốt nhiên, H ồi rú lên một tiếng:

- Nó kia r ồi! Nó, đúng nó!

H ồi nhắc đầu Vĩnh lên, đứng vùng dậy, nhanh tay với cây lao của kẻ thù mà lúc nào đi đâu H ồi cũng mang theo phòng khi gặp Sói, giết Sói bằng mũi lao thù truyền kiếp.

H ồi c ầm lao, chạy xuống bãi lau; ở đấy luôn đậu chiếc thuyền nan sẵn đôi chèo gỗ tốt. Thuyền Sói đang rẽ nước ngược dòng sông, không biết có

Hồi trong bãi sậy.

- Nó đấy! Nó đấy! Em đuổi theo, giết nó, một mất một còn!...

Thấy vợ một mình chơi nhau với con ác quỷ, Vĩnh không đành lòng ngỗn đợi. Anh tập tễnh đuổi theo, cũng xuống thuyền. Hồi kêu lên:

- Anh để em đi. Em quyết giết nó, không cần anh giúp sức..

Nhưng Vĩnh mỉm cười, bình tĩnh trong bất cứ tình huống khó khăn nào:

- Kẻ thù của anh. Phải để chính bàn tay anh giết nó. Chèo đi, kéo nó chuồn mất đấy!

Hồi dồn hết sức chèo. Thuyền nan, nhẹ, trườn nhanh cõng lên đầu sóng ngược. Thằng Sói quay lại nhìn thấy vợ chồng Hồi. Nó nổi cơn ghen, quát to một tiếng, lao cả thuyền gỗ vào chiếc thuyền nan mỏng manh. Nhưng trước khi mũi thuyền nó đâm tới, tay Hồi đã phóng mạnh ngọn lao, mũi sắc loáng cắm ngập vào lưng Sói. Nó rú lên. Cán lao rung trên cái lưng trần to như lưng trâu mộng. Máu nó đổ ra. Nó gào thét, nhảy xuống nước, dang hai bàn tay sắt lật úp thuyền nan, làm cho Hồi và Vĩnh chìm xuống nước. Vẫn mang cây lao run bần bật trên lưng, máu hòa với nước, Sói ngụp xuống, quờ quạng tìm Hồi, Vĩnh. Hồi vốn giỏi bơi hơn Vĩnh. Cô bơi vòng ra sau lưng Sói, cố rút mũi lao ra, đâm Sói. Vĩnh dồn hết lực tàn còn lại trong tấm thân đau ốm vào đôi bàn tay trước kia bẻ sắt, chém gạch tựa chém bùn, gắng sao bóp được cổ kẻ tử thù. Sói bơi không bằng Hồi, chỉ ngang sức Vĩnh. Dưới sóng nước, bọt ừng ực nổi lên, nó xoay ngang, lộn dọc, tránh đòn của hai đối thủ. Nhân lúc Sói đập sóng ngoi lên, nó bị hớ đòn. Mười ngón tay Vĩnh đã nắm được cổ Sói. Vĩnh nghiêng răng, nghiêng

răng, gồng hết sức mình, bóp chặt, siết chặt. Tiếng sặc, tiếng thở của Sói đã đuối hơi, khiến nước sủi tăm, hòa với máu Sói, ùa cả vào miệng Vĩnh, H ấ. Không bỏ lỡ, H ấ luồn lách, rút được mũi lao nơi lưng Sói, H ấ giữ đứng tư thế, cắm ngập mũi lao vào trũng sườn Sói. Nó giãy mạnh, rú lên, rồi chân tay nó cứng đờ đần. Thân con trâu mộng từ từ chìm xuống.

Vợ chồng Vĩnh mệt, không còn đủ sức bơi. Thuyền nan của H ấ đã lật, sóng cuốn ra xa. Vĩnh, H ấ cố gắng bơi đến thuyền của Sói, kéo nhau lên. H ấ ng ẩ thở rộn. Vĩnh nằm duỗi chân, gối lên đùi H ấ, cũng thở. Nụ cười quen thuộc, nụ cười bình thản lại nở trên môi Vĩnh. Anh vuốt tóc H ấ, khẽ nói:

- Vậy là chúng ta rửa được hận thù. Anh có ra đi, cũng được thôi! Cũng nhẹ thôi! - Vĩnh nhìn trời xanh, cười thành tiếng: - Anh có ra đi...

H ấ thốt rừng mình, nhìn Vĩnh, ôm chặt Vĩnh:

- Anh ơi, sao anh nói gở vậy, em sợ lắm, em khổ lắm, anh ơi...

Thuyền trở về, xuôi nước, đậu vào bụi lau. H ấ lấy đôi nạng vẫn dựa gốc cây, đưa Vĩnh. Lắng nghe tiếng nạng gõ lộc cộc trên lối đi lát dày đá sỏi, Vĩnh ngửa mặt hát mấy câu vui nhộn Vĩnh thường quen hát. H ấ lên nhà trên, thuật câu chuyện giết Sói cho ông trùm nghe. Ông cười khoái trá, tợp li ền ba chén rượu.

Sau cuộc rửa thù một mất một còn, Vĩnh mỗi ngày thêm đau yếu. Vết thương cũ ở mạng sườn ngâm nước quá nhiều, bị nhiễm trùng loét lở ra. Đôi chân g ần như bại liệt. Cơ sốt nóng lạnh kéo dài ngày đêm. Vĩnh g ầy rạc, không ăn không ngủ. Thầy mo D ềnh Xảy trên đảo bó tay, chịu không

chữa nổi. Vĩnh nằm chờ đi, không rên la, không buồn tiếc, coi nhẹ như đợi chờ một cuộc viễn du giải kiếp.

... Cho đến một đêm giông bão nổi động trời, bàn tay Vĩnh rời mấy ngón tay mềm trắng của vợ yêu, thở dốc lên mấy tiếng, rồi đi, nụ cười không tắt.

Hồi sống cô đơn, vò vố. Người gái góa không còn thấy đâu là biển hồ, rừng núi, cỏ cây, trời đất. Hồi thoi thóp sống với hình ảnh Vĩnh không thể chết trong cô.

Một Vĩnh kề ngay gốc cây xanh đại thụ. Đôi nạng gỗ treo ở thân cây. Một buổi tinh mơ, Hồi lại trèo lên ngọn dừa cao có tấm giấy hồng điếu gió bay phơ phất, như bàn tay ai vẫy gọi đi. Tấm giấy đỏ đưa duyên buổi trước, giờ đây tựa như cảnh phước đón hồn ma nơi hoang đảo.

Người gái góa làng Sơn Hạ thốt thở dài, quen miệng nói:

- Thôi! Thế cũng là xong.

(In lại theo Cô gái làng Sơn Hạ, NXB Văn học, 1989)

[1] *Phần: chụp đèn, chao đèn.*

[2] *Tấm liếp che mưa, nắng đan bằng tre, nứa.*

[3] *Dải đất nhô lên giữa sông.*